

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Chi đạo thực hiện:

Vũ Quý Hà - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Vinaconex

Đỗ Trọng Quỳnh - Phó bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc Tổng công ty CP Vinaconex

Bộ phận biên tập và thiết kế:

Tiểu ban Thư ký - Tổng hợp Tổng công ty CP Vinaconex

Nội dung:

Ban Tài chính - Kế hoạch

Ban Quản lý và giám sát đầu tư tài chính

Ban Xây dựng

Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án

Ban Đối ngoại - Pháp chế

Ban Đầu tư

Ban Kiểm soát

Ban Phát triển nhân lực

Văn phòng

Ảnh bìa: Dự án Chung cư 2B - Vinata Towers do VINACONEX làm Chủ đầu tư

Một số hình ảnh trong báo cáo được lấy từ nguồn internet (gcafe, dreamstime, cafee...)

MỤC LỤC



**GIỚI THIỆU
CHUNG**

06



**HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM
2016**

20



**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

34



**BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

40



**BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ
CỦA HĐQT**

50



**TÌNH HÌNH
QUẢN TRỊ**

56



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

80

2017 sẽ là năm VINACONEX

**Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ,
nâng cao thương hiệu**



Kính thưa các Quý cổ đông,

Trong năm 2016, kinh tế vĩ mô của nước ta có nhiều thuận lợi: Tăng trưởng kinh tế chung vẫn đạt ở mức cao với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Hoạt động xây dựng trong năm 2016 đạt được ở mức khá nhờ giá vật liệu xây dựng ổn định, mặt bằng lãi suất thấp cùng sự cải thiện của thị trường bất động sản. Tận dụng các lợi thế đó, cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2016 đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Tổng công ty (Công ty mẹ) và các đơn vị thành viên đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua. Đặc biệt, trong năm 2016, đã có 03 đơn vị thành viên đạt doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

Hoạt động xây lắp được xác định là lĩnh vực mũi nhọn của Tổng Công ty, được chú trọng kiện toàn về nhân sự, tổ chức (tách riêng Ban Xây dựng và Trung tâm Đấu thầu & Quản lý dự án), công tác tìm kiếm, phát triển thị trường được đẩy mạnh để tiếp tục phát triển về chất và lượng trong bối cảnh thị trường tiếp tục có sự cạnh tranh khắc nghiệt. Công tác tìm kiếm dự án mới và các công tác chuẩn bị đầu tư được Tổng Công ty tái khởi động và tích cực thực hiện sau thời gian gặp khó khăn về tài chính với các dự án mới như 93 Láng Hạ, 25 Nguyễn Huy Tưởng, dự án cấp nước Lào Cai,... Mặc dù chưa đóng góp trực tiếp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 nhưng hoạt động đầu tư đã có những hướng đi cụ thể và đã đạt được những kết quả khả quan. Việc triển khai các dự án đầu tư sẽ mang lại doanh thu – lợi nhuận cho Tổng Công ty trong những năm tới. Công tác tài chính của Tổng Công ty trong năm 2016 cũng đã làm tốt việc khai thác các kênh tín dụng hiệu quả để tạo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng Công ty. Việc khai thác, điều tiết linh hoạt các kênh tính dụng cũng góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty Mẹ. Tuy vậy, việc triển khai công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty vẫn còn chậm và chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.

Để có được kết quả như vậy, VINACONEX luôn nhận được sự hỗ trợ, ủng hộ của các cơ quan quản lý Nhà nước, Trung ương và địa phương, sự đoàn kết, nhất trí của tập thể Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty và sự ủng hộ, tin tưởng, chia sẻ khó khăn của Quý cổ đông, các tổ chức tài chính, các đối tác trong và ngoài nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và đặc biệt là những đóng góp của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty để giúp Tổng công ty CP VINACONEX hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới của VINACONEX trong các năm tiếp theo.

Trân trọng!



Vũ Quý Hà

Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Vinaconex



1. GIỚI THIỆU CHUNG

Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Một trong những khu đô thị kiểu mẫu đầu tiên tại Hà Nội, cung cấp nhà ở cho khoảng 15.000 cư dân trên tổng diện tích 30 ha, do Vinaconex đầu tư, thiết kế và thi công.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX

2010

Tháng 11/2010 - Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2012

Tháng 03/2012 – Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 4.417 tỷ đồng.

2008

Ngày 05/09/2008 Cổ phiếu của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam (mã VCG) được niêm yết & giao dịch trên sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

2006

Ngày 01/12/2006, chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

1995

Ngày 20/11/1995 Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được thành lập theo mô hình Tổng công ty.

1988

Ngày 27/09/1988 Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài, tiền thân của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập.

1991

Ngày 10/08/1991 Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài đổi tên thành Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động.



Địa bàn hoạt động của VINACONEX trải dài trên khắp mọi miền Tổ quốc từ Lào Cai (dự án Thủy điện Ngòi Phát) tới Trà Vinh (dự án Trung tâm Điện lực Duyên Hải). Trong đó, địa bàn hoạt động chính của VINACONEX chủ yếu tập trung tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.



| | |
|---|---|
| Tên gọi | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM |
| Tên giao dịch quốc tế | VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION |
| Tên viết tắt | VINACONEX., JSC |
| Mã cổ phiếu | VCG |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Số 0100105616 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/10/2015 |
| Trụ sở | Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | (84-4) 62849234 |
| Fax | (84-4) 62849208 |
| Email | info@vinaconex.com.vn |
| Website | www.vinaconex.com.vn |
| Ngày thành lập | 27 - 09 -1988 |
| Vốn điều lệ | 4.417.106.730.000 đồng |
| Vốn chủ sở hữu | 5.691.950.235.532 đồng (tại ngày 31/12/2016) |



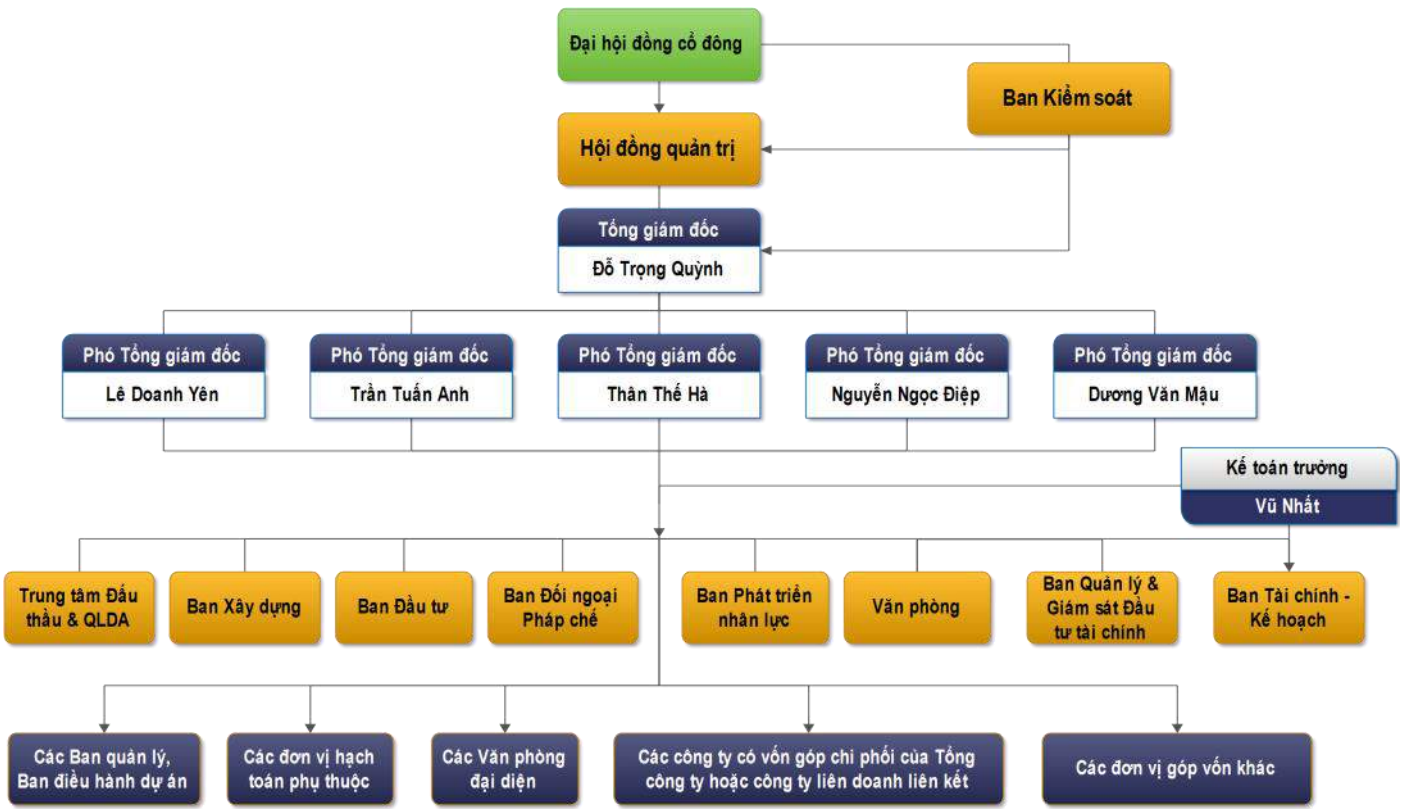
VINACONEX đang được biết đến là một **nhà thầu xây lắp** hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam với năng lực thực hiện các dự án lớn trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, thủy lợi ... dưới các hình thức nhận thầu, tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC, được xác định là 1 trong 2 lĩnh vực then chốt. VINACONEX sẽ luôn tăng cường nguồn lực, đổi mới công nghệ, thiết bị để không ngừng nâng cao năng lực, đảm nhận thực hiện các dự án quy mô lớn và phức tạp hơn, tiếp tục khẳng định vị thế của VINACONEX trên thị trường.

Các giải pháp về **quy hoạch, thiết kế** kiến trúc, kết cấu ... do VINACONEX đề xuất đều hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cuộc sống, mang hơi thở thời đại cũng như đậm đà bản sắc dân tộc.

Kinh doanh bất động sản là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng mang lại hiệu quả cao và được Vinaconex xác định là 1 trong 2 lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, nhất là đối với một doanh nghiệp có năng lực về xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng. Hiện nay Vinaconex đang tập trung hoàn thành thủ tục để chuẩn bị triển khai một số dự án bất động sản tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành phố khác...

Gắn kết giữa kinh doanh bất động sản, tư vấn thiết kế và xây lắp, **sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng** là lĩnh vực trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động của VINACONEX. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng của VINACONEX là những sản phẩm thiết yếu đối với đời sống xã hội, hàm chứa yếu tố công nghệ cao, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và mang tính cạnh tranh trên thị trường.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX



20901 cán bộ công nhân viên



27 đơn vị thành viên



10 đơn vị liên doanh liên kết

SỨ MỆNH

Đối với lĩnh vực xây lắp: cung cấp dịch vụ xây lắp đối với các loại công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình cơ sở hạ tầng với chất lượng tốt, áp dụng công nghệ tiên tiến và đảm bảo thời hạn bàn giao với giá thành hợp lý.

Đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản và hạ tầng cơ sở: cung cấp cho xã hội và khách hàng các sản phẩm đảm bảo

Chất lượng cao

Thân thiện với người sử dụng

Thực hiện đúng cam kết

Phù hợp với nhu cầu thị trường và xã hội

Tối ưu hóa lợi ích của khách hàng

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Kiên trì theo đuổi định hướng đã được Đại hội cổ đông các nhiệm kỳ trước thông qua, tiếp tục phát triển hai lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp và bất động sản.

Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh, tạo thế và lực phát triển bền vững;

Nâng cao vị thế, hình ảnh VINACONEX ở thị trường trong nước và khu vực;

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Tập trung vào hai lĩnh vực kinh doanh chính là: Xây dựng và kinh doanh Bất động sản. Trong đó:



Duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực xây dựng: Theo đuổi và thực hiện các dự án xây dựng có quy mô lớn tầm cỡ và có hiệu quả tốt.



Tập trung phát triển các dự án Bất động sản và hạ tầng có hiệu quả tốt.

CHIẾN LƯỢC HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu tổ chức sau tái cấu trúc sẽ bao gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên trong lĩnh vực xây dựng
- Công ty TNHH Một thành viên trong lĩnh vực đầu tư
- Nhóm các đơn vị đầu tư linh hoạt

Hoàn thiện hóa mô hình quản lý xây lắp, mô hình quản lý đầu tư, quản lý nhân sự, hệ thống người đại diện tại các đơn vị, xây dựng cơ chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

- Đề xuất cấu trúc và kế hoạch tài chính cho Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống văn bản quy chế của Tổng công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo đồng bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên trong lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Các giải pháp nâng cao năng lực cán bộ trong công tác tài chính, kế toán.
- Các nội dung khác có liên quan.



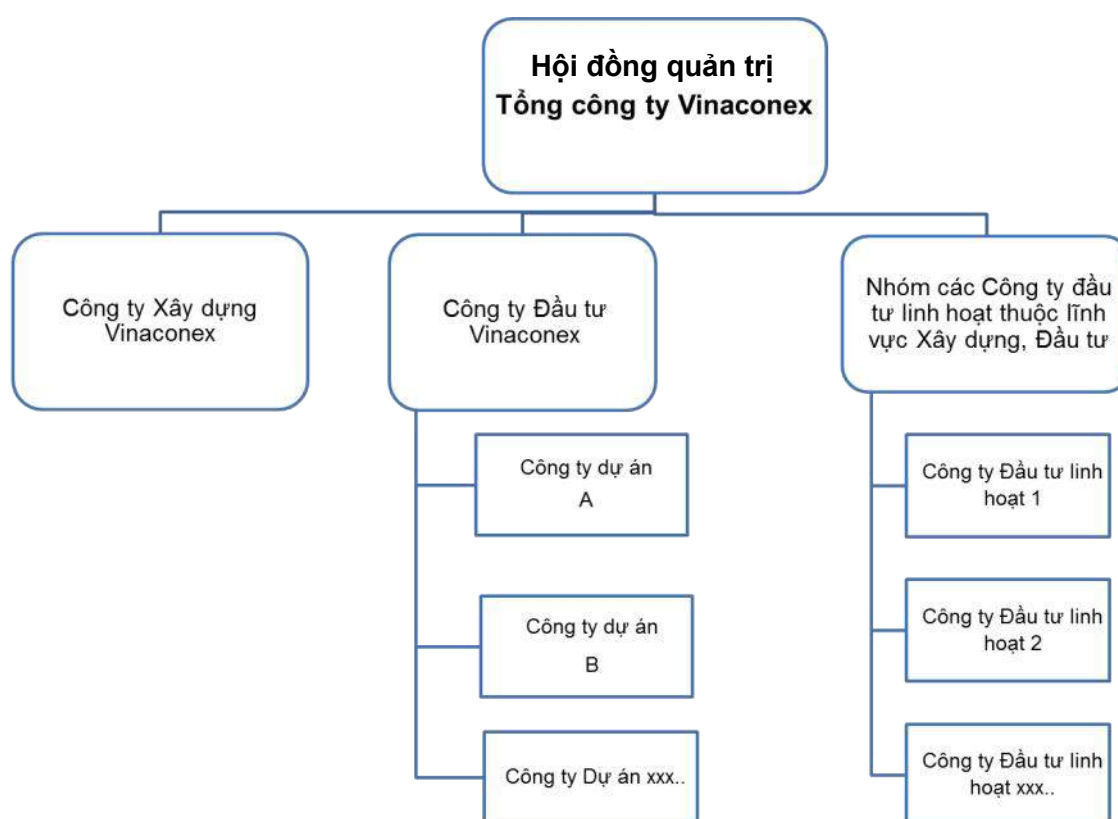
CHIẾN LƯỢC TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty mẹ VINACONEX sẽ tập trung chuyên môn hóa vào việc thực hiện các chức năng quản lý và quản trị của tập đoàn.

VINACONEX hình thành 02 Công ty trong đó VINACONEX sở hữu 100% vốn điều lệ hoạt động chính trong lĩnh vực Xây dựng và kinh doanh các dự án Bất động sản, phát triển hạ tầng.

Tập trung thoái vốn toàn bộ tại các Công ty còn lại hoặc nắm giữ dưới dạng đầu tư tài chính linh hoạt hoặc công ty liên kết để phát huy thế mạnh của nhau.

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY VINACONEX THEO ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



THUẬN LỢI



Năm 2016, tình hình kinh tế xã hội trong nước ổn định, thị trường tài chính ngân hàng được duy trì và kiểm soát chặt chẽ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, khai thác các nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả. Thị trường bất động sản có nhiều chuyển biến thuận lợi, nhu cầu xây dựng hạ tầng lớn là nền tảng giúp các doanh nghiệp xây dựng duy trì tăng trưởng.

Tình hình tài chính của Tổng Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn, dần đi vào ổn định. Tổng Công ty đã có định hướng phát triển rõ ràng và có những bước cải cách về quản trị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty lần thứ IV (*giai đoạn 2016 – 2020*) và cũng là năm đầu tiên của nhiệm kỳ lãnh đạo mới. Thực hiện mục tiêu **“Tiếp tục ổn định để bứt phá”**, tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên đoàn kết, quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đề ra

Ngoài các yếu tố nêu trên, Tổng công ty cũng nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ hiệu quả của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn SCIC và Viettel



KHÓ KHĂN

Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo; giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp. Tình hình Biển Đông phức tạp. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự báo. Thiên tai, rét đậm, rét hại ở phía Bắc, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống của người dân.

Sự phát triển mạnh của các doanh nghiệp tư nhân ở lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản (*ở phân khúc kinh doanh bất động sản cao cấp và xây dựng các công trình hạ tầng giao thông*) là đối trọng cạnh tranh gay gắt với Tổng Công ty trong quá trình tìm kiếm việc làm và mở rộng thị trường.



CÁC ĐỐI TÁC LỚN



Tập đoàn Taisei được thành lập năm 1873 tại Nhật Bản, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp, công trình dân dụng và phát triển bất động sản. Các dự án lớn mà Tập đoàn Taisei đã triển khai tại Nhật Bản gồm có: Hệ thống tàu điện ngầm đầu tiên năm 1927, Cung điện Hoàng gia năm 1968, và cầu Vịnh Yokohama năm 1989. Năm 1993, Taisei cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh Quốc tế Vinaconex – Taisei (Vinata) chuyên thi công các công trình dân dụng và nhà máy công nghiệp tại Việt Nam. Tháng 1/2015, Dự án Nhà ga hành khách T2 tại Sân bay quốc tế Nội Bài do Liên danh nhà thầu Vinaconex và Taisei triển khai thi công đã chính thức được khánh thành và đưa vào khai thác.



Tập đoàn Viettel được thành lập năm 2009, là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ 50.000 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn gồm có: cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền dẫn, bưu chính, phân phối thiết bị đầu cuối, đầu tư tài chính, truyền thông, đầu tư bất động sản, xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Hiện nay, Viettel là cổ đông lớn sở hữu 21,28% tổng số cổ phần của Vinaconex và đã tham gia góp vốn cùng Vinaconex để thành lập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel, Công ty cổ phần Phát triển đô thị Vinaconex – Viettel và năm 2013 đã tham gia vào hoạt động tái cấu trúc của Tcty và trở thành cổ đông lớn tại Cty CP XMCP .



Posco E&C là Công ty xây dựng tổng hợp hàng đầu của Hàn Quốc, nằm trong top 30 công ty xây dựng năng động nhất toàn cầu. Posco E&C cùng tập đoàn POSCO bắt đầu gia nhập thị trường Việt Nam từ năm 1992 và đã thực hiện nhiều dự án trong lĩnh vực công nghệ thép, công trình dân dụng và kiến trúc. Năm 2006, Posco E&C cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh An Khánh để đầu tư xây dựng Dự án Phát triển Khu đô thị mới Bắc An Khánh (Splendor) tại Hà Nội.

QUẢN LÝ RỦI RO

Hai lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty VINACONEX là Đầu tư kinh doanh bất động sản và Xây lắp luôn chứa đựng nhiều tiềm ẩn và rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh, VINACONEX luôn coi việc quản lý rủi ro như một phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ

Ảnh hưởng lớn nhất của biến động tỷ giá đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của VINACONEX là các khoản vay vốn có nguồn gốc ngoại tệ phục vụ cho các dự án đầu tư, điển hình là tại các công ty như Xi măng Cẩm Phả hay An Khánh JVC. Ngoài ra, việc nhập khẩu vật tư, thiết bị từ nước ngoài cho một số dự án xây lắp cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí dự án. Trường hợp có những biện pháp dự phòng và lường trước những ảnh hưởng của biến động tỷ giá sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của các dự án đầu tư và tiết giảm chi phí cho chủ đầu tư tại các dự án xây lắp mà VINACONEX tham gia với tư cách là nhà thầu thi công.



RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

VINACONEX luôn coi đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Tuy nhiên, với đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm và có trình độ, việc bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo, mời chào với mức đãi ngộ hấp dẫn hơn là điều khó tránh khỏi. Nhận thức được điều đó, Ban lãnh đạo VINACONEX luôn chú trọng tới môi trường làm việc, mức lương thưởng và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên của mình, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác và cống hiến cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

Một thách thức khác của công tác nhân sự chính là đào tạo nguồn cán bộ kế cận trong các giai đoạn chuyển tiếp. Ban lãnh đạo VINACONEX luôn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ trẻ, năng động cơ hội để đào tạo, rèn luyện, có khả năng đảm đương, thay thế đội ngũ đi trước, đảm bảo guồng quay của VINACONEX luôn được vận hành trơn tru.



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Tiếp tục đà tăng mạnh trong năm 2015, thị trường bất động sản Việt Nam năm 2016 kết thúc với những chỉ số tích cực, mặc dầu có những lo ngại ngày càng tăng về vấn đề thừa nguồn cung. Tuy nhiên, thị trường thuận lợi cũng dẫn tới việc mức độ cạnh tranh ngày một nâng cao.

Về lĩnh vực đầu tư, ngoài việc phải đảm bảo có một sản phẩm chất lượng đi kèm các dịch vụ giá trị gia tăng, VINACONEX luôn đưa ra mức giá chào bán hợp lý tạo sức hút lớn trên thị trường bất động sản.

Đối với hoạt động xây dựng, ngoài các dự án nhận thầu xây lắp, VINACONEX còn nhận triển khai các dự án EPC, đảm bảo hiệu quả và chất lượng tối đa cho các nhà đầu tư và nâng cao tính cạnh tranh với các đối thủ khác.

Ngoài ra, khi tham gia ở các thị trường mới chưa có nhiều kinh nghiệm, VINACONEX sẽ thành lập các Ban chuẩn bị dự án để khảo sát, phân tích và báo cáo khả thi chi tiết, lường trước các rủi ro trước khi bước vào triển khai dự án.



RỦI RO VỀ ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG

Trước khi tham gia đấu thầu, chào giá các dự án xây lắp, Ban điều hành VINACONEX luôn yêu cầu các bộ phận chuyên môn phải có đánh giá chi tiết, cụ thể các rủi ro về tình hình tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án, khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường đối với các dự án bất động sản. Có như vậy, hiệu quả kinh tế khi tham gia dự án mới có thể được đảm bảo, tránh gặp phải tình trạng Chủ đầu tư chiếm dụng vốn hay không huy động được nguồn vốn cho dự án.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG & VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Trong các hoạt động, VINACONEX luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Từ những ngày đầu thành lập, VINACONEX đã thành lập hệ thống quản lý an toàn lao động và vệ sinh môi trường từ Tổng công ty cho đến các đơn vị thành viên. Với việc được cấp chứng chỉ ISO 14001 về quản lý môi trường và OHSAS 18001 về an toàn lao động, VINACONEX đã thể hiện tôn chỉ của mình trong việc tạo ra môi trường làm việc an toàn cho tất cả cán bộ công nhân viên cũng như giữ gìn môi trường sống trong sạch cho cộng đồng. Tuy nhiên với đặc thù của ngành xây lắp là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn của thời tiết, ảnh hưởng của thiên tai, môi trường làm việc khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,...) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nếu không có hệ thống quản lý an toàn lao động tốt thì nguy cơ xảy ra mất an toàn là rất có thể xảy ra, gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của VINACONEX đã và đang xây dựng.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2016

Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai

Tuyến đường có tổng chiều dài 264 km, với 4 làn xe có vận tốc thiết kế từ 80 km/h đến 100 km/h.

Dự án giữ nhiều kỷ lục nhất: chiều dài tuyến chạy liên tục 264 km với 13 trạm thu phí, 5 trạm dừng nghỉ qua 5 tỉnh; Đi qua địa hình địa chất phức tạp, vượt qua hai con sông lớn, kết nối khu vực đồng bằng với vùng Tây Bắc. Suất đầu tư hiệu quả nhất.



CÁC SỰ KIỆN NĂM 2016



01/2016

Lễ thông xe Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội – Bắc Giang theo hình thức Hợp đồng BOT



05/2016

Ký hợp đồng Gói thầu 14 B1, 14 B2 – Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi . Gói thầu có giá trúng thầu 417,9 tỷ đồng, được thực hiện bằng vốn của WB (trong đó, Vinaconex sẽ chịu trách nhiệm thi công 40% khối lượng)



07/2016

Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Tuấn Anh, Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Máy Xây dựng, Nguyên Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP VIMECO đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty với thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 22/7/2016



08/2016

TOP **30**

Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016



10/2016

Đoàn công tác của Tổng công ty do đồng chí Trần Tuấn Anh - Phó Tổng giám đốc dẫn đầu đã đến các vùng bị thiệt hại nặng tại hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh để thăm hỏi, chia sẻ, động viên và trao tổng số tiền ủng hộ 500 triệu đồng từ nguồn quyên góp của tập thể CBCNV Tổng công ty



GIỮ VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU NHIỀU NĂM LIÊN TIẾP TRONG TOP CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG LỚN NHẤT VIỆT NAM DO VNR500 BÌNH CHỌN



Các dự án Cải tạo chung cư cũ 97-99 Láng Hạ (*hình trên*), Chung cư 2B Vinata Towers là 2 dự án đầu tư bất động sản được VINACONEX tập trung triển khai thực hiện trong năm 2016. Với tiến độ như hiện nay, dự kiến trong năm 2017 VINACONEX có thể bắt đầu chào bán sản phẩm ra thị trường.

BAN ĐIỀU HÀNH VINACONEX

Ông Đỗ Trọng Quỳnh



Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Quỳnh được bầu vào HĐQT từ tháng 6 năm 2015 và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, ông Quỳnh giữ vị trí Phó Tổng giám đốc từ tháng 8 năm 2014. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2, một đơn vị nòng cốt của Tổng công ty trước khi về Tổng công ty đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc. Ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Vinaconex 2, Vinaconex 25.

Ông Lê Doanh Yên



Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Chế tạo máy

Ông Yên là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex từ tháng 8 năm 2013. Trước khi là Phó Tổng giám đốc Vinaconex, ông Yên từng là Giám đốc Ban Điều hành Dự án Nhà ga T2 Nội Bài, Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Vinaconex, và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Quốc tế Vinaconex – Taisei (Vinata). Ngoài ra, ông cũng là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Vinaconex 1, Vinata và Vinasanwa.

Ông Nguyễn Ngọc Điệp



Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Với bề dày kinh nghiệm trên 30 năm công tác, là một trong những cán bộ đầu tiên của Vinaconex, ông Điệp đã có nhiều năm là đại diện của Vinaconex ở nước ngoài để chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia kỹ thuật, ông am hiểu sâu sắc về kỹ thuật trong ngành xây dựng cũng như quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài việc làm PTGD ở Vinaconex, ông còn là Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT của các trường Lý Thái Tổ và Công ty Nedi 2. Ông Điệp hiện đang được bầu là Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Australia, Ủy viên Ban chấp hành Hội hữu nghị Việt Nam - Algeria, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn Xây dựng Việt Nam



Ông Thân Thế Hà

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư kinh tế vận tải, Cử nhân Kinh tế ngoại thương, Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Trước khi được bổ nhiệm làm PTGD Tổng công ty Vinaconex từ 27/8/2014, Ông Hà đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại, xuất khẩu lao động, sản xuất công nghiệp, xây dựng, bất động sản v.v. Ông cũng là Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty. Ngoài việc đảm nhiệm vị trí PTGD tại Tổng công ty, Ông Hà còn là Chủ tịch HĐQT tại các công ty: Vinaconex MEC, Vinaconex ITC, VIWACO, Vinasinco và Vinaconex 27



Ông Trần Tuấn Anh

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư máy xây dựng, thạc sỹ kỹ thuật

Ông Tuấn Anh là Phó Tổng giám đốc Vinaconex từ tháng 7 năm 2016. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông. Ông từng giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần VIMECO.



Ông Dương Văn Mậu

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư xây dựng

Ông Mậu được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty từ tháng 10 năm 2013. Ông là người có nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về lĩnh vực khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả cao. Ngoài nhiệm vụ tại TCT, ông còn là chủ tịch HĐQT tại Vinaconsult, Công ty CP BĐS Vinaconex.



CÁC THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Tên cá nhân | Thời điểm thay đổi | Thay đổi |
|-----|---------------------|--------------------|--|
| 1 | Ông Trần Tuấn Anh | 22/07/2016 | Đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Hòa | 01/08/2016 | Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng (kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế hoạch) Tổng công ty |
| 3 | Ông Vũ Nhất | 01/08/2016 | Đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng (kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế hoạch) Tổng công ty thay thế cho Ông Nguyễn Quốc Hòa |

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 20.901 người, trong đó nữ là 2116 người, chia ra:

- Trình độ trên Đại học: 182 người
- Trình độ Đại học: 3.262 người
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp: 1.279 người
- Công nhân kỹ thuật: 6.014 người
- Lao động phổ thông: 5.933 người
- Lao động nước ngoài: 4.231 người



CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

- Hướng dẫn các đơn vị hạch toán phụ thuộc và một số Công ty thành viên xây dựng quỹ tiền lương, xây dựng và hoàn thiện quy chế tiền lương theo đặc thù của từng đơn vị; kiểm tra, giám sát các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện phương án tiền lương theo kế hoạch được duyệt.
- Trong năm 2016, tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong toàn Tổng công ty đạt 8.988.000 đồng/người/tháng, tăng 34% so với năm 2015 (năm 2015 đạt 6.714.000 đồng/người/tháng). Trong đó Công ty mẹ đạt 15.377.000 đồng/người/tháng, đạt 95,61% so với thực hiện năm 2015.
- Hoàn thiện việc xây dựng quy chế lương trên cơ sở gắn tiền lương với năng suất chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo bình đẳng, đúng người, đúng việc và khuyến khích người lao động phát huy hiệu quả, tăng năng suất lao động.

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

- Trong năm 2016, Tổng Công ty đã tổ chức khám sức khỏe trong nước cho 232 CBCNV và tổ chức khám sức khỏe tại nước ngoài cho 107 cán bộ quản lý điều hành.
- Giải quyết kịp thời việc công tác phát thẻ BHYT cho CBNV. Các chế độ như ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, dưỡng sức được các đơn vị quan tâm và thực hiện tốt. Trong năm 2016, toàn Tổng công ty đã làm thủ tục chi nghỉ thai sản, ốm đau cho 482 trường hợp, giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định và nghỉ hưu trước tuổi cho 119 trường hợp.
- Phối hợp với cơ quan BHXH để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết chế độ hưu trí và các chế độ khác đối với người lao động, đảm bảo đúng quy định pháp luật về quyền lợi cho người lao động. Các nghiệp vụ khác có liên quan đến công tác BHXH theo yêu cầu của đơn vị và của cơ quan bảo hiểm xã hội đảm bảo thực hiện khẩn trương, kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, BHXH, giải quyết các chế độ chính sách khác cho cán bộ công nhân viên đảm bảo, đúng quy định; Giải quyết triệt để mọi khiếu nại, thắc mắc của người lao động về chế độ chính sách, không để xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài, vượt cấp.
- Hỗ trợ, tư vấn kịp thời đối với người lao động làm việc tại cơ quan Tổng công ty và đơn vị thành viên có quá trình công tác trước năm 1995 thiếu hồ sơ gốc hoặc các loại giấy tờ có liên quan đến tiến trình cấp sổ BHXH phương pháp lập hồ sơ cấp sổ BHXH phục vụ cho công tác giải quyết chế độ BHXH đạt hiệu quả cao. Giải đáp thắc mắc kịp thời của người lao động và đơn vị thành viên trong việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến uy tín của Tổng công ty và đơn vị;
- Phối hợp với Công đoàn Tổng công ty trong các hoạt động từ thiện vì người nghèo của cộng đồng và người lao động VINACONEX, góp phần quảng bá hình ảnh đẹp của Tổng công ty trên khắp mọi miền đất nước;

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN CỦA CÔNG TY MẸ

Đơn vị: đồng

| STT | Tên công ty | Thực hiện đầu tư vốn trong năm 2016 | Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------------|-------------------------------|--|
| 1 | Công ty cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | 16.797.207.000 | 21% | Góp vốn lần cuối theo tiến độ đã cam kết |
| 2 | Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội | 206.500.000.000 | 100% | Tổng công ty mua cổ phần Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội từ Công ty TNHH Hapras để thực hiện đầu tư dự án bất động sản tại 25 Nguyễn Huy Tường, Hà Nội. |
| 3 | Công ty CP ống sợi thủy tinh Vinaconex (Viglafico) | 9.984.836.000 | 35,39% | Nâng tỷ lệ sở hữu của VINACONEX tại Công ty |
| | Tổng cộng | 233.282.043.000 | | |



Dự án 25 Nguyễn Huy Tường do Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội, đơn vị thành viên của VINACONEX chiếm 100% vốn là Chủ đầu tư

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY MẸ

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Nội dung | Kế hoạch 2016 (trình ĐHCĐ) | Thực hiện 2016 | Tỷ lệ đạt so với KH | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|---|
| 1 | Giá trị sản lượng ĐT | 5.053,8 | 2.435,4 | 48% | |
| 1.1 | Công ty Mẹ | 878,9 | 457,4 | 52% | |
| 1.2 | Các Đơn vị thành viên | 4.174,9 | 1.978 | 47% | |
| 2 | Kết quả hoạt động kinh doanh BĐS của Cty Mẹ | | | | |
| 2.1 | Doanh thu | 186,71 | 268,8 | 144% | ĐT, LN tăng do phát sinh từ khoản thu thêm dự án HH, ngoài kế hoạch |
| 2.2 | Lợi nhuận | 113,08 | 124,2 | 109,8% | |

Công tác đầu tư năm 2016 của Công ty Mẹ đã có nhiều chuyển biến và khởi sắc so với 3 năm gần đây:

- Hoàn thành xong công tác đầu tư dự án đường BOT Hà Nội – Bắc Giang.
- Hiện thực hóa công tác phát triển dự án mới thông qua mua bán, sáp nhập lại các dự án: cải tạo khu chung cư cũ 93 Láng Hạ ; dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng. Đây là bước thay đổi mới trong công tác tìm kiếm và phát triển dự án mới, tạo tiền đề cho Tổng công ty trong công tác phát triển dự án trong thời gian tới.
- Thành lập được 2 Công ty thực hiện dự án gồm: Công ty CP Bất động sản Vinaconex, VCG sở hữu 99,9% vốn điều lệ; Công ty TNHH thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội, VCG sở hữu 100% vốn điều lệ, tạo nền móng cho việc thành lập Vinaconex Đầu tư - Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty.
- Hoàn thành xong công tác chuẩn bị đầu tư để đủ điều kiện triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2016 như: dự án cải tạo khu chung cư cũ 97-99 Láng Hạ; dự án Tòa chung cư 2B Vinata.
- Công tác phát triển, tìm kiếm và nghiên cứu các dự án đầu tư mới của Tổng công ty đã thích ứng với thị trường và trở nên chuyên nghiệp hơn. Mở rộng phạm vi và lĩnh vực nghiên cứu đầu tư đa dạng bao gồm các dự án nhà ở, dự án phát triển hạ tầng giao thông; dự án cấp thoát nước, dự án thủy điện tại các tỉnh thành trong cả nước như: nghiên cứu các dự án cấp nước tại Lào Cai, dự án cải tạo chung cư cũ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang...
- Nỗ lực tham gia hỗ trợ các Đơn vị thành viên về thủ tục pháp lý tại các dự án Tổng công ty nắm cổ phần chi phối để hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn về thủ tục pháp lý, nguồn vốn và thúc đẩy triển khai tại các dự án như: dự án Nước Sông Đà giai đoạn 2; dự án mở rộng thủy điện Ngòi Phát; dự án Khu đô thị mới Splendoria giai đoạn 2;....

Tuy nhiên, sản lượng đầu tư thực hiện trong năm còn thấp so với kế hoạch đặt ra do vướng mắc các thủ tục từ các Sở Ngành trong việc xin chấp thuận điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh thiết kế; khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn từ Ngân sách... ảnh hưởng đến tiến độ thi công, tiến độ giải phóng mặt bằng của dự án.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % Tăng/ giảm |
|-----|-----------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 10.560.993.096.369 | 10.420.378.665.045 | -1% |
| 2 | Doanh thu thuần | 2.423.653.522.067 | 3.079.178.818.402 | 27% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 302.158.967.420 | 403.625.042.220 | 34% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 3.752.433.426 | 1.482.061.842 | -61% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 305.911.400.846 | 405.107.104.062 | 32% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 304.064.877.846 | 366.460.116.057 | 21% |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức | 7% | 8% | 14% |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % Tăng/ giảm |
|-----|-----------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 20.729.700.777.897 | 22.800.839.440.777 | 9,99% |
| 2 | Doanh thu thuần | 8.026.203.834.452 | 8.533.177.696.502 | 6,32% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 556.799.927.568 | 766.137.355.947 | 37,60% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 46.168.491.981 | 36.763.553.358 | -20,37% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 602.968.419.549 | 802.900.909.305 | 33,16% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 523.627.675.770 | 687.117.228.417 | 31,22% |

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----|--|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,15 | 1,18 |
| | Hệ số thanh toán nhanh | 1,09 | 1,05 |
| 2 | 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,46 | 0,45 |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,84 | 0,83 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho | 8,15 | 6,88 |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,23 | 0,30 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 13% | 12% |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 3% | 4% |
| | Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | 12% | 13% |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 5,3 % | 6,4% |

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 |
|-----|--|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,05 | 1,18 |
| | Hệ số thanh toán nhanh | 0,77 | 0,80 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,65 | 0,67 |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,83 | 2,06 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho | 2,14 | 2,09 |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,39 | 0,37 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 7% | 8% |
| | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 3% | 3% |
| | Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | 7% | 9% |

CỔ PHẦN

| STT | Nội dung | Chi tiết | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------|-------|
| 1 | Mã giao dịch: | VCG | |
| 2 | Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần | |
| 3 | Thị trường niêm yết: | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội | |
| 4 | Người chịu trách nhiệm CBTT: | Ông Thân Thế Hà Phó Tổng giám đốc | |
| 5 | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 441.710.673 | 100% |
| 6 | Loại cổ phần: | Phổ thông | |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| | Số lượng | Số CP | Tỷ lệ % |
|---------------------------|--------------|--------------------|----------------|
| Cá nhân trong nước | 8,673 | 55,775,759 | 12.63% |
| + Chưa lưu ký | | 484,234 | |
| + Đã lưu ký | | 55,291,525 | |
| Tổ chức trong nước | 56 | 351,756,772 | 79.64% |
| + Chưa lưu ký | | 349,261,328 | |
| + Đã lưu ký | | 2,495,444 | |
| CỘNG TRONG NƯỚC | 8,729 | 407,532,531 | 92.26% |
| + Chưa lưu ký | | 349,745,562 | |
| + Đã lưu ký | | 57,786,969 | |
| Cá nhân nước ngoài | 70 | 843,874 | 0.19% |
| + Chưa lưu ký | | 0 | |
| + Đã lưu ký | | 843,874 | |
| Tổ chức nước ngoài | 33 | 33,334,268 | 7.55% |
| + Chưa lưu ký | | 0 | |
| + Đã lưu ký | | 33,334,268 | |
| CỘNG NƯỚC NGOÀI | 103 | 34,178,142 | 7.74% |
| + Chưa lưu ký | | - | |
| + Đã lưu ký | | 34,178,142 | |
| TỔNG CỘNG | 8,832 | 441,710,673 | 100.00% |

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (danh sách chốt ngày 4/4/2017)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm

Các chứng khoán khác: Không có

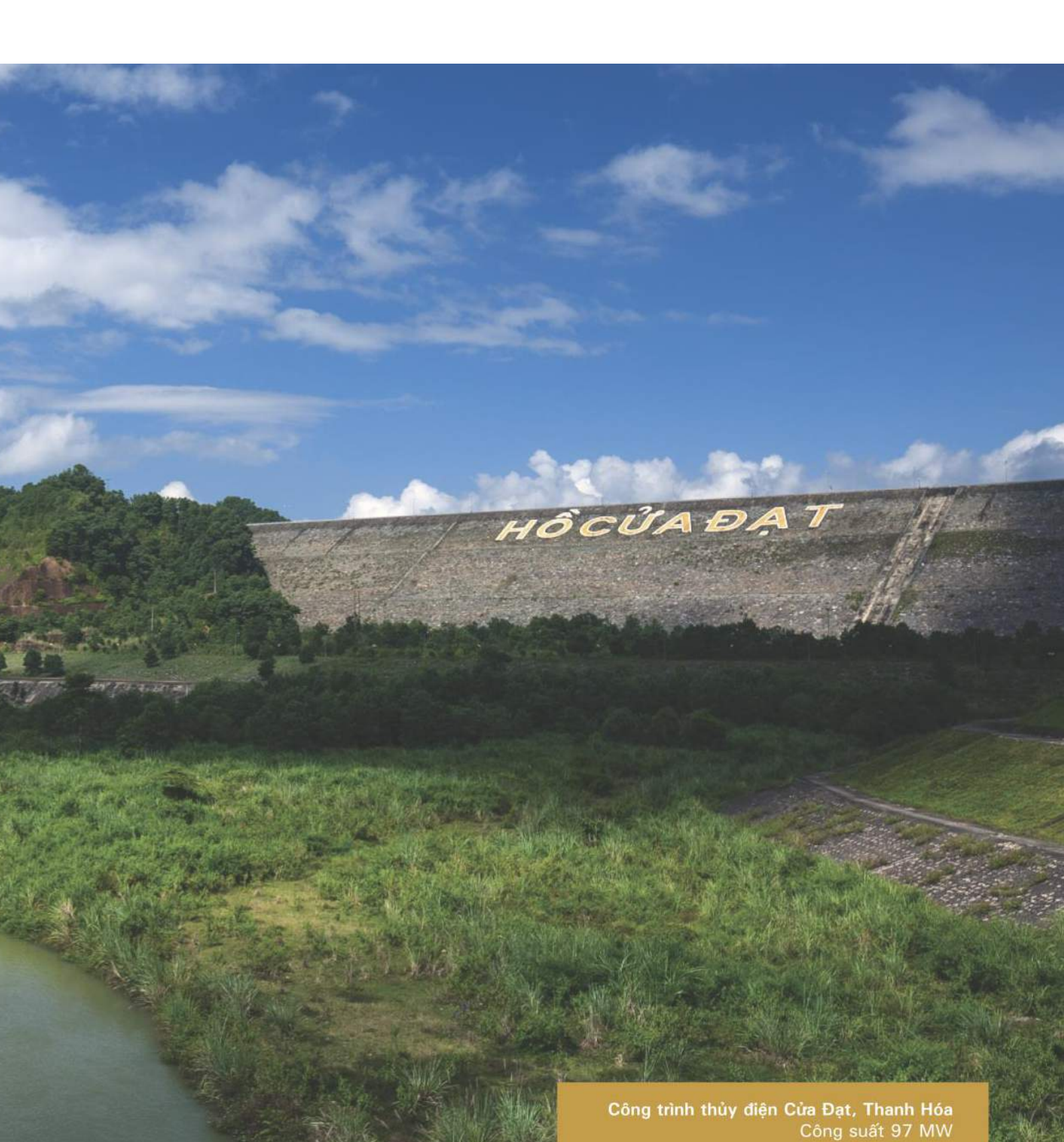
**Dự án Goldsilk Complex (430 Cầu Am, Hà Đông, Hà Nội)
của Chủ đầu tư TNR Holdings Vietnam:**

Vinaconex thực hiện thi công 2 gói thầu hoàn thiện nhà cao tầng CT1 và khu thấp tầng giai đoạn 1.





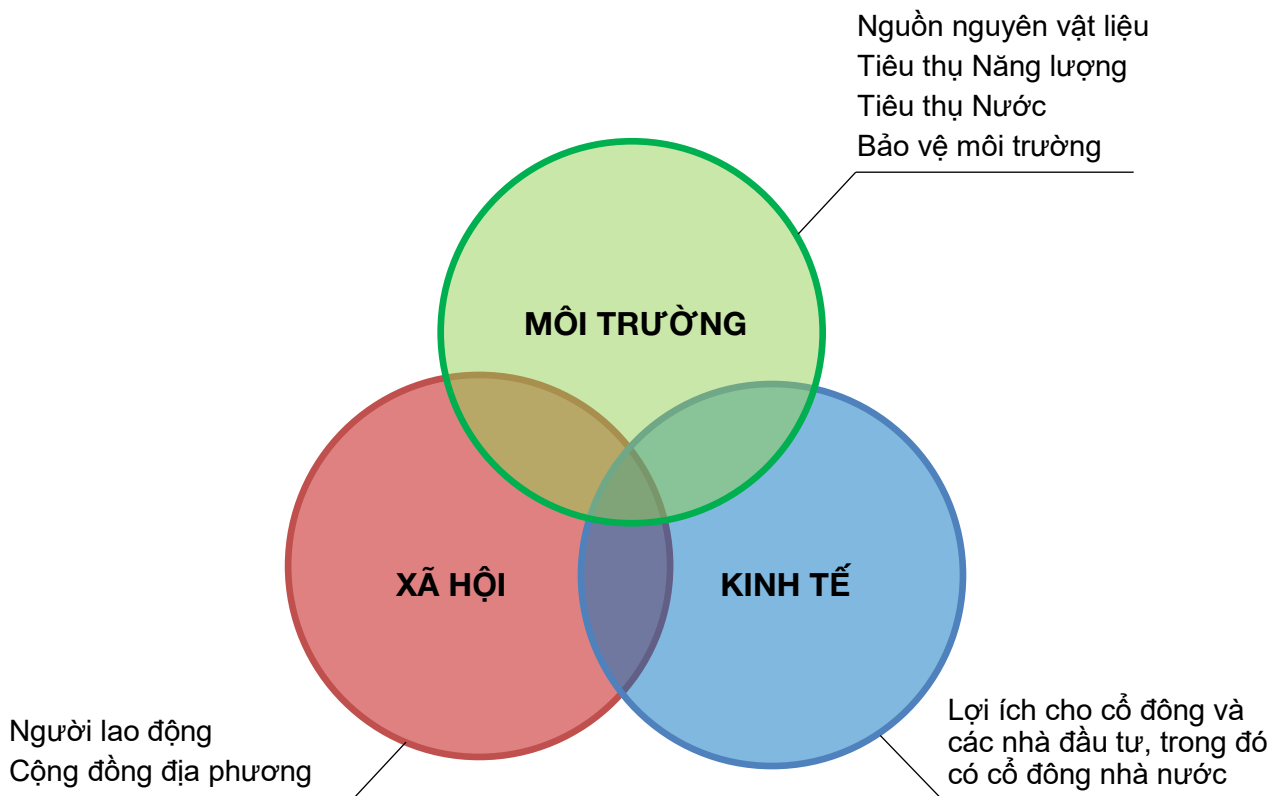
3. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Công trình thủy điện Cửa Đạt, Thanh Hóa
Công suất 97 MW



Là một trong những doanh nghiệp xây lắp và kinh doanh bất động sản hàng đầu tại Việt Nam với các dự án đa dạng về quy mô, VINACONEX luôn tự ý thức được trách nhiệm của mình đối với các cổ đông, với cộng đồng xã hội và với môi trường. Phát triển bền vững là một phần không thể tách rời đối với định hướng phát triển của Tổng công ty. Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững, Ban lãnh đạo VINACONEX xác định chỉ có thể thực hiện được chiến lược phát triển bền vững khi tổng hòa được 3 yếu tố chính: kinh tế, xã hội và môi trường





Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, lợi ích của các cổ đông luôn là yếu tố được VINACONEX đặt lên hàng đầu. Trong vòng 5 năm vừa qua (giai đoạn 2012 - 2016), từ những khó khăn do lỗ từ dự án Xi măng Cẩm Phả, Công ty mẹ không có khả năng chi trả cổ tức, VINACONEX đã dần ổn định được tình hình tài chính và tăng mức cổ tức chi trả qua từng năm.

Đơn vị: Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|----|----------------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Tổng Doanh thu | 5.113 | 4.916 | 3.565 | 2.839 | 3.435 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | (620) | 303 | 324 | 306 | 405 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | (646) | 294 | 310 | 304 | 366 |
| 4 | Tỷ lệ cổ tức | - | 4% | 6% | 7% | 8% |
| 5 | Tổng tài sản | 14.043 | 11.283 | 10.871 | 10.560 | 10.420 |
| 6 | Vốn CSH | 5.038 | 5.322 | 5.462 | 5.489 | 5.530 |
| 7 | Hệ số nợ/vốn CSH | 1,72 | 1,07 | 0,95 | 0,88 | 0,85 |



Giá trị cổ phiếu của VINACONEX (mã cổ phiếu: VCG) liên tục có những bước tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây. Với mức giá giao dịch thấp nhất được ghi nhận là 5.500 đồng/cổ phiếu tại thời điểm năm 2012 khi tình hình hoạt động gặp nhiều khó khăn, VINACONEX đã dần khẳng định được giá trị thương hiệu của mình và đang ổn định ở mức 15.000 - 16.500 đồng/cổ phiếu.

Bên cạnh đó, việc được giao làm tổng thầu EPC tại nhiều dự án có thể giúp VINACONEX đưa những biện pháp, thiết kế xanh vào dự án nhưng vẫn luôn đảm bảo được hiệu quả và lợi ích cho doanh nghiệp.



MÔI TRƯỜNG

Là một trong những doanh nghiệp xây dựng và bất động sản hàng đầu tại Việt Nam, VINACONEX luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội. Điều đó đã thể hiện qua việc VINACONEX đã được cấp chứng chỉ ISO 14001 về quản lý môi trường qua nhiều năm liên tục. Đối với các dự án tham gia thiết kế, VINACONEX luôn coi các yếu tố về môi trường là một phần quan trọng trong sản phẩm của mình. Trong nhiều năm hoạt động, VINACONEX chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, đa nghề bao gồm cả xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất công nghiệp (sản xuất điện, cung cấp nước sạch,...), VINACONEX hàng năm sử dụng một lượng lớn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ cho công tác thi công... Để đảm bảo các tác động đến môi trường là thấp nhất, chúng tôi luôn cố gắng sử dụng một phần vật liệu tái chế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong tương lai gần, VINACONEX có thể sẽ áp dụng nhiều hình thức quản lý để ngày một nâng cao tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế tại các dự án, các nhà máy sản xuất của mình.



Việc tiêu thụ năng lượng của VINACONEX chủ yếu là tại các nhà máy sản xuất công nghiệp, các tòa nhà mà VINACONEX làm chủ đầu tư và quản lý, các dự án xây lắp mà VINACONEX thực hiện.

Để tiết kiệm năng lượng tại các dự án đầu tư, VINACONEX đã áp dụng các hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng.



Tại các dự án VINACONEX thi công, chúng tôi luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước là hiệu quả và tiết kiệm nhất. Việc tái sử dụng nước cũng được các Ban điều hành dự án ưu tiên áp dụng nếu có thể.

Còn tại các dự án bất động sản của VINACONEX tại Hà Nội, chủ yếu nguồn cung cấp nước sạch là từ Nhà máy nước Sông Đà do chính VINACONEX làm Chủ đầu tư.





XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động luôn được VINACONEX chú trọng và đặt lên hàng đầu. VINACONEX luôn cố gắng Giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động.

VINACONEX cũng đã tổ chức và phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm chào mừng các ngày lễ lớn trong năm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên các đơn vị trong toàn Tổng công ty được giao lưu và cũng là món ăn tinh thần quý giá với tất cả các cán bộ công nhân viên. Trong các dịp lễ, tết, Tổng công ty đã tổ chức tăng cường công tác kiểm tra và giám sát thanh toán lương, thưởng cho các cán bộ công nhân viên không chỉ ở các dự án thuộc Tổng công ty mà cả tại các đơn vị thành viên. Những bộ phận ở lại trực tại văn phòng, công trường được chăm lo đầy đủ. Coi sức khỏe là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo các công việc luôn được Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho các bộ nhân viên và tổ chức các khóa đào tạo tập huấn kết hợp du lịch nghỉ mát cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động, gắn kết tinh đoàn kết nội bộ giữa khối công trường và khối văn phòng.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trước những thiệt hại nặng nề do mưa lũ vừa qua, với tinh thần tương thân tương ái hướng về miền Trung ruột thịt, Lãnh đạo Tổng công ty CP VINACONEX đã phát động đợt quyên góp trong toàn thể Cán bộ công nhân viên Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Để kịp thời chia sẻ những khó khăn, mất mát của đồng bào, trong các ngày từ 24 đến 26/10/2016, đoàn công tác của Tổng công ty đã đến các vùng bị thiệt hại nặng tại hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh để thăm hỏi, chia sẻ, động viên và trao tổng số tiền ủng hộ 500 triệu đồng từ nguồn quyên góp của tập thể CBCNV Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã tổ chức quyên góp ủng hộ chương trình “Tết vì người nghèo” và Quỹ Tấm lòng Việt – Đài Truyền hình Việt Nam. Chương trình đã nhận được sự tham gia nhiệt tình của các đại biểu, CBCNV các đơn vị trên toàn Tổng công ty. Đây là hoạt động rất ý nghĩa và đã trở thành truyền thống của người lao động Vinaconex mỗi dịp Tết đến xuân về, góp phần nhỏ bé cùng người nghèo có được cái Tết đầm ấm, sung túc hơn



Thiếu nhi Vinaconex vui tết Trung thu 2016



Tổng giám đốc Đỗ Trọng Quỳnh trao tượng trưng tiền ủng hộ quỹ "Tấm lòng Việt" - ĐTHVN



4. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Cầu Nhật Tân, Hà Nội

Được coi là một biểu tượng mới của thủ đô Hà Nội với 5 nhịp dây văng liên tục, ứng dụng công nghệ bê tông cốt thép dự ứng lực. Cầu dài 3,9 km, phần chính của cầu qua sông dài 1,5 km. Mặt cầu rộng 33.2 m với 8 làn xe cho cả hai chiều.



III.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

1. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2016

Năm 2016, tình hình kinh tế xã hội trong nước ổn định, thị trường tài chính ngân hàng được duy trì và kiểm soát chặt chẽ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, khai thác các nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả. Thị trường bất động sản có nhiều chuyển biến thuận lợi, nhu cầu xây dựng hạ tầng lớn là nền tảng giúp các doanh nghiệp xây dựng duy trì tăng trưởng. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh của các doanh nghiệp tư nhân ở lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản (*ở phân khúc kinh doanh bất động sản cao cấp và xây dựng các công trình hạ tầng giao thông*) là đối trọng cạnh tranh gay gắt với Tổng Công ty trong quá trình tìm kiếm việc làm và mở rộng thị trường.

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty lần thứ IV (*giai đoạn 2016 – 2020*) và cũng là năm đầu tiên của nhiệm kỳ lãnh đạo mới. Thực hiện mục tiêu **“Tiếp tục ổn định để bứt phá”**. Với quyết tâm cao nhất của tập thể Ban Lãnh đạo, tập thể cán bộ công nhân viên, Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt.

2. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY MẸ

Công ty Mẹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt ở tất cả các chỉ tiêu chính: Tổng doanh thu – Lợi nhuận – Tỷ lệ cổ tức.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty đều có kết quả tăng trưởng so với thực hiện năm 2015.

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Các chỉ tiêu | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | Tỷ lệ % so với kế hoạch năm | Tỷ lệ % so với thực hiện năm |
|----|--------------------|---------------|----------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 3.022,3 | 3.435,2 | 113,7% | 121,0% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 343,8 | 366,4 | 106,6% | 120,5% |
| 3 | Cổ tức | 8% | 8% | 100% | 114,3% |

3. KẾT QUẢ HỢP NHẤT TỔNG CÔNG TY

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tăng trưởng khá tốt so với kết quả kinh doanh năm 2015. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2016 đạt 687,117 tỷ đồng tăng so với năm 2015 là 163,5 tỷ đồng, tương đương mức tăng 31,2%; chủ yếu do lợi nhuận của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên đạt kết quả cao hơn năm trước. Các đơn vị khó khăn về tài chính đã thu hẹp quy mô hoạt động và chờ hoàn thiện thủ tục phá sản, giải thể nên không còn ảnh hưởng nhiều tới kết quả hợp nhất toàn Tổng Công ty.

Về tình hình tài chính: Tài sản ngắn hạn tăng tương ứng Tài sản dài hạn giảm trong cơ cấu tài sản, nguyên nhân chính là do hàng tồn kho tăng. Hàng tồn kho tăng chủ yếu do các đơn vị thành viên đầu tư các dự án và chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu và kết chuyển hàng tồn kho sang giá vốn. Khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn tăng so với đầu năm, điều này làm giảm rủi ro khả năng thanh toán các khoản nợ của Tổng Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 | | TH năm 2016/ TH năm 2015 |
|----|--|----------------------------------|-----------|--------------------------|
| | | Năm 2016 | Năm 2015 | |
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 8.533.177 | 8.026.204 | 106,2% |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 802.900 | 602.968 | 133,2% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 687.117 | 523.628 | 131,2% |

III.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. CÔNG TY MẸ

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Kết thúc năm tài chính 2016, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 10.421 tỷ đồng, giảm 140 tỷ đồng (tương đương giảm 1,33%) so với năm 2015. Trong đó, các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm 2016 gồm:

Nhóm các tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 535 tỷ đồng (tương đương giảm 14,69%) so với năm 2015 chủ yếu do giảm phải thu Công ty Ngôi Sao Xanh tiền đất dự án HH số tiền 675 tỷ đồng, cho vay ngắn hạn tăng 164 tỷ đồng.
- Các khoản phải thu dài hạn giảm 302 tỷ đồng do trong năm Tổng Công ty thu hồi các khoản cho vay dài hạn của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex, Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình.

Nhóm các tài sản tăng :

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 160 tỷ đồng (tương đương tăng 31,78%), so với năm 2015 chủ yếu do Tổng công ty thu hồi được các khoản cho vay dài hạn của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 194 tỷ.
- Đầu tư tài chính dài hạn tăng 101 tỷ đồng chủ yếu do Tổng công ty đầu tư vào công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội, Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội Bắc Giang, Ông sọt thủy tinh số tiền 233 tỷ đồng và thoái vốn tại một số đơn vị số tiền 72 tỷ đồng, ngoài ra trong năm có một số khoản tiền gửi dài hạn đến hạn nên giảm đầu tư nắm giữ đến hạn số tiền 60 tỷ đồng.
- Hàng tồn kho tăng 278 tỷ đồng do trong năm Tổng Công ty đẩy mạnh công tác thi công tại các dự án, tuy nhiên, do chưa hoàn thiện thủ tục nghiệm thu với chủ đầu tư nên giá trị hàng tồn kho tăng lên.

Từ những chi tiết tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|-------------|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 48,64 | 47,05 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 51,36 | 52,95 |

2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Trong năm 2016, toàn bộ các khoản nợ của Tổng công ty được thanh toán đúng hạn, cho đến nay, tại Tổng công ty không có nợ quá hạn, nợ xấu. Kết thúc năm tài chính 2016, nợ phải trả của Tổng công ty là 4.290 tỷ đồng giảm 88 tỷ đồng. Trong đó nợ ngắn hạn giảm 34 tỷ đồng và nợ dài hạn giảm 53 tỷ đồng.

Sự biến động về cơ cấu vốn thể hiện ở các chỉ tiêu:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|-------------|----------|----------|
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 45,38 | 45,61 |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 54,62 | 54,39 |

B. HỢP NHẤT

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2016, giá trị Tổng tài sản hợp nhất của Tổng công ty là 22.800,8 tỷ đồng tăng 2.071,1 tỷ đồng so với năm 2015 tương đương 9,99%. Nguyên nhân chính là do chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại các đơn vị kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty tăng mạnh (tăng 1.304 tỷ đồng) do đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hoặc hình thành tài sản, bất động sản đầu tư. Các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm gồm:

Nhóm các tài sản giảm dẫn đến tổng tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn khác giảm 482,1 tỷ đồng, từ mức 1.183,4 tỷ đồng xuống 701,3 tỷ đồng, nguyên nhân chính là các khoản phải thu ngắn hạn khác tại Công ty Mẹ giảm do thu hồi được khoản phải thu Công ty cổ phần Ngôi sao xanh tiền đất dự án HH.
- Các khoản phải thu về cho vay dài hạn giảm 222,9 tỷ đồng, từ 1.988,0 tỷ đồng còn 1.765,1 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là Tổng Công ty thu hồi được các khoản phải cho vay tại Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex.

Nhóm các tài sản tăng:

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 863,2 tỷ đồng, từ mức 522,3 tỷ đồng lên 1.385,6 tỷ đồng chủ yếu do khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tăng tại Công ty Mẹ và một số đơn vị thành viên.

- Hàng tồn kho tăng 1.304,9 tỷ đồng, từ 2.760,8 tỷ đồng lên 4.065,7 tỷ đồng do một số đơn vị thành viên như Công ty cổ phần Vimenco, Công ty cổ phần xây dựng số 2... đầu tư các dự án bất động sản nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hoặc hình thành tài sản, bất động sản đầu tư.
- Bất động sản đầu tư tăng 541,8 tỷ đồng, từ 1.165,7 tỷ đồng lên 1.707,5 tỷ đồng do Công ty cổ phần Phát triển thương mại Vinaconex ghi nhận tăng bất động sản đầu tư và giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ.

Do giá trị tuyệt đối của nhóm các tài sản tăng lớn hơn giá trị tuyệt đối nhóm các tài sản giảm nên tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 tăng so với thời điểm 1/1/2016.

Sự biến động về cơ cấu tài sản thể hiện qua các chỉ số:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|-------------|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 55,34 | 50,28 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 44,66 | 49,72 |

Trong năm, Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng do hàng tồn kho và các khoản tiền gửi tăng.

2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả năm 2016 trên BCTC hợp nhất là 15.346,0 tỷ đồng tăng 1.944,5 tỷ đồng, nợ ngắn hạn tăng 793,1 tỷ đồng, nợ dài hạn tăng 1.151,4 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 69,6% tổng nợ.

Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu ở chỉ tiêu:

- Phải trả người bán tăng 435,9 tỷ đồng tương đương 17,9%.
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 328 tỷ đồng tương đương 19,2%.

Nợ dài hạn tăng 1.151,4 tỷ đồng, trong đó Người mua trả tiền trước dài hạn tăng 818 tỷ đồng, Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tăng 413 tỷ đồng.

Nguyên nhân chính làm tăng các chỉ tiêu trên là do việc các dự án đầu tư bất động sản đã thu được tiền bán hàng theo tiến độ hợp đồng nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu, giá vốn.

Sự biến động các chỉ tiêu nợ ảnh hưởng tới chỉ tiêu khả năng thanh toán, cụ thể:

| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | 2016 | 2015 | Thay đổi |
|---|------|------|----------|
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/ Nợ ngắn hạn (Lần) | 1,18 | 1,05 | 12,1% |
| Hệ số thanh toán nhanh: TSNH- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn (Lần) | 0,80 | 0,77 | 3,3% |

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2016 đều tăng nhẹ so với năm 2015. Hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, điều này cho thấy Tổng Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

III.3 CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KH SXKD NĂM 2017

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

Tiếp tục củng cố, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tăng trưởng hoạt động xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản;

Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo kế hoạch do Hội đồng quản trị phê duyệt để thu hồi vốn và thực hiện đầu tư cho các đơn vị hoạt động hiệu quả, các lĩnh vực đầu tư mới.

Cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| TT | Các chỉ tiêu | Thực hiện năm 2016 | Kế hoạch năm 2017 | Tỷ lệ % tăng trưởng so thực hiện 2016 |
|----|----------------------|--------------------|-------------------|---------------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 3.435,2 | 4.115,6 | 19,8% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 366,4 | 443,3 | 21,0% |
| 3 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | 8% | 10% | 25,0% |

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

(i) Đối với hoạt động xây lắp:

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý dự án tiến tới mục tiêu quản lý dự án chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến của các nhà thầu hàng đầu nước ngoài và trong nước, các dự án của Vinaconex được quản lý theo một chuẩn mực, có chiều sâu và thống nhất tạo nền tảng vững chắc cho hiệu quả của dự án và phát triển thương hiệu.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp, tiếp tục khẳng định là nhà thầu uy tín, tin cậy với các chủ đầu tư truyền thống là cá cơ quan bộ ngành, địa phương, các doanh nghiệp FDI... cũng như các khách hàng là các tập đoàn lớn của tư nhân.
- Phát triển, nâng cao năng lực tổ chức đấu thầu và tìm kiếm nguồn việc của Trung tâm đấu thầu và quản lý dự án và Ban Xây dựng, hình thành nhà thầu quản lý chuyên nghiệp với chức năng và nhiệm vụ lớn hơn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.
- Tiếp tục quyết liệt công tác thu hồi công nợ, nâng cao năng lực trong công tác thực hiện hồ sơ thanh quyết toán của các công trình, đặc biệt là các công trình trọng điểm, tạo nguồn vốn để triển khai các dự án tiếp theo.

(ii) Đối với hoạt động đầu tư:

- Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư tại các dự để đưa sản phẩm ra thị trường: dự án 97 Láng Hạ; dự án 2B Vinata; dự án 93 Láng Hạ; dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng để khẳng định thương hiệu và tạo dòng tiền doanh thu, sản lượng, nguồn công việc.
- Tập trung triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư để sớm triển khai đầu tư dự án Bắc An Khánh giai đoạn 2 nhằm có quỹ đất để phát triển bất động sản trong năm nay đến 10 năm tới, đem lại nguồn việc xây lắp, tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cho Tổng Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo; nghiên cứu các giải pháp để có thể chủ động triển khai được dự án CNC Hòa Lạc (hiện đang khó khăn về nguồn vốn thuộc hạ tầng khung và GPMB);

- Tập trung tìm kiếm khai thác, liên doanh liên kết hoặc mua lại các dự án nhà ở, dự án, dự án hạ tầng cấp nước sạch, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Ưu tiên mua lại các dự án đã đủ điều kiện để triển khai ngay... Mở rộng quan hệ hợp tác, nhằm phát huy thế mạnh của từng bên.
- Phát huy kinh nghiệm đã thực hiện thành công các dự án cải tạo chung cư cũ để tìm kiếm và được Thành phố chấp thuận giao làm chủ đầu tư các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phù hợp với định hướng khuyến khích thu hút nguồn lực từ xã hội hóa.
- Tiếp tục hỗ trợ các Đơn vị thành viên Tổng công ty chiếm cổ phần chi phối về thủ tục pháp lý để triển khai các dự án đầu tư như: dự án Nước Sông Đà giai đoạn 2; dự án mở rộng thủy điện Ngòi Phát...

(iii) Đối với hoạt động đầu tư vốn:

- Nỗ lực thực hiện thoái vốn đối với các đơn vị theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, thu hồi vốn để đầu tư xây dựng 02 công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản; hiện thực hóa hiệu quả hoạt động đầu tư vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Ngoại trừ Công ty cổ phần bất động sản Vinaconex và Công ty TNHH Bohemia được giữ lại để xây dựng thành Công ty Đầu tư Vinaconex, toàn bộ các công ty khác có vốn góp của Vinaconex sẽ chuyển thành công ty đầu tư linh hoạt. Việc phân nhóm các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty như sau:
 - ◆ Nhóm 1: Nhóm các đơn vị đầu tư linh hoạt. Tổng Công ty sẽ thực hiện đồng thời:
 - + Phân loại các đơn vị này thành nhóm các đơn vị đầu tư linh hoạt trong lĩnh vực Xây dựng và nhóm các đơn vị đầu tư linh hoạt trong lĩnh vực Đầu tư (Bất động sản, năng lượng, thủy điện, giáo dục);
 - + Giữ lại phần vốn góp hiện có hoặc thoái vốn một phần để nắm giữ cổ phần với tỷ lệ phù hợp đảm bảo mục đích chi phối hoạt động của đơn vị và đầu tư linh hoạt. Tổng Công ty lựa chọn tỷ lệ giảm vốn sở hữu còn 36% tại một số đơn vị thành viên nhằm mục đích đảm bảo quyền kiểm soát của Tổng Công ty đối với quy mô vốn điều lệ, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, cơ cấu tổ chức quản lý và các dự án đầu tư lớn của đơn vị theo Luật doanh nghiệp đồng thời vẫn khai thác được thế mạnh của công ty dựa trên nền tảng năng lực sản xuất, kinh doanh sẵn có và tận dụng các nguồn lực từ những nhà đầu tư mới.
 - ◆ Nhóm 2: Thoái vốn toàn bộ: Đây là nhóm các công ty đã được HĐQT phê duyệt chủ trương/phương án thoái vốn hoặc đã được HĐQT xác định thuộc nhóm đầu tư linh hoạt nhưng không có chủ trương giữ lại. Tổng Công ty thực hiện thoái vốn toàn bộ tại các đơn vị này. Việc thoái vốn có thể thực hiện 1 lần hoặc theo lộ trình để đảm bảo sự kết nối giữa các đơn vị và Tổng Công ty, không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các đơn vị sau thoái vốn.
 - ◆ Nhóm 3: Các đơn vị yếu kém. Đây là các đơn vị không có khả năng khôi phục hoạt động. Tổng Công ty quyết tâm dừng hoạt động, hoặc giải thể/phá sản (nếu đủ điều kiện) nhằm khoanh vùng rủi ro từ những đơn vị này ảnh hưởng tới Công ty Mẹ.

- Thành lập **Công ty xây dựng** do VINACONEX sở hữu 100% vốn hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng bao gồm xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng (quy mô vốn điều lệ dự kiến từ 200 tỷ đồng năm 2017 và tăng dần lên đến 500 tỷ đồng theo lộ trình). Công ty sẽ được đầu tư chiều sâu về máy móc thiết bị, nhân lực, quản trị... để có đủ năng lực tập trung vào các dự án, công trình có quy mô lớn, tính thanh khoản cao và các dự án EPC, mục tiêu trở thành tổng thầu hàng đầu trong nước và quốc tế sau 5 năm hoạt động. Hoạt động thi công xây lắp của Công ty Xây dựng sẽ duy trì song song hai mô hình: quản lý tổng thầu (chiếm khoảng 70% giá trị xây lắp) và thi công trực tiếp (chiếm khoảng 30% giá trị xây lắp). Về chỉ tiêu hiệu quả, doanh thu của Công ty đến năm 2021 dự kiến đạt 8.000 tỷ đồng và dự kiến cổ tức 22%.
- Thành lập **Công ty đầu tư** do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn, tập trung chính vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các lĩnh vực hiện VINACONEX có uy tín, kinh nghiệm triển khai và mang lại hiệu quả cao như năng lượng (thủy điện), đầu tư phát triển hạ tầng, giáo dục... Công ty tập trung đầu tư thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản phân khúc trung bình khá và khá, đồng thời công ty có thể xem xét giải ngân vốn đầu tư vào các dự án có mức sinh lời cao. Quy mô vốn điều lệ của công ty dự kiến từ 300 tỷ đồng năm 2017 và tăng dần lên 2.000 tỷ đồng theo lộ trình.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty từ công tác lập, phê duyệt, kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch, thông qua công tác rà soát định kỳ, kiểm tra đột xuất và thông qua người đại diện của Tổng công ty tại đơn vị, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị và lợi ích của Tổng công ty, đồng thời cảnh báo các tiềm ẩn rủi ro để có giải pháp quyết liệt xử lý tồn tại, hạn chế rủi ro.

(iv) Đối với hoạt động tài chính: Tiếp tục giữ vững sự ổn định, sử dụng linh hoạt các nguồn và kênh tài chính nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, phát huy lợi thế của một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng xếp hạng cao; Thực hiện tốt công tác kiểm soát dòng tiền, phối hợp làm tốt công tác thu hồi công nợ, tiếp tục rà soát các khoản vay, bảo lãnh để tham mưu đề xuất các biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro.

III.4 GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

*** Ý kiến nhấn mạnh:**

- Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 29/07/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24/7/2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống nước truyền tải nước sạch dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty.

*** Ý kiến giải trình của Tổng Công ty:**

- Đối với ý kiến nhấn mạnh:
 - + Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16/06/2016 là văn bản tiếp theo của Thông báo số 65/TB/VPCP ngày 29/02/2012 về việc xử lý sau thanh tra cổ phần hóa của Tổng Công ty. Nội dung này đã được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và Tổng Công ty đã giải trình với Ủy Ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, các cổ đông về nội dung này.
 - + Đối với việc khởi tố vụ án liên quan đến tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án Nước Sông Đà (giai đoạn 1): Tổng Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan đang cung cấp hồ sơ, tài liệu và phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và các cơ quan pháp luật để làm rõ các nội dung theo yêu cầu. Tổng Công ty sẽ thông tin tới Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, các quý cổ đông khi có kết luận điều tra chính thức.
- Đối với số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:
 - + Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: Một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại đơn vị thành viên có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị thành viên với nhau, và tính tỷ lệ tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý 4.
 - + Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Sau kiểm toán, Phần lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết giảm (4,1 tỷ đồng) nhưng do lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận khác tăng dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán tăng so với số liệu lũy kế trên BCTC quý 4.
- Đối với Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - + BCTC riêng: Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 366,5 tỷ đồng tăng 62,4 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 20,52% so với năm 2015. Nguyên nhân chính là trong năm 2016, hiệu quả sản xuất kinh doanh của hoạt động chính tăng (lợi nhuận gộp tăng 45,3 tỷ đồng), đồng thời, chênh lệch doanh thu hoạt động tài chính trừ đi chi phí hoạt động tài chính năm 2016 tăng 100,2 tỷ đồng so với 2015 do số tiền cổ tức Tổng Công ty nhận được tăng và trong năm 2016, Tổng Công ty được hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính mà không phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính như năm 2015.
 - + BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 687,1 tỷ đồng tăng 163,5 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 31,2% so với năm 2015. Nguyên nhân chính là trong năm 2016, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và các đơn vị liên doanh, liên kết tăng so với năm 2015 (LNST trên BCTC riêng tăng 62,4 tỷ đồng, lãi Công ty liên doanh, liên kết tăng 168,2 tỷ đồng).



4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhà ga hành khách T2, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Hà Nội

Đây là công trình trọng điểm quốc gia gồm 4 tầng với tổng diện tích 139.216 m², có công suất 10 triệu hành khách/năm và có khả năng mở rộng lên 15 triệu hành khách/năm. Công trình có kiến trúc hiện đại, theo mô hình dạng cánh, hài hòa với thiên nhiên, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tiết kiệm năng lượng.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2016 của Tổng công ty so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Các chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2016 | Thực hiện năm 2016 | Tỷ lệ % so KH 2016 | Tỷ lệ % so thực hiện năm 2015 |
|-----|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 3.022,3 | 3.435,2 | 113,7% | 121,0% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 343,8 | 366,4 | 106,6% | 120,5% |
| 3 | Tỷ lệ cổ tức | 8% | 8% | 100% | 114,3% |

2. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Mẹ:

Trong năm 2016, HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành **thực hiện vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh** theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 366,4 tỷ đồng, bằng 106,6% so với kế hoạch và bằng 120,5% so với thực hiện năm 2015. Hoạt động xây lắp tiếp tục phát triển về chất và lượng trong bối cảnh thị trường tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt. Doanh thu xây lắp đạt 2.702,6 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch và đạt 124,5% so với kết quả thực hiện năm 2015. Hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2016 tuy chưa có sản phẩm đưa ra thị trường nhưng đã cơ bản hoàn thành được các thủ tục pháp lý để bán hàng trong năm 2017 (Dự án 97-99 Láng Hạ; Dự án 2B Vinata Towers) hoặc khởi công dự án trong năm 2017 (Dự án 93 Láng Hạ, Dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng...), quyết liệt đẩy mạnh việc thực hiện tái cấu trúc lại Dự án Bắc An Khánh và tìm kiếm các dự án mới tại TP Hồ Chí Minh, Nha Trang, Lào Cai... Công tác tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên tiếp tục được đẩy mạnh, giá trị cổ tức thu từ các đơn vị trong năm 2016 đạt 201,97 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Tổng công ty tiếp tục được lành mạnh hoá, việc khai thác các kênh tín dụng hiệu quả đã góp vai trò quan trọng trong việc khơi thông nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

3. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tổng công ty:

Kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2016 **thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2015** trên tất cả các chỉ tiêu: Doanh thu thuần năm 2016 đạt 8.533,2 tỷ đồng (bằng 106,3% so với thực hiện 2015), tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 802,9 tỷ đồng (đạt 133,2% so với thực hiện năm 2015), lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 687,1 tỷ đồng (đạt 131,2% so với thực hiện năm 2015). Kết quả trên cho thấy trong năm 2016, không chỉ Công ty mẹ tiếp tục hoạt động hiệu quả mà các Công ty thành viên cũng đã có một năm đầy nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được cổ đông giao.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Về công tác nhân sự Ban điều hành:

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trong năm 2016, HĐQT đã tiếp tục triển khai việc kiện toàn nhân sự Ban điều hành Tổng công ty. Cụ thể, HĐQT đã quyết định:
 - + Bổ nhiệm ông Trần Tuấn Anh – Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư máy XD, thành viên HĐQT kiểm Tổng giám đốc Công ty CP VIMECO, đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 22/07/2016.
 - + Bổ nhiệm ông Vũ Nhất - Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán, Phó Giám đốc Ban Đầu tư Tổng công ty, giữ chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch Tổng công ty kể từ ngày 1/8/2016
- Đồng thời với việc kiện toàn nhân sự, Tổng giám đốc đã chủ động phân giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc cụ thể của Tổng công ty. Ngoài việc thực vai trò tác điều hành chung, Tổng giám đốc đã xây dựng cơ chế làm việc tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong Ban điều hành phát huy được hết chuyên môn, tính độc lập, chủ động, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

2. Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Ban điều hành Tổng công ty, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng công ty. Các thành viên trong Ban điều hành đã chứng minh được năng lực, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Ban điều hành đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong công tác điều hành, Tổng giám đốc đã thể hiện tinh thần quyết đoán, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn đề xuất nhiều ý tưởng mới và giải pháp thực hiện để HĐQT xem xét, quyết định
- Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Ban nghiệp vụ, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Ban điều hành đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư, huy động nguồn lực từ các đơn vị thành viên.
- Ngoài việc thực hiện tốt chức năng điều hành chung, Tổng giám đốc đã rất tích cực, chủ động trong việc phát triển quan hệ đối ngoại tốt với các cấp chính quyền địa phương và các khách hàng, đối tác tiềm năng, từ đó tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng địa bàn hoạt động của Tổng công ty, phát triển quan hệ kinh doanh mới.
- Trong hoạt động xây lắp: Bên cạnh việc thực hiện tốt các dự án chuyển tiếp, trong năm 2016, Ban điều hành Tổng công ty đã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác đấu thầu để tìm kiếm nguồn việc mới. Giá trị các hợp đồng trúng thầu trong năm 2016 là 2.508,49 tỷ đồng. Việc Tổng công ty tiếp tục trúng thầu một số gói thầu có giá trị lớn đã tiếp tục thể hiện niềm tin của chủ đầu tư đối với năng lực xây lắp của Tổng công ty.

- Trong hoạt động kinh doanh bất động sản: Tổng công ty về cơ bản đã hoàn thành xong thủ tục để đủ điều kiện bán hàng tại Dự án 97 – 99 Láng Hạ và Dự án 2B Vinata Towers; triển khai các thủ tục để chuẩn bị khởi công Dự án 93 Láng Hạ và Dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng trong năm 2017. Đặc biệt, việc hoàn thành thủ tục điều chỉnh quy hoạch Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh là một bước tiến quan trọng, đảm bảo cơ sở pháp lý để có thể tái cấu trúc và triển khai thực hiện các giai đoạn tiếp theo của Dự án. Bên cạnh đó, Ban điều hành đã rất tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các tỉnh/thành phố trong cả nước như TP Hồ Chí Minh, Nha Trang, Lào Cai... và bước đầu đã thu được những kết quả tích cực.
- Trong lĩnh vực tái cấu trúc, trên cơ sở chủ chương được ĐHĐCĐ thông qua, Ban điều hành đã lập và trình HĐQT phê duyệt kế hoạch tái cấu trúc vốn các công ty thành viên, làm cơ sở để triển khai thực hiện. Trong năm 2016, Tổng công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại 3 công ty, thoái một phần vốn đầu tư tại Quỹ đầu tư Việt Nam.
- Về lĩnh vực Đầu tư tài chính năm 2016: cổ tức thu được từ các đơn vị có vốn góp đạt 201,9 tỷ đồng
- Ban điều hành đã làm tốt công tác khai thác các kênh tín dụng hiệu quả để tạo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Tình hình tài chính của Tổng công ty được duy trì ổn định. Tổng công ty có mức độ tín nhiệm tốt đối với các tổ chức tín dụng.
- Các hoạt động kinh doanh khác (giáo dục, dịch vụ) tiếp tục mang lại hiệu quả ổn định.
- Ban Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng công ty, củng cố sự đồng thuận trong hoạt động của Tổng công ty. Ban điều hành đã có các chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Công tác tái cấu trúc vốn tại các doanh nghiệp theo kế hoạch còn chậm, chưa hoàn thành mục tiêu đề ra; việc xử lý các vấn đề tồn tại ở một số đơn vị thành viên vẫn chưa được thực hiện triệt để như tại VINACONEX 4, VINACONEX Quyết Thắng, VINACONEX Đà Nẵng...
- Công tác tìm kiếm phát triển các dự án đầu tư mới tuy đã đạt những thành công bước đầu nhưng còn chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của cổ đông, chưa tương xứng với năng lực, quy mô của Tổng công ty
- Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên, nhất là trong lĩnh vực xây lắp, đặt ra yêu cầu cho Tổng công ty trong việc phải có giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn thu được từ hoạt động thoái vốn để tái đầu tư về trang thiết bị và con người, nếu không sẽ phải đối diện với nguy cơ suy giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Năm 2016 là năm cuối cùng của HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016. Trên cơ sở đánh giá những thành tích và tồn tại trong năm qua, cũng như dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và định hướng phát triển các năm tiếp theo, HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016 đề xuất HĐQT nhiệm kỳ mới một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 như sau:

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD năm 2017 được ĐHĐCĐ phê duyệt, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản là doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.
- Trên cơ sở các mục tiêu định hướng 5 năm được ĐHĐCĐ phê duyệt và định hướng phát triển trên hai lĩnh vực chính là xây dựng và bất động sản, HĐQT và Ban điều hành khẩn trương hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2022, trọng đó trọng tâm là hoàn thành tái cấu trúc Tổng công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự; hoàn thành việc thành lập 02 Công ty 100% vốn của VINACONEX để phát triển hai lĩnh vực là xây dựng và bất động sản.
- Tập trung đẩy mạnh việc tái cấu trúc vốn tại các đơn vị thành viên, tinh giảm đầu mối, tập trung nguồn lực để phát triển 02 doanh nghiệp 100% vốn của VINACONEX trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản; tăng cường quản lý giám sát hoạt động của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển, đầu tư nâng cao thương hiệu, hình ảnh VINACONEX đối với khách hàng, đối tác, xã hội.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty: chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí..
- Đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Tổng công ty; xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách đãi ngộ đối với người lao động.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành của Tổng công ty trên cơ sở rõ ràng 5 tiêu chí: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

Trên cơ sở các kết quả mang tính khích lệ đã đạt được trong năm 2016, với sự ủng hộ, đồng hành của quý vị cổ đông, nhà đầu tư và sự đoàn kết, quyết tâm của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên, HĐQT Tổng công ty tin tưởng mạnh mẽ rằng VINACONEX sẽ tiếp tục vững bước trên con đường phát triển phía trước, không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư, người lao động. Trước khi bước sang giai đoạn phát triển mới, HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2012 – 2016 xin được gửi lời cảm ơn trân trọng đến sự đồng hành, ủng hộ của quý vị cổ đông, nhà đầu tư, sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong suốt thời gian qua. Chúc Đại hội đồng cổ đông sẽ sáng suốt lựa chọn được những cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, đạo đức tham gia vào HĐQT nhiệm kỳ mới, để cùng chung tay với quý vị cổ đông, nhà đầu tư, Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên VINACONEX tiếp tục xây những giá trị, dựng những ước mơ.



5. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ

Đại lộ Thăng Long, Hà Nội

Đây là đại lộ dài nhất Việt Nam với chiều dài toàn tuyến 29.264 km, được thiết kế cho 6 làn xe chạy với vận tốc từ 70 km/h đến 120 km/h do Vinaconex làm Tổng thầu thi công.

Đại lộ kết nối các khu công nghiệp, khu đô thị với trung tâm Hà Nội, góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực phía Tây Hà Nội.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINACONEX



Ông Vũ Quý Hà
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty
Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Được bầu là Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vinaconex từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, Ông Hà đã nắm giữ vị trí Tổng giám đốc từ năm 2011 đến 2015. Ông đã có hơn 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp và đấu thầu các dự án có nguồn vốn trong và ngoài nước. Hiện nay ông còn là Thành viên HĐQT của Công ty CP nước sạch Vinaconex, Công ty Vimenco và Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Ông Hà cũng đồng thời là Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Đỗ Trọng Quỳnh
Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty
Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Quỳnh được bầu vào HĐQT từ tháng 6 năm 2015 và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, ông Quỳnh giữ vị trí Phó Tổng giám đốc từ tháng 8 năm 2014. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2, một đơn vị nòng cốt của Tổng công ty trước khi về Tổng công ty đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc. Ông Quỳnh cũng đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Đoàn Châu Phong
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Phong là thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 12 năm 2011. Ông có 31 năm kinh nghiệm về đầu tư và quản lý dự án. Ông từng là Phó giám đốc Ban quản lý dự án Vinaconex, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà và đô thị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Hiện ông cũng đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT tại Vinahud và VCTD. Ông Phong cũng đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Nguyễn Đình Thiết
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Cử nhân Kinh tế tài chính

Ông Thiết tham gia HĐQT từ tháng 5 năm 2013. Ông là thành viên HĐQT chuyên trách phụ trách lĩnh vực xử lý nợ và tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên. Kể từ khi bắt đầu làm việc cho Vinaconex, ông từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt tại Tổng công ty như Phó phòng tài chính kế toán, Trưởng phòng kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc và cũng là Thành viên HĐQT Tổng Công ty khóa trước.

Ông Hoàng Nguyên Học

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Học đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT từ tháng 6 năm 2008. Sau khi ông Nguyễn Thành Phương, nguyên Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 nghỉ hưu theo chế độ, Ông Học được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ 01/07/2016 cho đến khi chuyển giao cho ông Vũ Quý Hà. Từng đảm nhiệm cương vị Cục trưởng cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, hiện ông Học đang là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách Tổng công ty SCIC.



Ông Đinh Việt Tùng

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Thạc sỹ Kinh tế

Ông Tùng là thành viên HĐQT Vinaconex từ tháng 12 năm 2011. Từ năm 2012 đến 2014, ông Tùng từng kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính của Tổng công ty. Ông là chuyên gia tài chính với nhiều năm kinh nghiệm. Ông từng kinh qua nhiều vị trí tại Cục quản lý vốn và tài chính nhà nước tại doanh nghiệp, Cục tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC. Hiện ông đang giữ chức vụ Trưởng Ban Quản lý vốn đầu tư 2 tại SCIC.



Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Kỹ sư vô tuyến điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ Điện tử viễn thông

Ông Hùng là thành viên HĐQT từ tháng 4 năm 2009. Ngoài ra, ông Hùng hiện đang đảm nhận vị trí Tổng giám đốc tại Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel. Ông cũng là Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước duy nhất trúng cử Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII.



Ông Lê Đăng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Kỹ sư tự động hóa và điều khiển từ xa, Thạc sỹ kỹ thuật điện tử

Ông Dũng là Thành viên HĐQT Vinaconex từ tháng 4 năm 2014. Ông Dũng hiện đang là Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel.



Ông Nguyễn Thiệu Quang

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Kiến trúc sư, kỹ sư mỏ

Ông Quang tham gia HĐQT VINACONEX từ tháng 6 năm 2008. Ngoài ra ông Quang còn là Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng Techcombank, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đa My, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại La Giang, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, CTCP Bất động sản Masan và CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng.





Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ông Hoàng Nguyên Học - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

Ông Lê Đăng Dũng - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Là Phó Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ, tham gia hoạt động của Tiểu ban nhân sự đãi ngộ và trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.

Ông Nguyễn Thiệu Quang - Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ

Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Là Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ của HĐQT, trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.



Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Trọng Quỳnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thiết - Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Châu Phong - Thành viên HĐQT

Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự hoặc ủy quyền | Tỷ lệ |
|-----|--------------------|------------|-----------------------------------|-------|
| 1 | Vũ Quý Hà | Chủ tịch | 5/5 | 100% |
| 2 | Đỗ Trọng Quỳnh | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 3 | Hoàng Nguyên Học | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 4 | Đình Việt Tùng | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 5 | Đoàn Châu Phong | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 6 | Nguyễn Đình Thiết | Thành viên | 5/5 | 80% |
| 7 | Nguyễn Thiệu Quang | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 8 | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên | 5/5 | 100% |
| 9 | Lê Đăng Dũng | Thành viên | 5/5 | 100% |

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC TV HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Số lượng chức danh TV HĐQT tại các công ty khác |
|-----|--------------------|----------------------|----------------------|---|
| 1. | Vũ Quý Hà | Chủ tịch HĐQT | 0,04% | 03 |
| 2. | Đỗ Trọng Quỳnh | Thành viên HĐQT, TGD | 0% | 04 |
| 3. | Đoàn Châu Phong | Thành viên HĐQT | ~ 0% | 02 |
| 4. | Nguyễn Đình Thiết | Thành viên HĐQT | 0% | 03 |
| 5. | Hoàng Nguyên Học | Thành viên HĐQT | 0% | 02 |
| 6. | Đình Việt Tùng | Thành viên HĐQT | 0% | 01 |
| 7. | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT | ~ 0% | 05 |
| 8. | Lê Đăng Dũng | Thành viên HĐQT | 0% | 04 |
| 9. | Nguyễn Thiệu Quang | Thành viên HĐQT | ~ 0% | 07 |



TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT – Trưởng tiểu ban
Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT – Thành viên
Ông Đỗ Trọng Quỳnh - Tổng giám đốc – Thành viên
Bà Nghiêm Phương Nhi - Đại diện cổ đông Viettel – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, hoạch định, tham mưu quản trị chiến lược trung và dài hạn cho kế hoạch phát triển của Tổng công ty.

Quản lý, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị phê duyệt.

TIỂU BAN TÁI CẤU TRÚC



Ông Nguyễn Đình Thiết - Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban
Ông Hoàng Nguyên Học - Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hòa - Kế toán trưởng – Thành viên (hiện đã chuyển công tác sang Công ty CP VIMECO)
Ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc Ban phát triển nhân lực – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, tham mưu, giám sát việc thực hiện kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TIỂU BAN ĐẦU TƯ



Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT - Phó Trưởng tiểu ban
Ông Đoàn Châu Phong - Thành viên HĐQT - Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Ngọc - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch – Thành viên
Ông Phạm Phú Trường - Thành viên Ban Kiểm soát – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc đưa ra các kế hoạch, quyết sách trong công tác đầu tư.

Giám sát việc thực hiện các kế hoạch, quyết định về đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

TIỂU BAN NHÂN SỰ ĐÃI NGỘ



Ông Nguyễn Thiều Quang - Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT, Phó Trưởng Tiểu ban
Ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc Ban PTNL – Phó Trưởng tiểu ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch – Thành viên
Ông Vũ Văn Sơn - TP Tổ chức cán bộ Ban PTNL – Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó Giám đốc Ban PTNL, Trưởng tiểu ban thư ký tổng hợp – Thành viên

Nhiệm vụ:

Căn cứ vào đề xuất bổ nhiệm cán bộ, Tiểu ban nhân sự đã ngộ triển khai việc phỏng vấn và đề xuất ý kiến đánh giá về các ứng viên để HĐQT Tổng công ty xem xét, bổ nhiệm cán bộ theo thẩm quyền vào các vị trí như Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc một số đơn vị thành viên .v.v.

TIỂU BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ



Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
Bà Kiều Bích Hoa - Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, đề xuất với HĐQT phương hướng, các giải pháp để hoàn thiện các cơ chế, quy chế hoạt động của các phòng ban, đơn vị, các nhân trong Tổng công ty.

Giúp HĐQT có báo cáo, số liệu chính xác hơn trong việc định hướng chiến lược, giao chỉ tiêu kế hoạch cho Ban điều hành chỉ đạo, đôn đốc, giám sát, điều hòa, phối hợp giữa các phòng ban liên quan trong Tổng công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình kiểm soát nội bộ.

Đề xuất từng bước kiện toàn, cải tiến, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo cho hoạt động của Tổng công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

TIỂU BAN THƯ KÝ - TỔNG HỢP



Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó giám đốc Ban PTNL - Trưởng Tiểu ban
Ông Hoàng Thiệu Bảo - Thư ký Chủ tịch HĐQT - Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hiếu - Thư ký Tổng giám đốc - Thành viên
Bà Đỗ Bảo Phương - Thành viên
Bà Đinh Nguyễn Thu Trang - TP Đối ngoại & Quan hệ cổ đông Ban ĐNPC -Thành viên

Nhiệm vụ:

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp Hội đồng quản trị; cập nhật đầy đủ các thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

Soạn thảo thư tín, văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các thỏa thuận của Tổng công ty gửi các công ty thành viên.

Các Nghị quyết / quyết định được Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2015:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|-----------|--|
| 1 | 01/2016/NQ -HĐQT | 04/2/2016 | <ul style="list-style-type: none"> HĐQT phê duyệt chủ trương dừng triển khai Dự án cụm nhà ở hỗn hợp tại lô B3, khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý – Đà Nẵng HĐQT phê duyệt chủ trương chuyển nhượng toàn bộ Dự án với giá chuyển nhượng tối thiểu 90 tỷ đồng HĐQT uỷ quyền cho TGD tìm đối tác nhận chuyển nhượng Dự án theo quy định pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện cho HĐQT |
| 2 | 02/2016/NQ -HĐQT | 04/2/2016 | <ul style="list-style-type: none"> HĐQT thống nhất với nội dung Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và đề nghị Ban điều hành xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2016 tăng 10% so với kết quả 2015 HĐQT đề nghị Ban điều hành xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, mục tiêu trong việc thay đổi người đại diện vốn của TCT tại các đơn vị, trên cơ sở đó đề xuất phương án nhân sự cụ thể, trình HĐQT phê duyệt phương án. Thống nhất trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt việc chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
| 3 | 03/2016/NQ -HĐQT | 07/4/2016 | <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của TCT Thống nhất danh sách đoàn Chủ tịch và Thư ký ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 V/v không tính lãi vay cho một số đơn vị thành viên: HĐQT đề nghị Ban điều hành có Tờ trình chi tiết v/v không tính lãi vay đối với Vinaconex Sài Gòn, VIKOWA, Vinaconex Đà Nẵng trình HĐQT TCT xem xét, phê duyệt. V/v tổ chức ĐHĐCĐ hết nhiệm kỳ: HĐQT thống nhất thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty Về nhân sự Ban Tổng giám đốc: Trước mắt vẫn duy trì cơ cấu nhân sự PTGD là 05 Phó Tổng giám đốc, yêu cầu TGD sớm kiện toàn nhân sự Phó Tổng giám đốc theo cơ cấu trên |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|-----------|---|
| 4 | 04/2016/NQ-HĐQT | 28/6/2016 | <ul style="list-style-type: none"> • HĐQT ghi nhận nội dung báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2016 • HĐQT giao Tổng giám đốc nghiên cứu hoàn thiện một số nội dung liên quan tới định hướng kế hoạch tái cấu trúc năm 2016 • HĐQT giao Tổng giám đốc hoàn tất thủ tục ký chuyển nhượng Dự án Starcity Center tại lô đất HH cho đối tác, hoàn tất nghĩa vụ của Tổng công ty, hoàn tất thủ tục để Tổng công ty rút khỏi dự án, chấm dứt uỷ quyền cho đối tác • HĐQT giao Tổng giám đốc chỉ đạo nghiên cứu phương án Tổng công ty thực hiện đầu tư thứ phát tại Dự án Splendora • HĐQT đồng ý chủ trương nghiên cứu đầu tư xây dựng các dự án đường giao thông theo hình thức BOT theo đề xuất của Tổng giám đốc • HĐQT đồng ý chủ trương đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn tỉnh Lào cai theo đề xuất của Tổng giám đốc • HĐQT đề nghị Ban điều hành báo cáo lại toàn bộ quá trình triển khai Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa • HĐQT nghe Ban điều hành trình bày báo cáo về các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự án cải tạo chung cư cũ L1, L2 số 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội • HĐQT thống nhất thay đổi người đại diện vốn của TCT tại Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex • HĐQT đồng ý nội dung báo cáo về đề xuất cả TGD tại Báo cáo v/v chuyển nhượng dự án cụm nhà ở hỗn hợp tại lô B3, Khu đô thị Nam cầu Trần Thị Lý, Đà Nẵng. • HĐQT nghe Ban điều hành trình bày về Thông báo của Văn phòng chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hoà Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hoá TCT Vinaconex • HĐQT nghe Ban điều hành trình bày Báo cáo của TGD v/v Công ty CP ĐTPT Sinh Thái đề xuất mua cổ phần tại Công ty CP Viwasupco và Viwaco; Báo cáo v/v Công ty TNHH An Quý Hưng đề xuất mua cổ phần tại VIMECO và Công ty CP Đồng Xuân Sài Gòn đề xuất mua cổ phần tại Vinahud; Báo cáo v/v xin phê duyệt chủ trương tái cấu trúc phần vốn của TCT tại Vinasinco |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 5 | 05/2016/NQ-HĐQT | 28/6/2016 | Phê duyệt một số nội dung liên quan đến việc bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ của Tổng công ty |
| 6 | 06/2016/NQ-HĐQT | 1/8/2016 | <ul style="list-style-type: none"> HĐQT thống nhất thôi giao nhiệm vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Quốc Hoà và bổ nhiệm ông Vũ Nhất – Phó Giám đốc Ban Đầu tư, đảm nhận chức vụ kế toán trưởng (kiêm Giám đốc Ban TCKH) thay thế ông Nguyễn Quốc Hoà, kể từ ngày 1/8/2016. HĐQT ghi nhận báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2016 của TCT. HĐQT ghi nhận báo cáo của TGD về chủ trương thành lập chi nhánh của TCT tại Lào Cai, đề nghị TGD báo cáo chi tiết để HĐQT xem xét, quyết định. |
| 7 | 07/2016/NQ-HĐQT | 20/9/2016 | <ul style="list-style-type: none"> HĐQT ghi nhận báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh và đề nghị BDH tiếp tục bám sát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc đã đề ra để hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2016. HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh lại Phương án tái cấu trúc tổng thể toàn Tổng công ty. HĐQT đồng ý thực hiện chủ trương đầu tư cải tạo mở rộng cơ sở vật chất các trường Lý Thái Tổ. HĐQT đồng ý chủ trương sáp nhập Trường MN Lý Thái Tổ 1 và Lý Thái Tổ 2. HĐQT thống nhất chủ trương tổ chức ĐHCĐ nhiệm kỳ 2012-2016 kết hợp với ĐHCĐ thường niên năm 2017. HĐQT thống nhất v/v triển khai thực hiện chia tách Dự án Splendora cho hai công ty mẹ . HĐQT đồng ý giao Ban điều hành tìm kiếm các nhà đầu tư cùng Vinaconex đầu tư thực hiện dự án Cát Bà Amatina và đồng ý chủ trương để Ban điều hành nghiên cứu, đàm phán mua lại toàn bộ phần vốn của các cổ đông khác tại Vinaconex ITC, báo cáo HĐQT xem xét, quyết định. |
| 8 | 02/2016/QĐ-HĐQT | 05/01/2016 | Quyết định chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 1 |
| 9 | 05/2016/QĐ-HĐQT | 07/01/2016 | Quyết định phê duyệt phương án huy động vốn để thực hiện dự án 97-99 Láng Hạ |
| 10 | 20/2016/QĐ-HĐQT | 22/01/2016 | Quyết định chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư và phát triển điện miền Bắc 3 |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---|------------|--|
| 11 | 28/2016/QĐ-HĐQT | 29/01/2016 | Quyết định phê duyệt phương án phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty Vinaconex 25 |
| 12 | 67/2016/QĐ-HĐQT | 05/02/2016 | Quyết định phê duyệt phương án bán cổ phần của TCT tại Công ty CP Vinaconex 6 |
| 13 | 77/2016/QĐ-HĐQT | 24/02/2016 | Quyết định phê duyệt phương án mua cổ phần của Công ty CP Ống sợi thủy tinh thuộc sở hữu của Vinaconex 6 và các cổ đông khác |
| 14 | 105/2016/QĐ-HĐQT | 10/03/2016 | Quyết định không thực hiện quyền ưu tiên mua trước phần vốn góp vào An Khánh JVC của Posco E&C |
| 15 | 105A/2016/QĐ-HĐQT | 10/03/2016 | Quyết định phê duyệt chủ trương đổi tên Công ty CP Bất động sản An Thịnh |
| 16 | 110/2016/QĐ-HĐQT | 14/03/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện vốn của TCT tại Công ty VC2 |
| 17 | 113/2016/QĐ-HĐQT | 15/03/2016 | Quyết định phê duyệt Quy chế bán cổ phần và quyền mua cổ phần của TCT |
| 18 | 115A/2016/QĐ-HĐQT | 19/3/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty VC1 |
| 19 | 117/2016/QĐ-HĐQT | 21/03/2016 | Quyết định phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016 của TCT |
| 20 | 127A/2016/QĐ-HĐQT | 23/3/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 27 |
| 21 | 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 148, 149/2016/QĐ-HĐQT | 29/3/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Xây dựng số 9, Vinaconex Đà Nẵng, Vinaconex 12, Vinaconex 16, Vinaconex 17, Vinaconsult, Vidifi, Vinaconex Dung Quất, Vinaconex ITC, Vinaconex Mart |
| 22 | 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160/2016/QĐ-HĐQT | 30/3/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng, Vinaconex Sài Gòn, Sài Gòn Tây Bắc, Vinasinco, Vinaconex VCTD, Vimeco, Vipaco, Viwaco, Vận tải Vinaconex, Vinaconex P&C |
| 23 | 142/2016/QĐ-HĐQT | 29/3/2016 | Quyết định ủy quyền đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Vinaconex 12 |
| 24 | 166/2016/QĐ-HĐQT | 5/4/2016 | Quyết định phê duyệt một số nội dung liên quan tới việc Acuatico thoái vốn khỏi Công ty Viwasupco |
| 25 | 217/2016/QĐ-HĐQT | 29/4/2016 | Quyết định phê duyệt phương án nhận chuyển nhượng một phần dự án Vinata Towers |
| 26 | 239/2016/QĐ-HĐQT | 6/5/2016 | Quyết định chấm dứt ủy quyền đại diện vốn Vinaconex 6 |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 27 | 240/2016/QĐ-HĐQT | 6/5/2016 | Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Đầu tư |
| 28 | 256/2016/QĐ-HĐQT | 12/5/2016 | Quyết định Ủy quyền đại diện vốn Công ty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex |
| 29 | 263/2016/QĐ-HĐQT | 19/05/2016 | Quyết định phê duyệt tham gia hợp tác đầu tư với Công ty CP Vinaconex 17 thực hiện dự án 184 Lê Hồng Phong |
| 30 | 268/2016/QĐ-HĐQT | 24/05/2016 | Quyết định phê duyệt triển khai thủ tục chuyển nhượng dự án Starcity Center HH khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng |
| 31 | 269/2016/QĐ-HĐQT | 17/05/2016 | Quyết định phê duyệt phương án chào bán cổ phần Sài Gòn Tây Bắc |
| 32 | 285/2016/QĐ-HĐQT | 2/6/2016 | Quyết định phê duyệt chi trả cổ tức 2015 |
| 33 | 293/2016/QĐ-HĐQT | 08/06/2016 | Quyết định phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2016 của VP TCT |
| 34 | 298/2016/QĐ-HĐQT | 14/06/2016 | Quyết định phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2016 |
| 35 | 302/2016/QĐ-HĐQT | 15/06/2016 | Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC 2016 là KPMG |
| 36 | 327/2016/QĐ-HĐQT | 1/7/2016 | Chấm dứt uỷ quyền đại diện vốn và uỷ quyền đại diện vốn của TCT tại Công ty CP Vinaconex VCTD |
| 37 | 336/2016/QĐ-HĐQT | 19/7/2016 | Cơ cấu lại nợ của Vinaconex Sài Gòn, Liên danh Vikowa và Vinaconex Đà Nẵng |
| 38 | 368/2016/QĐ-HĐQT | 22/7/2016 | Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Trần Tuấn Anh là PTGD Tổng công ty |
| 39 | 395/2016/QĐ-HĐQT | 1/8/2016 | Thôi giao nhiệm vụ KTT (kiêm Giám đốc Ban TCKH) đối với ông Nguyễn Quốc Hoà |
| 40 | 399/2016/QĐ-HĐQT | 1/8/2016 | Bổ nhiệm ông Vũ Nhất giữ chức KTT kiêm Giám đốc Ban TCKH |
| 41 | 411/2016/QĐ-HĐQT | 9/8/2016 | Phương án nhận chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Hapras tại Công ty TNHH thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội và phương án đầu tư dự án tại khu đất số 25 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội |
| 42 | 416, 417/2016/QĐ-HĐQT | 11/8/2016 | Thay đổi nhân sự quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 11, Vinaconex Mec |
| 43 | 424/2016/QĐ-HĐQT | 12/8/2016 | Tái cơ cấu phần vốn của TCT tại Công ty Viwasupco và Viwaco |
| 44 | 435/2016/QĐ-HĐQT | 22/8/2016 | Phương án xử lý trong thời gian chờ giải thể Công ty Vinaconex Mart |
| 45 | 443,444,445/2016/QĐ-HĐQT | 29/8/2016 | Thay đổi nhân sự quản lý phần vốn tại Vimeco, Công ty 16 và Công ty CP Bất động sản Vinaconex |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 46 | 449/2016/QĐ-HĐQT | 30/8/2016 | Chấm dứt uỷ quyền đại diện quản lý phần vốn của TCT tại Công ty CP Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc |
| 47 | 446/2016/QĐ-HĐQT | 29/8/2016 | Phê duyệt các bước triển khai tái cơ cấu phần vốn của Tổng công ty tại Viwasupco, Viwaco |
| 48 | 485/2016/QĐ-HĐQT | 15/9/2016 | Chấp thuận mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Hapras để thực hiện đầu tư dự án Trung tâm thương mại trưng bày sản phẩm văn phòng cho thuê và căn hộ để bán tại khu đất số 25 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội |
| 49 | 532/2016/QĐ-HĐQT | 20/10/2016 | Chấm dứt uỷ quyền quản lý vốn của Tổng công ty tại Công ty Vinaconex 15 |
| 50 | 601/2016/QĐ-HĐQT | 28/10/2016 | Cử nhân sự tham gia Hội đồng thành viên và nhân sự quản lý phần vốn của TCT tại Công ty Bohemia |
| 51 | 612/2016/QĐ-HĐQT | 7/11/2016 | Uỷ quyền đại diện quản lý phần vốn bổ sung của TCT tại Công ty 2 |
| 52 | 620/2016/QĐ-HĐQT | 10/11/2016 | Thay đổi nhân sự quản lý phần vốn của TCT tại Viwasupco |
| 53 | 621/2016/QĐ-HĐQT | 10/11/2016 | Phê duyệt Bảng xếp hạng chào giá của các đơn vị tư vấn định giá cổ phần tại Viwasupco và Viwaco |
| 54 | 637/2016/QĐ-HĐQT | 22/11/2016 | Phê duyệt Kế hoạch tái cấu trúc vốn đầu tư của Tổng công ty tại một số công ty thành viên quý 4 năm 2016 và năm 2017 |
| 55 | 638/2016/QĐ-HĐQT | 22/11/2016 | Phê duyệt quy định về lựa chọn nhà thầu dự án toà chung cư 2B Vinata |
| 56 | 655//2016/QĐ-HĐQT | 12/12/2016 | Góp vốn bổ sung để tăng vốn điều lệ Công ty Bohemia |
| 57 | 656/2016/QĐ-HĐQT | 12/12/2016 | Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án toà chung cư 2B Vinata. |





CƠ CẤU NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT



Ông Đặng Thanh Huân

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Huân là Trưởng ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2006 khi Tổng công ty tiến hành cổ phần hóa và tiếp tục được bầu là Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2016 vào tháng 12/2011. Ông công tác tại Vinaconex từ năm 2002 và đã từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch (nay là Ban Tài chính – Kế hoạch). Ông hiện còn là Trưởng ban Kiểm soát của nhiều đơn vị thành viên của Vinaconex.



Ông Vũ Hồng Tuấn

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tuấn hiện là Trưởng Ban Quản lý rủi ro của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC). Ông Tuấn là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.



Bà Kiều Bích Hoa

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hoa công tác tại Ban Đầu tư II, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) từ năm 2006. Bà Hoa là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.



Ông Phạm Phú Trường

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Trường công tác tại Viettel từ năm 2007 và hiện là Trưởng phòng Dự án Công ty Bất động sản Viettel thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Việt Nam (Viettel). Ông Trường là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.

BAN KIỂM SOÁT VINACONEX



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------|----------------|---|---------------------------|-------|---------------------------|
| 1 | Đặng Thanh Huấn | Trưởng Ban KS | 12/12/2011 | 4 | 100% | |
| 2 | Vũ Hồng Tuấn | Thành viên BKS | 12/12/2011 | 4 | 100% | |
| 3 | Kiều Bích Hoa | Thành viên BKS | 12/12/2011 | 4 | 100% | |
| 4 | Phạm Phú Trường | Thành viên BKS | 12/12/2011 | 4 | 100% | |

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1. Các công tác đã thực hiện năm 2016

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá hoạt động của Tổng công ty: Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành; Thẩm tra Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty.
- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành Tổng công ty. Trong các cuộc họp, Thành viên Ban kiểm soát tham gia ý kiến đối với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.
- Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Tổng công ty lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Tổng công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2016, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và của Tổng công ty.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đối với HĐQT và

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Năm 2016, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Người đại diện quản lý vốn, các Ban chức năng Tổng công ty thực hiện các cuộc kiểm tra tại các đơn vị phụ thuộc, các công ty thành viên, công ty liên kết: Công ty CP xây dựng số 2, Công ty CP xây dựng số 9, Công ty CP xây dựng số 11, Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2), Công ty CP Xi măng Cẩm Phả...
- Thực hiện giám sát công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên kết.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng công ty theo các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

1.2. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty, thể hiện:

- Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp (về quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát): Các phiếu xin ý kiến, Tờ trình Hội đồng quản trị, các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty đều được cung cấp cho Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. Ban Kiểm soát được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong các quý, năm khi có yêu cầu bằng văn bản.

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp theo quy định của Điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Tổng công ty. Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 7 Nghị quyết và 69 Quyết định. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như sau:
 - Quyết định duy trì cơ cấu nhân sự Phó Tổng Giám đốc là 5 và kiện toàn cơ cấu nhân sự Phó Tổng giám đốc (tiếp nhận và bổ nhiệm mới 01 PTGD Tổng công ty).
 - Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng mới của Tổng công ty kể từ ngày 1/8/2016 thay cho Kế toán trưởng cũ nhận công tác mới.
 - Quyết định ủy quyền đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết.
 - Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty.
 - Thông qua Quy chế hoạt động của Tổng công ty: Quy chế bán cổ phần và quyền mua cổ phần của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên kết; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban đầu tư.
 - Thông qua phương án bán cổ phần của Tổng công ty tại các đơn vị: Công ty CP xây dựng số 6; Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc...
 - Quyết định phê duyệt: Phương án mua cổ phần Công ty CP Ống sợi thủy tinh của Công ty Vinaconex 6 và các cổ đông khác (vốn góp của Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2016 chiếm 35,39% vốn điều lệ của Công ty); chấp thuận phương án nhận chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty TNHH Hapras tại Công ty TNHH Thủy Tinh Pha Lê Bohemia Hà nội (Đơn vị được quyền đầu tư dự án văn phòng cho thuê và căn hộ để bán tại khu đất số 25 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội).
 - Thông qua quyết định mua cổ phần Công ty CP Vinaconex 25 do Công ty này phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, góp bổ sung tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Thủy Tinh Pha lê Bohemia Hà nội.
 - Phê duyệt nhận chuyển nhượng một phần dự án Vinata Towers (tòa chung cư 2B Vinata Towers).
 - Phê duyệt chủ trương hợp tác đầu tư với Công ty CP Vinaconex 17 để thực hiện dự án chung cư tại số 184 Lê Hồng Phong, Nha trang (Khánh Hòa).
 - Quyết định phê duyệt: quỹ lương kế hoạch năm 2016, hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2016 và chi trả cổ tức 2015 của Tổng công ty cho các cổ đông.
 - Các quyết định khác theo chức năng, thẩm quyền của HĐQT.
 - Ban Kiểm soát đánh giá các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của pháp luật và Tổng công ty.
- HĐQT thực hiện giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Năm 2016, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đã đạt được những kết quả sau:
 - **Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:** Công ty Mẹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua. Thể hiện ở các chỉ tiêu chính sau: Tổng doanh thu của Công ty Mẹ đạt 113,7%, lợi nhuận sau thuế đạt 106,6% và tỷ lệ cổ tức (dự kiến) là 8% đạt 100% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua.
 - **Về hoạt động xây lắp:**
 - Ban điều hành chủ động trong công tác đấu thầu tìm kiếm, nhận thầu các công trình xây lắp, giá trị các hợp đồng ký mới tăng lớn so với năm 2015, trong đó có nhiều công trình có giá trị lớn: Gói thầu bổ sung dự án đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; dự án khu nhà ở cao tầng và thấp tầng Goldsilk Complex; dự án khu nhà hỗn hợp Định Công.
 - Chỉ đạo triển khai thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn tại các dự án của Tổng công ty làm tổng thầu, chủ đầu tư: Trụ sở Tòa án Phúc thẩm Tòa án tối cao tại TP Hồ Chí Minh, dự án Lọc dầu Nghi Sơn, dự án 97 – 99 Láng Hạ, chung cư 2B Vinata Towers... và đẩy nhanh công tác thanh, quyết toán tại các công trình Tổng công ty làm tổng thầu (Thủy điện Buôn Tua Srah, trụ sở Bộ Công An, thủy điện Buôn Kuốp...)
 - Ban điều hành đã chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành các dự án đối với các Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua việc triển khai quy trình quản lý tập trung, trực tiếp các công trình nhận thầu xây lắp, qua đó hạn chế được rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2016, hoạt động xây lắp mang lại doanh thu, lợi nhuận cao nhất cho Tổng công ty (Trong đó doanh thu xây lắp chiếm 87% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty).
 - **Về hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản:**
 - Trong năm 2016, Tổng công ty đã triển khai nhiều dự án đầu tư:
 - Thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai thi công Dự án 97-99 Láng Hạ - Hà Nội, hoàn thành xong thi công phần móng.
 - Dự án cải tạo khu chung cư cũ 93 Láng Hạ, Hà Nội: Hiện dự án đang trong giai đoạn tập trung hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến dự án sẽ khởi công trong năm 2017.
 - Dự án tòa chung cư 2B, Vinata Tower tại 289 Khuất Duy Tiến (Hà Nội): Đã triển khai thi công phần thô đến tầng 6; đang thực hiện các thủ tục để đủ điều kiện đưa sản phẩm ra thị trường trong năm 2017.
 - Dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng (Hà Nội): Đây là dự án do Công ty TNHH Thủy Tinh Pha Lê Bohemia Hà nội (Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ) làm chủ đầu tư; Dự án đã hoàn thành thủ tục xin chấp thuận Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc, đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư khác để thực hiện khởi công (dự kiến năm 2017).
 - Dự án Khu CNC Hoà Lạc: đã GPMB được 47,96 ha trên 50 ha cần GPMB. Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để ký hợp đồng cho thuê hạ tầng với BQL nhà máy in tiền Quốc gia.

- Dự án đầu tư hệ thống cấp nước tại tỉnh Lào Cai: UBND Tỉnh Lào Cai đã phê duyệt đề xuất dự án và ký thỏa thuận cho Tổng công ty lập dự án đầu tư. Tổng công ty đang khảo sát thực địa, lập dự án khả thi trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Hoàn thành chuyển nhượng dự án cụm nhà ở hỗn hợp ở Nam cầu Trần Thị Lý – Đà Nẵng thu hồi vốn đầu tư.
- Ban điều hành chỉ đạo tiếp tục triển khai các thủ tục tại các dự án đầu tư của Tổng công ty và tăng cường công tác tìm kiếm; phát triển dự án đầu tư mới theo kế hoạch: Chung cư cũ Thượng Đình và Thanh Xuân Bắc; Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp City Dream tại Mỹ Đình...
- Thông qua người đại diện vốn hỗ trợ các công ty thành viên triển khai các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản: Nhà chung cư cao tầng CT4 (Vimeco); Khu văn phòng và nhà ở Minh Khai (Vinahud), dự án khu đô thị mới An Khánh (Công ty liên doanh TNHH An Khánh).

- **Hoạt động đầu tư tài chính:**

- Trong năm 2016, Tổng công ty đã thoái vốn tại 03 công ty (Công ty cổ phần VINACONEX 6, Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc, Công ty cổ phần xây dựng số 15) và thoái một phần vốn tại Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam; giải thể 01 công ty (Công ty cổ phần đá trắng Yên Bình) số tiền thu về là 70.414 triệu đồng, lợi nhuận 4.055 triệu đồng.
- Ban điều hành thông qua Người đại diện quản lý vốn tăng cường quản lý, điều hành giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết. Năm 2016 đã thu cổ tức từ các công ty con, công ty liên kết đạt 201,9 tỷ đồng,

vượt kế hoạch đề ra.

- Ban điều hành chỉ đạo các Ban chức năng Tổng công ty kiểm tra, soát xét và trình Hội đồng quản trị phê duyệt thỏa thuận tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết.

- **Hoạt động tài chính:**

- Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và kiểm toán.
- Tích cực thu hồi công nợ từ chủ đầu tư, khai thác các kênh tín dụng hiệu quả giúp cho tình hình tài chính được ổn định, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- **Một số tồn tại, hạn chế của Ban điều hành:**

- Công tác thu hồi nợ từ một số chủ đầu tư chưa tốt, còn có số dư lớn;
- Công tác tái cấu trúc thực hiện còn chậm so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

4. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

4.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty và các công ty thành viên được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; Được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (Đây là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán Công ty niêm yết).
- Ý kiến của Công ty kiểm toán KPMG: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

4.2. Nhân xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ

- *Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn*: Số dư tại ngày 31/12/2016 là trên 1.241 tỷ đồng.
- *Nợ phải thu khách hàng*: Số dư nợ phải thu ngắn hạn khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 là 1.987 tỷ đồng (giảm 170 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2016). Trong đó, các chủ đầu tư có số dư nợ phải thu lớn là Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh là 773,9 tỷ đồng; Ban quản lý dự án Thăng Long (ĐA đường Láng Hoà Lạc) là 124,3 tỷ đồng; Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam là 384 tỷ đồng.

Trong năm 2016, Công ty mẹ cũng đã thực hiện trích lập, hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi. Số trích lập là 19,6 tỷ đồng; Số hoàn nhập là 12,6 tỷ đồng; số dư dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi lũy kế đến 31/12/2016 là 298,8 tỷ đồng.

- *Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết*:
 - Tại ngày 31/12/2016, Tổng công ty có 27 công ty con (trong đó có 01 công ty tỷ lệ sở hữu thấp hơn 50% nhưng có số lượng thành viên HĐQT chiếm đa số nên có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nên vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty) và 10 công ty liên doanh, liên kết. Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết tại ngày 31/12/2016 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| | 31/12/2016 | 31/12/2015 |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty thành viên | 1.891,1 | 1.684,6 |
| Công ty liên doanh, liên kết | 1.672,2 | 1.680,2 |
| Các đơn vị khác | 165,3 | 203,3 |
| Tổng cộng | 3.728,6 | 3.568,1 |

- Năm 2016 đầu tư vốn tăng so với năm 2015 là 160,5 tỷ đồng do trong năm 2016 Tổng công ty góp vốn bổ sung vốn vào Công ty TNHH Thủy Tinh Pha Lê Bohemia Hà Nội là 206,5 tỷ đồng; Mua cổ phần Công ty Ống cốt sợi Thủy Tinh là 9,98 tỷ đồng; Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư BOT Hà nội – Bắc Giang là 16,8 tỷ đồng; Thu hồi phần vốn đầu tư tại Quỹ Đầu tư Việt Nam là 18,72 tỷ đồng; Thoái vốn tại các công ty: Vinaconex 6 (34,7 tỷ đồng); Công ty cổ phần khai thác đá Yên Bình (0,35 tỷ đồng); Công ty CP Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc (12,5 tỷ đồng); Công ty cổ phần xây dựng số 15 (6,5 tỷ đồng).

- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính năm 2016: Số trích lập là 104,3 tỷ đồng; Hoàn nhập là 105,5 tỷ đồng; Số dư lũy kế đến 31/12/2016 là 994,8 tỷ đồng.
- Năm 2016, tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tổng công ty tăng tương ứng 6% và 31% so với thực hiện năm 2015. Doanh thu, lợi nhuận hợp nhất của Tổng công ty năm 2016 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2015 (triệu đồng) | Năm 2016 (triệu đồng) | TH 2016/2015 (%) |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|
| Doanh thu thuần | 8.026 | 8.533 | 106% |
| Lợi nhuận trước thuế | 603 | 803 | 133% |
| Lợi nhuận sau thuế | 523 | 687 | 131% |

Nguồn số liệu: Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015, 2016

- **Nợ phải trả**
 - Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2016 là 4.728 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,85 lần.
 - Tổng số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2016 là 840 tỷ đồng, so với số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng là 1.241 tỷ đồng và doanh thu thực hiện trong năm thì số dư nợ vay là thấp (an toàn tài chính cao).

5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2016

5.1 Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2016 của Công ty Mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

| | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | Tỷ lệ % so với KH 2016 |
|----|--------------------|------------------|-------------------|---------------------------|
| 1. | Doanh thu | 3.022,2 | 3.435 | 113,7% |
| 2. | Lợi nhuận sau thuế | 343,8 | 366,4 | 106,6% |
| 3. | Tỷ lệ cổ tức | 8% | 8% | 100% |

Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 thông qua.

5.2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các BCTC của Tổng công ty

Tổng công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

5.3. Về phân phối lợi nhuận sau thuế và trả cổ tức:

Tổng công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

5.4. Về thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2015

Tổng công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan: Quý cổ đông vui lòng xem tại Báo cáo quản trị năm 2016 đã được phát hành và đăng tải trên website www.vinaconex.com.vn

Giao dịch cổ phiếu: Không có

Các giao dịch khác:

| Tổ chức giao dịch | SLCP trước giao dịch | Kết quả | | | SLCP sau giao dịch | Tỷ lệ |
|--|----------------------|---------|-----------|--------------------------|--------------------|--------|
| | | Mua | Bán | Ngày thực hiện giao dịch | | |
| Công ty CP Vinaconex 6 | 2.880.000 | | 2.880.000 | 28/04/2016 | 0 | 0% |
| Công ty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex | 691.800 | 370.000 | | 27/04/2016 | 1.061.800 | 35,39% |



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương, tiền thưởng | Thù lao HĐQT, BKS | Tiền thù lao HĐQT, BKS tại các đơn vị | Thù lao kiêm nhiệm Tiểu ban HĐQT | Tổng thu nhập | Thu nhập bình quân 1 tháng sau thuế | Ghi chú |
|--------------------------|---|-------------------------------|----------------------------|----------------------|--|---|------------------|--|--------------------|
| I | HĐQT, BKS chuyên trách (trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD) | | | | | | | | |
| 1 | Vũ Quý Hà | Chủ tịch HĐQT | 1.444.596.953 | | 38.750.000 | 88.632.676 | 1.571.979.629 | 104.242.762 | |
| 2 | Đỗ Trọng Quỳnh | TV HĐQT - Tổng giám đốc | 1.232.375.141 | 158.873.000 | 41.000.000 | | 1.432.248.141 | 100.972.360 | |
| 3 | Đoàn Châu Phong | Thành viên HĐQT | 1.063.114.172 | | 28.000.000 | | 1.091.114.172 | 75.880.970 | |
| 4 | Nguyễn Đình Thiết | Thành viên HĐQT | 1.043.124.172 | | 30.000.000 | 62.921.128 | 1.136.045.299 | 80.037.481 | |
| 5 | Đặng Thanh Huấn | Trưởng Ban kiểm soát | 937.023.638 | | 32.000.000 | | 969.023.638 | 68.414.213 | |
| II | HĐQT, BKS không chuyên trách | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thiệu Quang | Thành viên HĐQT | | 158.873.000 | | 15.887.300 | 174.760.300 | 14.563.358 | Trả cho cá nhân |
| 2 | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT | | 158.873.000 | | 7.943.650 | 166.816.650 | 13.901.388 | Trả cho Viettel |
| 3 | Lê Đăng Dũng | Thành viên HĐQT | | 158.873.000 | | | 158.873.000 | 13.239.417 | Trả cho Viettel |
| 4 | Phạm Phú Trường | Thành viên BKS | | 58.254.000 | | | 58.254.000 | 4.854.500 | Trả cho Viettel |
| 5 | Hoàng Nguyên Học | Thành viên HĐQT | | 158.873.000 | | | 158.873.000 | 13.239.417 | Trả cho SCIC |
| 6 | Đình Việt Tùng | Thành viên HĐQT | | 158.873.000 | | 15.887.300 | 174.760.300 | 14.563.358 | Trả cho SCIC |
| 7 | Vũ Hồng Tuấn | Thành viên BKS | | 58.254.000 | | | 58.254.000 | 4.854.500 | Trả cho SCIC |
| 8 | Kiều Bích Hoa | Thành viên BKS | | 58.254.000 | | | 58.254.000 | 4.854.500 | Trả cho SCIC |
| TỔNG CỘNG | | | | 1.128.000.000 | | 191.272.054 | | | |
| TỔNG CÔNG THÙ LAO | | | | 1.319.272.054 | | | | | |



6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội

Một trong ba Trung tâm Hội nghị đa năng lớn và hiện đại nhất của khu vực Đông Nam Á với tổng diện tích sàn 60.000 m². Kiến trúc Công trình dựa trên ý tưởng thiết kế từ cảnh quan Di sản thế giới Vịnh Hạ Long. Công trình sử dụng tới 14.000 tấn cốt thép, 12.500 tấn kết cấu thép, 34.000 m² đá ốp lát, 50.000 m² kính mặt đứng và kính lợp mái để xây dựng. Trung tâm Hội nghị Quốc gia là nơi tổ chức rất nhiều sự kiện quan trọng trong nước và quốc tế, góp phần quảng bá về hình ảnh một Việt Nam hiện đại trong mắt bạn bè quốc tế.





**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Xây dựng Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0103014768

ngày 1 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận 0100105616
đăng ký doanh nghiệp

ngày 23 tháng 10 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105616 ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Vũ Quý Hà | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Trọng Quỳnh | Thành viên |
| Ông Hoàng Nguyên Học | Thành viên |
| Ông Lê Đăng Dũng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thiệu Quang | Thành viên |
| Ông Đoàn Châu Phong | Thành viên |
| Ông Đinh Việt Tùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đình Thiết | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Đỗ Trọng Quỳnh | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Điệp | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Doanh Yên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Văn Mậu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Thân Thế Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc |

(từ ngày 22 tháng 7 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 27-03-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27-03-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh 38 về các khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty như sau:

- Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Trong đó, ý kiến kết luận về vấn đề này có thể làm phát sinh khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống nước truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-139-KT-R



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 5.068.202.962.067 | 4.968.982.064.897 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 667.145.087.229 | 506.246.830.002 |
| Tiền | 111 | | 612.145.087.229 | 406.246.830.002 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 55.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 574.007.900.000 | 380.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6(a) | 574.007.900.000 | 380.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.106.258.627.022 | 3.641.227.291.812 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 1.987.109.075.102 | 2.157.341.043.151 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 589.809.000.924 | 550.363.085.881 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 8(a) | 481.449.917.963 | 317.638.543.668 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 346.768.291.567 | 907.671.376.669 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (298.877.658.534) | (291.786.757.557) |
| Hàng tồn kho | 140 | 11 | 554.362.042.977 | 276.364.820.630 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 556.669.255.988 | 278.894.629.874 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.307.213.011) | (2.529.809.244) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 166.429.304.839 | 165.143.122.453 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 862.899.397 | 2.939.249.672 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 63.125.715.661 | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu | | | | |
| Nhà nước | 153 | 17(a) | 15.781.979.242 | 10.195.749.187 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 86.658.710.539 | 152.008.123.594 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 5.352.175.702.978 | 5.592.011.031.472 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.780.593.227.321 | 2.082.597.585.858 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 8(b) | 1.780.593.227.321 | 2.082.597.585.858 |
| Tài sản cố định | 220 | | 130.333.461.467 | 132.324.677.548 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 118.169.509.467 | 120.145.586.660 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 257.402.197.238 | 249.610.733.609 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (139.232.687.771) | (129.465.146.949) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 12.163.952.000 | 12.179.090.888 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 12.269.952.000 | 12.269.952.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (106.000.000) | (90.861.112) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 14 | 504.131.534.481 | 526.561.111.413 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 752.708.692.897 | 737.822.459.066 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (248.577.158.416) | (211.261.347.653) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 112.149.184.336 | 125.991.560.168 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 112.149.184.336 | 125.991.560.168 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.823.722.107.562 | 2.722.067.839.242 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 6(b) | 1.891.147.787.755 | 1.684.647.557.755 |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết | 252 | 6(b) | 1.672.182.820.166 | 1.680.189.386.278 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 6(b) | 165.259.630.600 | 203.327.999.725 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 6(b) | (994.868.130.959) | (996.097.104.516) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 6(a) | 90.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.246.187.811 | 2.468.257.243 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.246.187.811 | 2.468.257.243 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 10.420.378.665.045 | 10.560.993.096.369 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 4.728.428.429.513 | 4.816.465.823.471 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.290.290.015.977 | 4.324.638.577.727 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 2.038.095.584.588 | 1.765.532.742.929 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 774.437.172.922 | 476.537.925.696 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17(b) | 1.659.914.253 | 19.115.409.805 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 36.157.880.521 | 16.535.098.879 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18(a) | 336.603.827.292 | 475.595.337.835 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 19(a) | 27.052.462.692 | 31.055.121.523 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 349.357.653.218 | 954.158.254.225 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 21(a) | 723.099.439.648 | 578.510.575.992 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 3.826.080.843 | 7.598.110.843 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 438.138.413.536 | 491.827.245.744 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 18(b) | 14.620.136.000 | 14.620.136.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 19(b) | 159.019.364.330 | 164.319.348.779 |
| Vay dài hạn | 338 | 21(b) | 117.037.460.749 | 163.122.586.326 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 147.461.452.457 | 149.765.174.639 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 5.691.950.235.532 | 5.744.527.272.898 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 5.530.260.273.621 | 5.489.227.628.664 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 4.417.106.730.000 | 4.417.106.730.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 4.417.106.730.000 | 4.417.106.730.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 355.104.902.000 | 355.104.902.000 |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 418 | 27 | 359.317.561.144 | 359.317.561.144 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 398.731.080.477 | 357.698.435.520 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 32.270.964.420 | 53.633.557.674 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 366.460.116.057 | 304.064.877.846 |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | 24 | 161.689.961.911 | 255.299.644.234 |
| Nguồn kinh phí | 431 | | 161.689.961.911 | 255.299.644.234 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 10.420.378.665.045 | 10.560.993.096.369 |

27 -03- 2017

Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

7 

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 29 | 3.079.178.818.402 | 2.423.653.522.067 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 30 | 2.855.971.217.985 | 2.245.757.700.738 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 223.207.600.417 | 177.895.821.329 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 31 | 354.381.592.900 | 410.734.100.686 |
| Chi phí tài chính | 22 | 32 | 57.921.824.089 | 214.506.003.820 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>31.610.871.863</i> | <i>22.629.940.147</i> |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 116.042.327.008 | 71.964.950.775 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26) | 30 | | 403.625.042.220 | 302.158.967.420 |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.710.889.907 | 4.133.964.581 |
| Chi phí khác | 32 | | 228.828.065 | 381.531.155 |
| Kết quả các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 1.482.061.842 | 3.752.433.426 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 405.107.104.062 | 305.911.400.846 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 35 | 38.646.988.005 | 1.846.523.000 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 366.460.116.057 | 304.064.877.846 |

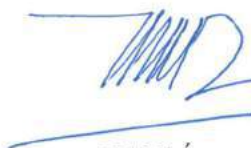
27 -03- 2017

Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhật
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 405.107.104.062 | 305.911.400.846 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 49.638.377.730 | 50.334.317.244 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 5.639.331.187 | 162.241.360.579 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (23.206.837.903) | 15.925.609.166 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (304.304.015.225) | (273.092.533.772) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 31.610.871.863 | 22.629.940.147 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 164.484.831.714 | 283.950.094.210 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 584.663.993.674 | (654.904.386.827) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (332.800.837.773) | (1.657.823.372) |
| Biến động các khoản phải trả | 11 | | (177.260.184.466) | 659.499.485.223 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 3.298.419.707 | (3.414.993.625) |
| | | | 242.386.222.856 | 283.472.375.609 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (32.812.933.702) | (29.008.854.501) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (42.910.761.331) | (1.774.829.555) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 23.866.435.301 | 2.341.171.951 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (23.594.331.520) | (22.261.270.030) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 166.934.631.604 | 232.768.593.474 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (34.394.583.962) | (2.794.067.283) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 89.738.014.430 | 121.681.818 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (452.658.229.408) | (555.587.903.792) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 443.513.757.919 | 398.201.878.434 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (219.382.043.000) | (240.498.832.722) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | 70.413.988.785 | 335.192.997.500 |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 270.541.424.302 | 159.784.758.125 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 167.772.329.066 | 94.420.512.080 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.624.644.311.896 | 762.269.873.302 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (1.489.359.890.424) | (659.611.089.975) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (309.105.214.800) | (264.815.835.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (173.820.793.328) | (162.157.052.473) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 160.886.167.342 | 165.032.053.081 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 5 | 506.246.830.002 | 341.214.776.921 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 12.089.885 | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 5 | 667.145.087.229 | 506.246.830.002 |

27 -03- 2017

Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm hợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các loại hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 12 đơn vị phụ thuộc (1/1/2016: 12 đơn vị phụ thuộc) như sau:

- Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc;
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc;
- Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah;
- Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt;
- Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa;
- Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ;
- Trường Mầm non Dân lập Vinaconex;
- Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2;
- Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ;
- Trường Trung học Dân lập Lý Thái Tổ;
- Ban Điều hành thi công giai đoạn 1 dự án Khu đô thị Bắc An Khánh; và
- Ban Điều hành Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 27 công ty con, 8 công ty liên kết, 2 công ty liên doanh và 9 đơn vị đầu tư góp vốn khác (1/1/2016: 26 công ty con, 9 công ty liên kết, 2 công ty liên doanh và 12 đơn vị đầu tư góp vốn khác) (Thuyết minh 6(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 754 nhân viên (1/1/2016: 749 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 30 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 2 – 6 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 4 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 4 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|-------------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 25 năm |
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 10 – 47 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tổng Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Trong năm, Tổng Công ty có phát sinh một số giao dịch mua và chuyển nhượng vốn các công ty con, công ty liên kết như sau:

- Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty mua thêm 761.800 cổ phần tại Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex từ Công ty Cổ phần Vinaconex 6, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và các cổ đông cá nhân, làm tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty từ 10,36% lên 35,39% ;
- Ngày 13 tháng 5 năm 2016, Tổng Công ty mua thêm 1.679.721 cổ phần tại Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang theo tiến trình tăng vốn, không thay đổi tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty là 21%;
- Ngày 2 tháng 11 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp tương đương vốn điều lệ là 15.473.815.950 VND tại Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội (“Bohemia”) từ Công ty TNHH Hapras và tăng vốn điều lệ lên 136.973.815.950 VND vào ngày 30 tháng 12 năm 2016 do quá trình tăng vốn tại Bohemia; và
- Ngày 28 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 2.880.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Vinaconex 6 cho các cá nhân.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền mặt | 3.155.166.295 | 2.489.541.574 |
| Tiền gửi ngân hàng (*) | 608.989.920.934 | 403.757.288.428 |
| Các khoản tương đương tiền | 55.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| | 667.145.087.229 | 506.246.830.002 |

(*) Trong các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 437 tỷ VND (1/1/2016: 121 tỷ VND) là tiền đặt cọc nhận được, không sẵn sàng để sử dụng cho đến khi Tổng Công ty thực hiện xong nghĩa vụ chuyển nhượng cổ phần tại một công ty liên kết.

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | 574.007.900.000 | 574.007.900.000 | 380.000.000.000 | 380.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | 90.000.000.000 | (*) | 150.000.000.000 | (*) |

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | | | | |
|---------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Địa chỉ | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư góp vốn vào công ty con | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | Hà Nội | 55,14 | 55,14 | 63.629.128.791 | - | 63.629.128.791 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | Hà Nội | 51,23 | 51,23 | 95.559.621.809 | - | 95.559.621.809 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | Hà Nội | 100,00 | 100,00 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 (*) | Hà Nội | 36,00 | 36,00 | 36.999.031.017 | - | 36.999.031.017 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | Hà Nội | 54,33 | 54,33 | 84.072.109.967 | - | 84.072.109.967 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | Đà Nẵng | 73,59 | 73,59 | 8.313.000.000 | 8.313.000.000 | 8.313.000.000 | 8.313.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng | Hà Nội | 52,60 | 52,60 | 34.338.162.683 | - | 34.338.162.683 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 16 | Nghệ An | 51,93 | 51,93 | 8.565.440.415 | 4.650.555.550 | 8.565.440.415 | 1.224.802.688 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17 | Khánh Hòa | 82,16 | 82,16 | 14.402.806.485 | - | 14.402.806.485 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | Quảng Nam | 51,00 | 51,00 | 35.109.154.062 | - | 35.109.154.062 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | Đồng Tháp | 57,33 | 86,55 | 10.200.000.000 | 7.649.987.858 | 10.199.770.000 | 3.032.446.930 |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và | | | | | | | |
| ▪ Phát triển Điện Miền Bắc 2 | Lào Cai | 76,33 | 78,35 | 317.000.007.633 | - | 317.000.007.633 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần VIMECO | Hà Nội | 51,41 | 51,40 | 74.742.411.830 | - | 74.742.411.830 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex | Tp. Hồ Chí Minh | 76,25 | 77,15 | 51.589.090.505 | 21.432.370.586 | 51.589.090.505 | 22.557.783.134 |
| ▪ Công ty Cổ phần Tư vấn | | | | | | | |
| ▪ Xây dựng Vinaconex | Hà Nội | 51,00 | 51,00 | 6.799.399.132 | 5.658.779.248 | 6.799.399.132 | 5.386.003.461 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng và | | | | | | | |
| ▪ Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | Đắc Lắc | 56,90 | 56,90 | 6.160.000.000 | 6.160.000.000 | 6.160.000.000 | 6.160.000.000 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Địa chỉ | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | | Dự phòng VND |
|---|--------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | 75,00 | 85,26 | 4.770.541.550 | 4.770.541.550 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch | 51,00 | 51,00 | 42.880.769.436 | 42.880.769.436 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam | 51,00 | 52,33 | 8.440.856.790 | 8.440.856.790 | 3.530.892.962 |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | 53,56 | 53,56 | 192.800.000.000 | 192.800.000.000 | 42.939.510.056 |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | 70,00 | 70,00 | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex | 55,00 | 55,00 | 110.000.000.000 | 110.000.000.000 | 2.888.967.946 |
| ▪ Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 51,00 | 51,20 | 255.000.000.000 | 255.000.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quat | 95,51 | 95,51 | 47.000.000.000 | 47.000.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex | 59,12 | 59,12 | 22.666.520.900 | 22.666.520.900 | 22.666.520.900 |
| ▪ Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex | 99,99 | 99,99 | 101.109.734.750 | 101.109.734.750 | - |
| ▪ Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội | 100,00 | 100,00 | 206.500.000.000 | - | - |
| | | | 1.891.147.787.755 | 1.684.647.557.755 | 122.199.928.077 |
| | | | 146.400.926.730 | | |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2016 | | | 1/1/2016 | | | | | |
|---|------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| | Địa chỉ | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết | | | | | | | | | |
| ▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | Hà Nội | 50,00 | 50,00 | 340.269.000.000 | 340.269.000.000 | 50,00 | 50,00 | 340.269.000.000 | 294.397.708.557 |
| ▪ Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei | Hà Nội | 29,00 | 29,00 | 114.179.871.113 | 2.999.160.148 | 29,00 | 29,00 | 114.179.871.113 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | Hà Nội | 29,19 | 29,19 | 110.915.000.000 | - | 29,19 | 29,19 | 110.915.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex | Hà Nội | 44,20 | 48,53 | 13.260.000.000 | - | 44,20 | 48,53 | 13.260.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 6 | Hà Nội | - | - | - | - | 36,00 | 36,00 | 34.788.609.112 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Pha | Quảng Ninh | 30,00 | 30,00 | 600.000.000.000 | 424.631.249.436 | 30,00 | 30,00 | 600.000.000.000 | 487.802.062.048 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | Hải Dương | 30,36 | 40,48 | 40.833.913.053 | 38.028.913.053 | 30,36 | 40,48 | 40.833.913.053 | 38.028.913.053 |
| ▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel | Hà Nội | 33,00 | 37,00 | 330.000.000.000 | - | 33,00 | 37,00 | 330.000.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Ông sọt Thủy tinh Vinaconex | Hà Nội | 35,39 | 35,39 | 13.184.836.000 | - | 10,36 | 10,36 | 3.200.000.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | Bắc Ninh | 21,00 | 21,00 | 104.227.700.000 | 3.385.651.268 | 21,00 | 21,00 | 87.430.493.000 | - |
| ▪ Công ty Cổ phần Vipaco | Hà Nội | 21,25 | 21,25 | 5.312.500.000 | 5.312.500.000 | 21,25 | 21,25 | 5.312.500.000 | 5.312.500.000 |
| | | | | 1.672.182.820.166 | 814.626.473.905 | | | 1.680.189.386.278 | 825.541.183.658 |



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | | Dự phòng VND |
|--|-----------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|
| | Địa chỉ | % sở hữu trực tiếp % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex | Khánh Hòa | 5,00 | 100.000.000 | - | 100.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Khai thác Đá Yên Bình | Yên Bái | - | - | - | 350.000.000 |
| ▪ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam | Hà Nội | 1,08 | 40.000.000.000 | - | 40.000.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | Đà Nẵng | 6,54 | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | Quảng Ninh | 1,12 | 52.761.753.930 | 20.725.215.756 | 52.761.753.930 |
| ▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc | Tp. Hồ Chí Minh | - | - | - | 12.500.000.000 |
| ▪ Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam | Hà Nội | 4,90 | 10.080.000.000 | - | 28.800.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng | Đà Nẵng | 19,00 | 9.500.000.000 | 9.500.000.000 | 9.500.000.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 | Hà Nội | 2,13 | 362.205.882 | - | 362.205.882 |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung | Hà Nội | 5,73 | 3.450.000.000 | - | 3.450.000.000 |
| ▪ Công ty TNHH VINA SANWA | Hà Nội | 12,37 | 25.005.670.788 | 3.615.514.568 | 25.005.670.788 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15 | Hải Phòng | - | - | - | 6.498.369.125 |
| | | | 165.259.630.600 | 33.840.730.324 | 203.327.999.725 |
| | | | 3.728.590.238.521 | 994.868.130.959 | 3.568.164.943.758 |
| | | | | | 48.355.992.781 |
| | | | | | 996.097.104.516 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 thấp hơn 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới | | |
| An Khánh | 773.894.790.855 | 775.363.392.172 |
| Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam | 383.997.292.100 | - |
| Ban Quản lý Dự án Thăng Long | 124.289.731.889 | 227.437.934.106 |
| Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội | 88.529.271.639 | 88.529.271.639 |
| Các khách hàng khác | 616.397.988.619 | 1.066.010.445.234 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.987.109.075.102 | 2.157.341.043.151 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 773.894.790.855 | 775.363.392.172 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 4.671.529.055 | 43.056.764.764 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 1.928.088.623 | 74.784.875.717 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 1.739.627.400 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex | 1.263.785.093 | 1.263.785.093 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | 1.232.031.862 | 1.232.031.862 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | 933.822.580 | 40.034.026.018 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 29.784.365 | 29.784.365 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 | 15.916.667 | 15.916.667 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | 7.144.009 | 6.029.733.142 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | - | 365.586.248 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | - | 156.415.955 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | - | 4.493.525.229 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | - | 4.301.869.243 |
| | <hr/> | |
| | 785.716.520.509 | 951.127.706.475 |
| | <hr/> | |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 19.066.036.193 | 19.066.036.193 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | 18.859.455.645 | 19.703.039.690 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 17.305.476.634 | 17.305.476.634 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | 14.851.097.903 | 15.974.288.652 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 6.883.959.648 | 8.183.959.648 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17 | 1.133.000.000 | 1.133.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | - | 20.586.039.869 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí | 25.034.713.098 | - |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex | 5.057.768.353 | 5.057.768.353 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng | 3.568.358.055 | 8.372.107.689 |
| Công ty Vikowa Liên doanh | 2.244.393.380 | 2.244.393.380 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45 | 4.405.333.041 | 4.405.333.041 |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai | - | 6.477.529.000 |
| Cho các bên khác vay | 429.371.363 | 429.371.423 |
| | 136.838.963.313 | 146.938.343.572 |
| | | |
| Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 344.610.954.650 | 170.700.200.096 |
| | 481.449.917.963 | 317.638.543.668 |

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 1.960.119.765.440 | 2.020.499.999.944 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 118.629.342.595 | 156.292.767.404 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 46.455.073.936 | 76.505.018.606 |
| | 2.125.204.181.971 | 2.253.297.785.954 |
| | | |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (344.610.954.650) | (170.700.200.096) |
| | 1.780.593.227.321 | 2.082.597.585.858 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Phải thu về lãi vay | 193.941.698.272 | 162.786.466.918 |
| Phải thu bảo lãnh | 55.603.442.637 | - |
| Tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án 97 – 99 | | |
| Láng Hạ với Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí | 36.123.667.795 | 32.000.000.000 |
| Phải thu về cổ tức | 47.984.850.000 | 26.114.900.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - | | |
| Tiền đất dự án HH | - | 675.355.168.502 |
| Phải thu khác | 13.114.632.863 | 11.414.841.249 |
| | 346.768.291.567 | 907.671.376.669 |

Trong phải thu ngắn hạn khác có phải thu từ bên liên quan như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | 71.503.820.378 | 71.503.820.378 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 54.964.942.956 | 17.818.280.911 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | 41.686.185.617 | - |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới | | |
| An Khánh | 38.822.261.774 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu | | |
| Quyết Thắng | 10.420.331.105 | 10.420.331.105 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 8.800.762.351 | 226.390.331 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | 6.302.434.360 | 6.726.575.657 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 4.667.853.195 | 2.180.382.223 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 4.213.064.620 | 6.837.954.712 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | 3.222.110.900 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 2.929.216.882 | 2.929.216.882 |
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex | 2.652.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 2.645.017.187 | 25.432.681.795 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | 2.448.000.000 | 2.530.106.012 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 1.159.393.764 | 2.738.292.167 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 255.922.592 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 199.945.900 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | 80.057.250 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | 9.879.071 | 24.549.832 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | - | 3.141.337.000 |
| | 256.983.199.902 | 152.509.919.005 |

Khoản phải thu về lãi vay từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thời hạn thu hồi theo điều khoản vay của từng kế ước.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 31/12/2016 | | | 1/1/2016 | | | | |
|--|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn – Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | Trên 3 năm | 19.066.036.193 | 19.066.036.193 | - | Trên 3 năm | 19.066.036.193 | 19.066.036.193 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | Trên 3 năm | 18.859.455.645 | 18.859.455.645 | - | Trên 3 năm | 19.703.039.690 | 19.703.039.690 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | Trên 3 năm | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | - | Trên 3 năm | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | Trên 3 năm | 17.305.476.634 | 17.305.476.634 | - | Trên 3 năm | 17.305.476.634 | 17.305.476.634 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | Trên 3 năm | 14.851.097.903 | 14.851.097.903 | - | Trên 2 năm | 15.974.288.652 | 15.974.288.652 | - |
| Các khoản cho vay khác | Trên 3 năm | 13.269.866.137 | 13.269.866.137 | - | Trên 3 năm | 13.009.440.774 | 12.954.173.274 | 55.267.500 |
| | | 101.351.932.512 | 101.351.932.512 | - | | 103.058.281.943 | 103.003.014.443 | 55.267.500 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2016 | | | 1/1/2016 | | | | |
|--|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn – Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | Trên 3 năm | 71.503.820.378 | 71.503.820.378 | - | Trên 3 năm | 71.660.236.333 | 71.660.236.333 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex | Trên 3 năm | 42.620.008.197 | 38.004.486.759 | 4.615.521.438 | Trên 3 năm | 41.596.474.632 | 37.005.890.645 | 4.590.583.987 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | Trên 3 năm | 59.636.472.011 | 43.889.279.054 | 15.747.192.957 | Trên 3 năm | 25.832.520.890 | 25.224.579.154 | 607.941.736 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | Trên 3 năm | 11.652.362.967 | 11.652.362.967 | - | Trên 3 năm | 11.657.362.967 | 11.652.362.967 | 5.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | Trên 3 năm | 32.504.554.744 | 32.475.776.864 | 28.777.880 | Trên 3 năm | 43.240.674.015 | 43.240.674.015 | - |
| | | 217.917.218.297 | 197.525.726.022 | 20.391.492.275 | | 193.987.268.837 | 188.783.743.114 | 5.203.525.723 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

298.877.658.534

291.786.757.557

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cân trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 556.669.255.988 | 2.307.213.011 | 278.894.629.874 | 2.529.809.244 |

Các dự án xây dựng dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Dự án Vinata Tower | 189.276.759.796 | 1.237.350.406 |
| Dự án Bảo tàng Hà Nội | 88.834.798.236 | 80.345.134.224 |
| Dự án Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh | 75.271.656.832 | - |
| Khu Công nghệ cao Hòa Lạc | 57.665.350.901 | 96.202.910.539 |
| Dự án 97 – 99 Láng Hạ | 27.789.488.236 | - |
| Dự án đê Bàn Thạch | 25.682.725.246 | - |
| Các dự án khác tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc | 10.360.111.977 | 13.415.132.875 |
| Các dự án khác | 81.788.364.764 | 87.694.101.830 |
| | 556.669.255.988 | 278.894.629.874 |

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 2.307 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1/1/2016: 2.530 triệu VND) được lập dự phòng 100%.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 2.465 triệu VND (2015: không).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Dụng cụ văn phòng VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 205.776.542.551 | 8.158.812.683 | 7.438.049.884 | 24.026.673.306 | 4.210.655.185 | 249.610.733.609 |
| Tăng trong năm | 108.882.655 | 567.650.542 | 2.444.577.273 | 6.573.339.908 | 2.688.864.000 | 12.383.314.378 |
| Thanh lý | - | - | - | (2.855.397.672) | - | (2.855.397.672) |
| Giảm khác | - | (144.541.687) | (622.607.602) | (783.081.017) | (186.222.771) | (1.736.453.077) |
| Số dư cuối năm | 205.885.425.206 | 8.581.921.538 | 9.260.019.555 | 26.961.534.525 | 6.713.296.414 | 257.402.197.238 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 89.332.496.498 | 6.860.074.618 | 6.867.628.433 | 22.407.114.119 | 3.997.833.281 | 129.465.146.949 |
| Khấu hao trong năm | 11.801.886.536 | 1.042.427.329 | 177.702.086 | 1.113.638.454 | 223.737.166 | 14.359.391.571 |
| Thanh lý | - | - | - | (2.855.397.672) | - | (2.855.397.672) |
| Giảm khác | - | (144.541.687) | (622.607.602) | (783.081.017) | (186.222.771) | (1.736.453.077) |
| Số dư cuối năm | 101.134.383.034 | 7.757.960.260 | 6.422.722.917 | 19.882.273.884 | 4.035.347.676 | 139.232.687.771 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 116.444.046.053 | 1.298.738.065 | 570.421.451 | 1.619.559.187 | 212.821.904 | 120.145.586.660 |
| Số dư cuối năm | 104.751.042.172 | 823.961.278 | 2.837.296.638 | 7.079.260.641 | 2.677.948.738 | 118.169.509.467 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 44.791 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 36.713 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 12.163.952.000 | 106.000.000 | 12.269.952.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 90.861.112 | 90.861.112 |
| Khấu hao trong năm | - | 15.138.888 | 15.138.888 |
| Số dư cuối năm | - | 106.000.000 | 106.000.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 12.163.952.000 | 15.138.888 | 12.179.090.888 |
| Số dư cuối năm | 12.163.952.000 | - | 12.163.952.000 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 106 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 36 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất VND | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 9.627.543.200 | 728.194.915.866 | 737.822.459.066 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 14.886.233.831 | 14.886.233.831 |
| Số dư cuối năm | 9.627.543.200 | 743.081.149.697 | 752.708.692.897 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 3.471.918.729 | 207.789.428.924 | 211.261.347.653 |
| Khấu hao trong năm | 385.101.728 | 34.878.745.543 | 35.263.847.271 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 2.051.963.492 | 2.051.963.492 |
| Số dư cuối năm | 3.857.020.457 | 244.720.137.959 | 248.577.158.416 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 6.155.624.471 | 520.405.486.942 | 526.561.111.413 |
| Số dư cuối năm | 5.770.522.743 | 498.361.011.738 | 504.131.534.481 |

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là phần diện tích cho thuê tại các tòa nhà H2 Láng Hạ, các tòa nhà khu Trung Hòa – Nhân Chính, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, một phần diện tích tầng hầm khu N05 tại đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội, và tòa nhà 47 Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 125.991.560.168 | 126.314.677.605 |
| Tăng trong năm | 24.476.006.050 | 472.759.063 |
| Phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 55.026.211.659 | - |
| Chuyển nhượng dự án | (79.561.592.392) | - |
| Giảm khác | (948.730.810) | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (12.834.270.339) | - |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | (795.876.500) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 112.149.184.336 | 125.991.560.168 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Khu công nghệ cao Hòa Lạc | 60.127.691.945 | - |
| Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – giai đoạn 2 | 26.834.114.731 | 26.834.114.731 |
| Khu đất tại Tân Thành | 17.024.294.754 | 17.024.294.754 |
| Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý | - | 74.242.885.078 |
| Các dự án khác | 8.163.082.906 | 7.890.265.605 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 112.149.184.336 | 125.991.560.168 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|----------------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Các nhà thầu dự án Khu đô thị An Khánh | 624.700.664.170 | 553.749.743.439 |
| Công ty Cổ phần Việt Vương | 240.833.180.517 | - |
| Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex-Taisei | 198.477.896.398 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | 171.319.920.223 | 98.186.386.482 |
| Các nhà thầu dự án mở rộng đường Láng Hòa Lạc | 131.761.849.384 | 254.411.163.020 |
| Các nhà thầu dự án Bảo tàng Hà Nội | 26.521.475.156 | 174.565.161.869 |
| Công ty Vinaconex E&C | 101.426.674.535 | 128.859.123.723 |
| Các nhà thầu khác | 543.053.924.205 | 555.761.164.396 |
| | 2.038.095.584.588 | 1.765.532.742.929 |

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|----------------------------------|------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 268.009.721.161 | 13.347.341.017 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 180.881.713.166 | 51.508.597.147 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | 171.319.920.223 | 99.348.796.144 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 109.015.518.884 | 31.397.794.288 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | 82.362.240.287 | 42.828.924.317 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 67.737.961.621 | 27.103.082.816 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | 36.615.672.478 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 11.331.259.751 | 2.688.003.416 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | 1.545.534.805 | 19.583.130.886 |
| Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí & Thương Mại | 1.921.702.730 | 1.877.402.803 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 | 1.580.613.677 | 1.592.974.306 |
| Các bên liên quan khác | 1.268.711.700 | 1.403.161.288 |
| | 933.590.570.483 | 292.679.208.428 |

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Số trả trước trong năm VND | Số đã được hoàn lại trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|---|-----------------|----------------------------------|---|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại | 9.414.448.091 | 1.394.150.174 | - | 10.808.598.265 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 781.301.096 | 4.192.079.881 | - | 4.973.380.977 |
| | 10.195.749.187 | 5.586.230.055 | - | 15.781.979.242 |

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 18.560.741.043 | 283.015.021.031 | (301.512.811.016) | 62.951.058 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 71.693.445 | 38.646.988.005 | (38.718.681.450) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 482.975.317 | 7.096.364.369 | (5.982.376.491) | 1.596.963.195 |
| | 19.115.409.805 | 328.758.373.405 | (346.213.868.957) | 1.659.914.253 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng | 325.843.699.796 | 463.866.723.267 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 5.613.924.685 | 4.351.250.058 |
| Các chi phí phải trả khác | 5.146.202.811 | 7.377.364.510 |
| | <hr/> 336.603.827.292 | <hr/> 475.595.337.835 <hr/> |

(b) Chi phí phải trả dài hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất của dự án Trung Hòa Nhân Chính | 14.620.136.000 | 14.620.136.000 |
| | <hr/> 14.620.136.000 <hr/> | <hr/> 14.620.136.000 <hr/> |

19. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Doanh thu nhận trước | 7.685.122.457 | 9.343.903.942 |
| Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | 19.367.340.235 | 21.711.217.581 |
| | <hr/> 27.052.462.692 <hr/> | <hr/> 31.055.121.523 <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu nhận trước | 178.386.704.565 | 186.030.566.360 |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | (19.367.340.235) | (21.711.217.581) |
| <hr/> | | |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng | 159.019.364.330 | 164.319.348.779 |
| <hr/> | | |

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền thuê đất và văn phòng mà Tổng Công ty nhận trước từ các bên đi thuê.

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 2.066.030.554 | 1.973.774.254 |
| Phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH | 141.786.729.072 | 737.934.729.072 |
| Kinh phí bảo trì các tòa nhà N05 và Trung Hòa – Nhân Chính (i) | 82.183.239.084 | 89.421.441.468 |
| Phải trả huy động vốn thực hiện dự án 97-99 Láng Hạ | 26.000.000.000 | - |
| Kinh phí công đoàn | 295.511.311 | 446.193.575 |
| Bảo hiểm xã hội | 98.529.434 | 51.971.908 |
| Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2 | - | 14.929.682.289 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Vinaconex 25 tiền đặt cọc dự án khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý | - | 13.667.659.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 96.927.613.763 | 95.732.802.659 |
| <hr/> | | |
| | 349.357.653.218 | 954.158.254.225 |
| <hr/> | | |

(i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban Quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | Biến động trong năm | | 31/12/2016 |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|--|
| | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 1.589.340.998,454 | (1.398.854.581,834) | 639.749.170.651 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (b) | 82.512.297,566 | (128.409.850,530) | 83.350.268,997 |
| | 578.510.575,992 | (1.527.264.432,364) | 723.099.439,648 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-----------|--------------|-------------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 | VND | 6% | 38.368.786,863 | 14.535.668,677 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Cầu Giấy | VND | 6% | 40.828.594,673 | 100.000.000,000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây | VND | 6% | 20.682.036,292 | 3.000.000,000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | 5,5% | 446.789,476,127 | 239.263.158,273 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | VND | 6% | 92.620.276,696 | 92.003.927,081 |
| Vay cá nhân | VND | 0% | 460.000,000 | 460.000,000 |
| | | | 639.749.170,651 | 449.262.754,031 |

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn | 200.387.729.746 | 292.370.408.287 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (83.350.268.997) | (129.247.821.961) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 117.037.460.749 | 163.122.586.326 |
| | <hr/> | <hr/> |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|------------------|-----------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng BNP Paribas | USD | LIBOR 6 tháng + 1,85% | 2010 - 2020 | 118.629.342.595 | 156.292.765.909 |
| Ngân hàng Natexis | USD | LIBOR + 2,35% | 2007 - 2017 | 46.455.073.709 | 76.505.019.719 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*) | VND | (*) | 2016 - 2019 | 35.303.313.442 | - |
| Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc | USD | 3,78% | 2009 - 2017 | - | 59.572.622.659 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | | 200.387.729.746 | 292.370.408.287 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Natexis và Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc được bảo lãnh bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(*) Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,6%/năm, tuy nhiên không thấp hơn lãi suất bán vốn cho vay áp dụng cho khoản vay kỳ hạn 3 năm của ngân hàng. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của lãi suất huy động tiết kiệm thông thường bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 5 ngân hàng thương mại.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 7.598.110.843 | 5.667.168.931 |
| Trích lập trong năm | 15.000.000.000 | 11.734.000.000 |
| Sử dụng trong năm | (18.772.030.000) | (9.803.058.088) |
| Số dư cuối năm | <u>3.826.080.843</u> | <u>7.598.110.843</u> |

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

| | Bảo hành VND |
|----------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm | 149.765.174.639 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (2.303.722.182) |
| Số dư cuối năm | <u>147.461.452.457</u> |

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành cho Dự án N05 được Tổng Công ty trích lập theo yêu cầu của Luật Nhà ở 2006. Thời gian bảo hành sẽ kết thúc vào năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Nguồn kinh phí VND | Tổng cộng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2015 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 359.317.561.144 | 331.128.575.245 | 253.294.858.512 | 5.715.952.626.901 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 304.064.877.846 | - | 304.064.877.846 |
| Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách | - | - | - | (1.071.000.000) | - | (1.071.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (11.734.000.000) | - | (11.734.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | (265.026.403.800) | - | (265.026.403.800) |
| Tăng khác | - | - | - | 336.386.229 | 2.004.785.722 | 2.341.171.951 |
| Số dư tại ngày 1/1/2016 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 359.317.561.144 | 357.698.435.520 | 255.299.644.234 | 5.744.527.272.898 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 366.460.116.057 | - | 366.460.116.057 |
| Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách | - | - | - | (1.230.000.000) | - | (1.230.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (15.000.000.000) | - | (15.000.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | (309.197.471.100) | - | (309.197.471.100) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | - | (117.476.117.624) | (117.476.117.624) |
| Tăng khác (**) | - | - | - | - | 23.866.435.301 | 23.866.435.301 |
| Số dư tại ngày 31/12/2016 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 359.317.561.144 | 398.731.080.477 | 161.689.961.911 | 5.691.950.235.532 |

(*) Chủ yếu thể hiện giá trị phần chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc, là dự án do Ngân sách nhà nước cấp kinh phí, đã được quyết toán và đã được phê duyệt bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(**) Thể hiện nguồn nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp để Công ty tiếp tục thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

| | 31/12/2016 và 1/1/2016 | |
|--|-------------------------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 441.710.673 | 4.417.106.730.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 441.710.673 | 4.417.106.730.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 309.197 triệu VND cho năm 2015 (2015: 265.026 triệu VND).

27. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Trong vòng một năm | 6.087.780.534 | 6.087.780.534 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 23.720.161.258 | 25.898.762.025 |
| Sau năm năm | 33.704.295.004 | 35.794.072.125 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 63.512.236.796 | 67.780.614.684 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|-------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | - | 16.797.207.000 |
| | <hr/> | <hr/> |

(c) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|-----|-------------------|--------------------|-----------------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 11.984 | 273.534.671 | 3.695.902 | 82.973.006.637 |
| JPY | 92.203 | 17.886.460 | 93.655 | 17.391.733 |
| EUR | 672 | 16.918.150 | 703 | 17.182.360 |
| | | <hr/> | | <hr/> |
| | | 308.339.281 | | 83.007.580.730 |
| | | <hr/> | | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Doanh thu hoạt động xây lắp | 2.689.053.756.891 | 2.130.834.248.459 |
| ▪ Doanh thu bán bất động sản | 145.012.374.541 | - |
| ▪ Doanh thu dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác | 245.112.686.970 | 292.819.273.608 |
| | <hr/> 3.079.178.818.402 | <hr/> 2.423.653.522.067 |

30. Giá vốn hàng bán

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán của: | | |
| ▪ Hoạt động xây lắp | 2.610.709.126.716 | 2.044.148.564.917 |
| ▪ Hoạt động bán bất động sản | 85.988.239.538 | - |
| ▪ Dịch vụ cho thuê và dịch vụ khác | 159.496.447.964 | 201.609.135.821 |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (222.596.233) | - |
| | <hr/> 2.855.971.217.985 | <hr/> 2.245.757.700.738 |

31. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Cổ tức được chia | 201.970.786.563 | 102.284.005.008 |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 93.235.541.316 | 79.784.565.241 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 3.855.230.888 | 94.371.798.169 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 42.997.670.768 | 112.961.912.683 |
| Phí bảo lãnh | 10.723.326.365 | 19.115.707.571 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 1.599.037.000 | 2.216.112.014 |
| | <hr/> 354.381.592.900 | <hr/> 410.734.100.686 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 31.610.871.863 | 22.629.940.147 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (1.228.973.557) | 181.485.662.469 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 18.475.627.948 | 5.617.754.331 |
| Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 6.298.220.340 | 2.210.631.591 |
| Chi phí tài chính khác | 2.766.077.495 | 2.562.015.282 |
| | <hr/> 57.921.824.089 | <hr/> 214.506.003.820 <hr/> |

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2016 VND | 2015 VND |
|----------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| Chi phí nhân viên | 59.909.573.041 | 55.312.942.816 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.030.417.986 | 10.701.619.237 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.735.779.332 | 5.239.025.675 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.560.822.423 | 1.050.023.450 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 459.514.865 | 528.842.888 |
| Chi phí dự phòng | 7.090.900.977 | (19.244.301.890) |
| Chi phí nguyên vật liệu | - | 154.372.728 |
| Chi phí bằng tiền khác | 33.255.318.384 | 18.222.425.871 |
| | <hr/> 116.042.327.008 | <hr/> 71.964.950.775 <hr/> |

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | - | 644.640.499 |
| Chi phí nhân công | 96.703.783.579 | 61.897.890.150 |
| Chi phí khấu hao | 49.638.377.730 | 50.334.317.244 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.116.296.634.837 | 2.145.012.683.830 |
| Chi phí khác | 42.398.182.853 | 10.777.000.878 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 405.107.104.062 | 305.911.400.846 |
| Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty | 81.021.420.812 | 67.300.508.186 |
| Ưu đãi thuế | - | (760.411.008) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động giáo dục | (1.567.244.690) | (2.026.390.206) |
| Thu nhập không bị tính thuế | (40.394.157.313) | (22.502.481.102) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 93.044.492 | 59.629.900 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | (27.280.411.162) | (37.842.106.920) |
| Ảnh hưởng của thay đổi đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (3.567.402.052) | (11.197.696.118) |
| Bổ sung thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường những năm trước, hình thành hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong năm nay (*) | 30.000.000.000 | - |
| Dự phòng thiếu cho những năm trước | 341.737.918 | 8.815.470.268 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 38.646.988.005 | 1.846.523.000 |

(*) Hoạt động chuyển nhượng bất động sản này là từ liên doanh Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam – Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Xanh sang Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Xanh, theo Quyết định thu hồi và giao đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 7 năm 2016.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời (*) VND | Giá trị tính thuế VND | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 22.887.075.000 | 4.577.415.000 | 40.724.085.258 | 8.144.817.052 |
| Lỗ tính thuế | 295.796.087.584 | 59.159.217.517 | 298.729.917.869 | 59.745.983.574 |
| | 318.683.162.584 | 63.736.632.517 | 339.454.003.127 | 67.890.800.626 |

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2017. Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động chính và 10% (2015: 10%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động giáo dục.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-----------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Doanh thu hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | 130.728.990.773 | 224.209.973.997 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 12.698.307.306 | 34.337.145.439 |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 10.957.255.312 | 101.395.651.915 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 3.183.909.639 | 1.539.567.502 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 2.054.133.614 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | 1.177.463.510 | 590.451.114 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | 1.050.000.000 | 1.133.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex | 955.993.561 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 543.775.126 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 422.115.492 | 415.401.137 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 409.116.638 | 4.857.482.566 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất | 215.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 193.294.903 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 166.957.642 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | 119.311.187 | 114.914.287 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch | 101.650.000 | 10.653.200.189 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | 63.714.523 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex | 50.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex | 45.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex | 4.914.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | 4.470.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 894.000 | - |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 475.950.437.010 | 192.966.391.418 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | 307.405.957.904 | 155.353.276.162 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 187.782.982.812 | 9.730.742.231 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | 160.566.885.058 | 94.709.401.298 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 87.881.280.599 | 184.296.982.325 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | 78.938.530.904 | 11.237.562 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | 16.947.388.849 | 1.834.093.636 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 13.571.222.802 | 6.614.710.262 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | 10.082.914.266 | 4.026.356.845 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | 2.467.331.316 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 | 1.739.808.691 | 41.651.076 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | 755.174.861 | 234.644.879 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex | 179.549.455 | 263.995.107 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 | - | 54.196.252.625 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17 | - | 266.777.129 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | - | 96.447.273 |
| Thu nhập cổ tức | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | 63.400.000.763 | - |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 38.250.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch | 18.360.000.000 | 12.240.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 17.302.740.000 | 25.510.450.000 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 10.281.800.000 | 12.852.200.000 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | 9.180.000.000 | 6.120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 7.377.736.800 | 7.377.736.800 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | 6.732.000.000 | 3.978.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 6.528.000.000 | 6.528.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 6.519.825.000 | 6.519.825.000 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất | 6.326.200.000 | 9.870.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex | 3.978.000.000 | 4.641.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | 2.450.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 | 2.016.000.000 | 1.440.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17 | 1.237.584.000 | 1.113.825.208 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex | 530.900.000 | - |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Thu nhập lãi vay | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 30.634.303.776 | 31.231.719.497 |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 11.010.075.382 | 6.702.089.012 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | 5.708.069.722 | - |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | 3.364.404.497 | 6.497.184.349 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | 1.975.078.866 | 312.540.381 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | 306.438.825 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 252.943.425 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | 248.452.575 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | 80.057.250 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình | - | 7.932.492.313 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | - | (9.926.526) |
| Thu nhập từ bảo lãnh | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | 8.445.247.495 | 10.586.636.888 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | 2.084.578.870 | 2.354.350.662 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | 193.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | - | 130.900.000 |
| Thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Tiền lương và thưởng | 5.195.717.384 | 3.785.462.118 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| Tiền lương và thưởng | 3.226.779.811 | 1.809.068.182 |

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|----------------|-------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn bù trừ với vay ngắn hạn | 38.742.506.485 | 38.272.583.686 |
| Phải thu về cho vay bù trừ với các khoản phải trả | 6.226.940.383 | 1.202.594.893 |
| Phải thu ngắn hạn khác phân loại sang phải thu về cho vay ngắn hạn | 976.483.690 | 1.062.629.560.570 |
| Đầu tư vào công ty con bù trừ với khoản thuế phải nộp từ chuyển nhượng dự án | 13.900.230.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bù trừ với các khoản phải thu | 3.590.968.818 | - |
| Lãi vay được nhập vào gốc trên đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 559.722.223 | - |
| Lãi nhập gốc đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.257.208.959 | - |
| Phân loại từ hàng tồn kho sang xây dựng cơ bản dở dang | 55.026.211.659 | - |
| Chi phí lãi vay vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang | 2.464.736.466 | - |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác chưa thu được tiền | 2.312.985.570 | - |
| Sử dụng dự phòng đầu tư tài chính khi thanh lý các khoản đầu tư tài chính | - | 105.941.206.690 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các khoản nợ tiềm tàng

- Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, ngày 20 tháng 1 năm 2006, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Năm 2008, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ một số nội dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá. Kết luận của Thanh tra Chính phủ được Thủ tướng giao cho Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo và đề xuất xử lý kiến.

Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Thông báo này yêu cầu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để thu tiền sử dụng đất đối với diện tích các nhà nổi của Tổng Công ty xây trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính. Thông báo này cũng yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Tổng Công ty có chính sách hỗ trợ phúc lợi phù hợp cho cộng đồng dân cư sống ở khu vực này.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng. Báo cáo tài chính riêng đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

27-03-2017

Người lập:

Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

Người duyệt:

Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc





**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Xây dựng Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0103014768

ngày 1 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp 0100105616

ngày 23 tháng 10 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105616 ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Vũ Quý Hà | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Trọng Quỳnh | Thành viên |
| Ông Hoàng Nguyên Học | Thành viên |
| Ông Lê Đăng Dũng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thiệu Quang | Thành viên |
| Ông Đoàn Châu Phong | Thành viên |
| Ông Đinh Việt Tùng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đình Thiết | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Đỗ Trọng Quỳnh | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Diệp | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Doanh Yên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Văn Mậu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Thân Thế Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Tuấn Anh | Phó Tổng Giám đốc |

(từ ngày 22 tháng 7 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 72 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 27 -03- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27-03-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 72.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh 48 về các khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty như sau:

- Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Trong đó, ý kiến kết luận về vấn đề này có thể làm phát sinh khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công An đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống nước truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công An và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-139-KT-HN

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KPMG

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 12.618.632.406.963 | 10.423.363.191.087 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 1.602.958.690.677 | 1.512.565.657.623 |
| Tiền | 111 | | 1.158.969.932.505 | 921.149.924.270 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 443.988.758.172 | 591.415.733.353 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.385.611.653.812 | 522.343.340.247 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 266.061.423 | 266.061.423 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (200.032.730) | (174.557.392) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7(a) | 1.385.545.625.119 | 522.251.836.216 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 5.311.282.183.273 | 5.332.927.425.955 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 4.016.694.540.640 | 3.547.200.505.820 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 588.882.401.927 | 687.023.611.410 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 9(a) | 408.285.887.602 | 267.540.277.714 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 10(a) | 701.292.573.012 | 1.183.473.235.157 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 11 | (403.925.261.606) | (352.943.673.658) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 52.041.698 | 633.469.512 |
| Hàng tồn kho | 140 | 12 | 4.065.795.196.829 | 2.760.875.048.506 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 4.093.086.182.061 | 2.784.815.064.121 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (27.290.985.232) | (23.940.015.615) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 252.984.682.372 | 294.651.718.756 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 19.747.088.831 | 38.603.218.306 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 97.005.702.792 | 62.028.483.003 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 23(a) | 49.572.880.210 | 33.142.879.788 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 86.659.010.539 | 160.877.137.659 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 10.182.207.033.814 | 10.306.337.586.810 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.774.817.904.666 | 1.989.264.779.161 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 8 | 1.214.281.459 | 1.306.434.379 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 9(b) | 1.765.108.202.979 | 1.988.092.567.196 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 10(b) | 9.478.480.504 | 967.964.082 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 11 | (983.060.276) | (1.102.186.496) |
| Tài sản cố định | 220 | | 3.398.823.121.364 | 3.436.208.611.115 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 3.246.989.498.522 | 3.346.371.087.707 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 5.393.673.843.045 | 5.341.252.580.703 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (2.146.684.344.523) | (1.994.881.492.996) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 14 | 31.637.937.032 | 33.998.895.099 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 82.888.155.680 | 82.888.155.680 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (51.250.218.648) | (48.889.260.581) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 120.195.685.810 | 55.838.628.309 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 131.374.717.199 | 61.618.880.001 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (11.179.031.389) | (5.780.251.692) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 16 | 1.707.582.267.301 | 1.165.757.097.042 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 2.193.173.954.461 | 1.540.645.371.665 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (485.591.687.160) | (374.888.274.623) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.626.970.932.713 | 1.952.568.355.771 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 17 | 789.860.273.290 | 563.610.527.656 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 18 | 837.110.659.423 | 1.388.957.828.115 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.332.055.136.090 | 1.464.588.990.739 |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết | 252 | 7(b) | 1.002.487.694.404 | 1.012.159.835.330 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 7(c) | 239.457.167.203 | 288.876.669.170 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 7(c) | (50.089.725.517) | (66.447.513.761) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 7(a) | 140.200.000.000 | 230.000.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 341.957.671.680 | 297.949.752.982 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 19 | 208.702.209.691 | 149.635.368.499 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 20 | 77.739.568.405 | 86.378.481.438 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 630.796.954 | 590.787.590 |
| Lợi thế thương mại | 269 | 21 | 54.885.096.630 | 61.345.115.455 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 22.800.839.440.777 | 20.729.700.777.897 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 15.346.078.965.241 | 13.401.533.031.217 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 10.680.204.093.602 | 9.887.107.738.494 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 22 | 2.874.894.409.967 | 2.438.990.657.230 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.039.067.880.817 | 1.710.328.280.395 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 23(b) | 297.719.502.584 | 422.476.398.660 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 179.145.764.671 | 144.078.340.494 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 24(a) | 1.132.062.149.261 | 1.103.789.407.758 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 25(a) | 205.333.277.679 | 184.573.604.811 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 26(a) | 1.459.036.398.886 | 1.608.604.752.879 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 27(a) | 2.446.664.972.922 | 2.246.146.848.227 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 28(a) | 29.597.471.905 | 7.441.321.595 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 29 | 16.682.264.910 | 20.678.126.445 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 4.665.874.871.639 | 3.514.425.292.723 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | 22 | 281.958.000 | 281.958.000 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 990.904.729.661 | 172.902.305.923 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 24(b) | 90.455.230.880 | 78.311.973.105 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 25(b) | 1.379.627.772.559 | 966.277.514.494 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 26(b) | 1.758.682.750 | 13.030.681.482 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 27(b) | 1.993.721.639.756 | 2.071.347.029.993 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 20 | 270.703.987 | 302.287.879 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 28(b) | 208.854.154.046 | 211.971.541.847 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 7.454.760.475.536 | 7.328.167.746.680 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 30 | 7.293.046.537.525 | 7.072.844.126.346 |
| Vốn cổ phần | 411 | 31 | 4.417.106.730.000 | 4.417.106.730.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 4.417.106.730.000 | 4.417.106.730.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 355.104.902.000 | 355.104.902.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 4.485.624.753 | 4.479.904.715 |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 418 | 33 | 514.410.102.928 | 514.723.776.677 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 3.207.371.732 | 3.303.640.664 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 505.314.960.061 | 347.461.010.369 |
| - LNST chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a | | 21.757.597.089 | 38.531.809.756 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 483.557.362.972 | 308.929.200.613 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 1.493.416.846.051 | 1.430.664.161.921 |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | 161.713.938.011 | 255.323.620.334 |
| Nguồn kinh phí | 431 | | 161.713.938.011 | 255.323.620.334 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 22.800.839.440.777 | 20.729.700.777.897 |

27 -03- 2017

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 35 | 8.533.781.553.597 | 8.026.433.582.354 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 35 | 603.857.095 | 229.747.902 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 35 | 8.533.177.696.502 | 8.026.203.834.452 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 36 | 7.136.000.782.657 | 6.756.049.677.998 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 1.397.176.913.845 | 1.270.154.156.454 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 37 | 198.609.186.796 | 359.610.827.760 |
| Chi phí tài chính | 22 | 38 | 295.834.305.333 | 419.901.185.368 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>282.360.078.215</i> | <i>338.254.415.509</i> |
| Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 8.865.693.592 | (159.386.125.289) |
| Chi phí bán hàng | 25 | 39 | 47.033.367.906 | 41.392.579.520 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 40 | 495.646.765.047 | 452.285.166.469 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26) | 30 | | 766.137.355.947 | 556.799.927.568 |
| Thu nhập khác | 31 | 41 | 94.692.255.560 | 87.525.873.194 |
| Chi phí khác | 32 | 42 | 57.928.702.202 | 41.357.381.213 |
| Kết quả các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 36.763.553.358 | 46.168.491.981 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 802.900.909.305 | 602.968.419.549 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 44 | 107.176.351.747 | 57.323.609.728 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 44 | 8.607.329.141 | 22.017.134.051 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau) | 60 | | 687.117.228.417 | 523.627.675.770 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã | Thuyết | 2016 | 2015 |
|--|-----------|---------------|------------------------|------------------------|
| | số | minh | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước) | 60 | | 687.117.228.417 | 523.627.675.770 |
| Phân bổ cho: | | | | |
| Cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 483.557.362.972 | 390.574.348.294 |
| Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 203.559.865.445 | 133.053.327.476 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 45 | 1.095 | 884 |

27 -03- 2017

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:




Vũ Nhất
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|---|------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 802.900.909.305 | 602.968.419.549 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 386.444.355.419 | 422.914.019.586 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 56.919.880.948 | (42.307.834.558) |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (22.278.781.538) | 13.710.954.808 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (231.887.980.957) | (73.715.206.525) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 282.360.078.215 | 338.254.415.509 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.274.458.461.392 | 1.261.824.768.369 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 167.491.634.049 | (608.895.006.948) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (1.529.359.214.534) | (197.495.573.748) |
| Biến động các khoản phải trả | 11 | | 1.398.083.075.902 | 1.167.232.125.981 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (37.619.367.222) | (42.059.243.953) |
| | | | 1.273.054.589.587 | 1.580.607.069.701 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (203.364.751.543) | (442.710.693.232) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (126.702.684.922) | (97.720.276.439) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 23.866.435.301 | 2.004.785.722 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (168.628.686.918) | (62.065.173.422) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 798.224.901.505 | 980.115.712.330 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (460.730.484.886) | (435.264.430.233) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 254.939.221.134 | 99.901.238.212 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (1.149.228.725.736) | (868.548.860.998) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 451.866.390.757 | 447.726.835.403 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (26.982.043.000) | (126.510.508.639) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | 82.318.821.627 | 152.614.908.924 |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 157.093.396.517 | 162.749.549.986 |
| Khoản tiền chi thuần từ việc mua công ty con | | | (71.076.703.543) | (63.707.239.556) |
| Khoản tiền thuần thu được từ việc bán công ty con | | | - | 23.054.382.073 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (761.800.127.130) | (607.984.124.828) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2016 VND | 2015 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 5.147.291.904.321 | 3.142.097.264.634 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (4.703.215.698.403) | (3.143.851.388.094) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (390.120.071.178) | (313.416.785.263) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 53.956.134.740 | (315.170.908.723) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 90.380.909.115 | 56.960.678.779 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 1.512.565.657.623 | 1.455.605.215.383 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 12.123.939 | (236.539) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 6 | 1.602.958.690.677 | 1.512.565.657.623 |

27-03-2017

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm hợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các loại hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 27 công ty con (1/1/2016: 26 công ty con) như sau:

| Tên công ty con | Địa chỉ | Hoạt động chính | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-----------------|---|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 55,14 | 55,14 | 55,14 | 55,14 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 | Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 51,23 | 51,23 | 51,23 | 51,23 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4 | Hà Nội | Xây dựng các công trình công nghiệp | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 (*) | Hà Nội | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 36,00 | 36,00 | 36,00 | 36,00 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 | Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 54,33 | 54,33 | 54,33 | 54,33 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng | Đà Nẵng | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 73,59 | 73,59 | 73,59 | 73,59 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 | Hà Nội | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 52,60 | 52,60 | 52,60 | 52,60 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16 | Nghệ An | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 51,93 | 51,93 | 51,93 | 51,93 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17 | Khánh Hòa | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 82,16 | 82,16 | 82,16 | 82,16 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 25 | Quảng Nam | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 51,00 | 51,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 27 | Đồng Tháp | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 57,33 | 86,55 | 57,33 | 86,55 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | Lào Cai | Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng | 76,33 | 78,35 | 76,33 | 78,35 |
| Công ty Cổ phần VIMECO | Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 51,40 | 51,40 | 51,40 | 51,40 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn | Tp. Hồ Chí Minh | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 76,25 | 77,15 | 76,25 | 77,15 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex | Hà Nội | Tư vấn thiết kế | 51,00 | 51,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | Đắc Lắc | Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp | 56,90 | 56,90 | 56,90 | 56,90 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Tên công ty con | Địa chỉ | Hoạt động chính | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|---|------------|---|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết | % sở hữu trực tiếp | % quyền biểu quyết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam | Hà Nội | Thương mại, dịch vụ | 75,00 | 85,26 | 75,00 | 85,26 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch | Hà Nội | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 51,00 | 51,00 | 51,00 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam | Hà Nội | Thương mại, dịch vụ | 51,00 | 52,33 | 51,00 | 52,33 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex | Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 53,56 | 53,56 | 53,56 | 53,56 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex | Hà Nội | Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản | 70,00 | 70,00 | 70,00 | 70,00 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex | Hà Nội | Thương mại, dịch vụ | 55,00 | 55,00 | 55,00 | 55,00 |
| Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex | Hòa Bình | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 51,00 | 51,20 | 51,00 | 51,20 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất | Quảng Ngãi | Thương mại, dịch vụ | 95,51 | 95,51 | 95,51 | 96,52 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex | Hà Nội | Thương mại, dịch vụ | 59,12 | 59,12 | 59,12 | 59,12 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh | Hà Nội | Kinh doanh bất động sản | 99,99 | 99,99 | 99,99 | 99,99 |
| Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội | Hà Nội | Gia công các sản phẩm thủy tinh pha lê Kinh doanh bất động sản | 100,00 | 100,00 | - | - |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 thấp hơn 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 8 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh (1/1/2016: 9 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 8.544 nhân viên (1/1/2016: 8.568 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của các dự án bất động sản và công trình xây lắp được tính theo phương pháp đích danh, giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các nhóm hàng tồn kho khác, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 4 – 30 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 2 – 6 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 10 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--|----------------------|
| ▪ quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định | không trích khấu hao |
| ▪ quyền sử dụng đất có thời hạn | 7 – 25 năm |
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 7 – 50 năm |

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê tài sản trả trước

Chi phí thuê tài sản trả trước thể hiện số tiền thuê tài sản được trả trước. Chi phí thuê tài sản trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty và các công ty con không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty và các công ty con đã chuyên giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty và các công ty con ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã được chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

(v) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất công nghiệp; và
- Dịch vụ thương mại.

| | Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND | Sản xuất công nghiệp VND | Dịch vụ thương mại VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|--|--------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| Năm kết thúc ngày 31/12/2016 | | | | | |
| Doanh thu thuần của bộ phận | 8.116.156.353.365 | 1.484.371.738.978 | 961.386.239.220 | (2.028.736.635.061) | 8.533.177.696.502 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 931.855.398.391 | 84.090.972.984 | 362.217.039.628 | 19.013.502.842 | 1.397.176.913.845 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | (542.680.132.953) |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 854.496.780.892 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 198.609.186.796 |
| Chi phí tài chính | | | | | (295.834.305.333) |
| Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | 8.865.693.592 |
| Lợi nhuận khác | | | | | 36.763.553.358 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | (115.783.680.888) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | | 687.117.228.417 |



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND | Sản xuất công nghiệp VND | Dịch vụ thương mại VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|--|--------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| Năm kết thúc ngày 31/12/2015 | | | | | |
| Doanh thu thuần của bộ phận | 7.744.420.562.753 | 1.236.355.903.473 | 267.023.434.726 | (1.221.596.066.500) | 8.026.203.834.452 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 580.829.404.966 | 559.601.359.699 | 56.250.287.096 | 73.473.104.693 | 1.270.154.156.454 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | (493.677.745.989) |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh | | | | | 776.476.410.465 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 359.610.827.760 |
| Chi phí tài chính | | | | | (419.901.185.368) |
| Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | (159.386.125.289) |
| Lợi nhuận khác | | | | | 46.168.491.981 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | (79.340.743.779) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | | | | | 523.627.675.770 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND | Sản xuất công nghiệp VND | Dịch vụ thương mại VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|--|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| 31/12/2016 | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 19.093.162.260.243 | 3.588.504.424.604 | 1.776.077.787.599 | (2.659.392.726.073) | 21.798.351.746.373 |
| Khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát | 1.678.589.820.229 | - | - | (676.102.125.825) | 1.002.487.694.404 |
| Tổng tài sản | 20.771.752.080.472 | 3.588.504.424.604 | 1.776.077.787.599 | (3.335.494.851.898) | 22.800.839.440.777 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 13.336.786.315.030 | 2.120.960.753.877 | 1.464.093.396.488 | (1.575.761.500.154) | 15.346.078.965.241 |
| Tổng nợ phải trả | 13.336.786.315.030 | 2.120.960.753.877 | 1.464.093.396.488 | (1.575.761.500.154) | 15.346.078.965.241 |
| Năm kết thúc ngày 31/12/2016 | | | | | |
| Chi tiêu vốn | 254.888.660.354 | 182.283.613.149 | 10.517.517.672 | 13.040.693.711 | 460.730.484.886 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 88.158.742.454 | 186.406.490.692 | 7.169.586.505 | (19.535.291.835) | 262.199.527.816 |
| Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính | - | 2.360.958.067 | - | - | 2.360.958.067 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 306.127.452 | 515.575.951 | 287.660.535 | 2.554.890.709 | 3.664.254.647 |
| Khấu hao bất động sản đầu tư | 44.550.487.743 | - | 18.524.025.512 | - | 63.074.513.255 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND | Sản xuất công nghiệp VND | Dịch vụ thương mại VND | Loại trừ VND | Hợp nhất VND |
|---|--|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| 1/1/2016 | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 16.780.684.225.123 | 3.570.018.522.712 | 1.730.022.666.269 | (2.363.184.471.537) | 19.717.540.942.567 |
| Khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát | 1.685.289.386.278 | - | 6.553.320.000 | (679.682.870.948) | 1.012.159.835.330 |
| Tổng tài sản | 18.465.973.611.401 | 3.570.018.522.712 | 1.736.575.986.269 | (3.042.867.342.485) | 20.729.700.777.897 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 11.094.510.058.774 | 2.223.574.373.389 | 1.432.397.736.846 | (1.348.949.137.792) | 13.401.533.031.217 |
| Tổng nợ phải trả | 11.094.510.058.774 | 2.223.574.373.389 | 1.432.397.736.846 | (1.348.949.137.792) | 13.401.533.031.217 |
| Năm kết thúc ngày 31/12/2015 | | | | | |
| Chi tiêu vốn | 114.219.636.932 | 231.068.448.599 | 88.214.012.288 | 1.762.332.414 | 435.264.430.233 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 119.289.613.141 | 188.606.802.696 | 7.544.888.185 | (21.833.139.025) | 293.608.164.997 |
| Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính | - | 2.955.025.598 | - | - | 2.955.025.598 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 512.927.298 | 545.245.755 | 432.545.688 | (172.984.563) | 1.317.734.178 |
| Khấu hao bất động sản đầu tư | 125.622.755.189 | - | 9.346.211.005 | (11.563.407.776) | 123.405.558.418 |

Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 2 tháng 11 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp tương đương vốn điều lệ là 15.473.815.950 VND tại Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội (“Bohemia”) từ Công ty TNHH Hapras và tăng vốn điều lệ lên 136.973.815.950 VND vào ngày 30 tháng 12 năm 2016 do quá trình tăng vốn tại Bohemia.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày mua như sau:

| | Giá trị hợp lý tại ngày mua VND |
|--|--|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 23.066.457 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.078.940.569 |
| Tài sản dài hạn khác | 94.764.703 |
| Nợ ngắn hạn | (255.474.613) |
| Giá trị đánh giá lại tiềm năng phát triển khu đất của Bohemia (*) | 91.019.000.000 |
| <hr/> | |
| Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được | 91.960.297.116 |
| <hr/> | |
| Phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua | 91.960.297.116 |
| Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc mua công ty con (Thuyết minh 41) | (6.960.297.116) |
| <hr/> | |
| Giá mua | 85.000.000.000 |
| Cán trừ với thuế phải nộp từ chuyển nhượng dự án | (13.900.230.000) |
| <hr/> | |
| Khoản tiền thu được | (23.066.457) |
| <hr/> | |
| Khoản tiền thanh toán thuần | 71.076.703.543 |

(*) Theo Chứng thư Thẩm định giá số 93/2016/CT.DVĐG-AASC.TĐG được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC gửi tới Tổng Công ty, giá trị tiềm năng phát triển khu đất thuê trả tiền hàng năm 3.050 m² của Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội tại 25 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội là 91.019.000.000 VND.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 25.447.373.953 | 36.555.147.006 |
| Tiền gửi ngân hàng (*) | 1.133.522.558.552 | 791.869.557.621 |
| Tiền đang chuyển | - | 92.725.219.643 |
| Các khoản tương đương tiền (**) | 443.988.758.172 | 591.415.733.353 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.602.958.690.677 | 1.512.565.657.623 |

(*) Trong các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 437 tỷ VND (1/1/2016: 121 tỷ VND) tại Tổng Công ty là tiền đặt cọc nhận được, không sẵn sàng để sử dụng cho đến khi Tổng Công ty thực hiện xong nghĩa vụ chuyển nhượng cổ phần tại một công ty liên kết.

(**) Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 121 tỷ VND (1/1/2016: Không) tại các công ty con của Tổng Công ty đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27(a)) và 1 tỷ VND (1/1/2016: Không) tại các công ty con của Tổng Công ty không sẵn sàng để sử dụng do được dùng làm bảo lãnh thực hiện hợp đồng xây dựng công trình.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 1.378.545.625.119 | 1.378.545.625.119 | 522.251.836.216 | 522.251.836.216 |
| ▪ Khoản đầu tư khác | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | - |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 1.385.545.625.119 | 1.385.545.625.119 | 522.251.836.216 | 522.251.836.216 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | 140.200.000.000 | (**) 230.000.000.000 | (**) 230.000.000.000 | (**) |

(*) Trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 178 tỷ VND (1/1/2016: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các Công ty con (Thuyết minh 27(a)).

(**) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Trong năm, Tổng Công ty có phát sinh một số giao dịch mua và chuyển nhượng vốn các công ty liên kết như sau:

- Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty mua thêm 761.800 cổ phần tại Công ty Cổ phần Ông sọt Thủy tinh Vinaconex từ Công ty Cổ phần Vinaconex 6, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và các cổ đông cá nhân, làm tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty từ 10,36% lên 35,39%;
- Ngày 13 tháng 5 năm 2016, Tổng Công ty mua thêm 1.679.721 cổ phần tại Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang theo tiến trình tăng vốn, không thay đổi tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty là 21%;
- Ngày 28 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 2.800.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Vinaconex 6 cho các cá nhân.

| Địa chỉ | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị ghi sổ VND |
|---|--------------------|---------------|--------------------------|---------------|--------------------|--------------------------|
| | % sở hữu trực tiếp | % quyền quyết | % sở hữu trực tiếp | % quyền quyết | | |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh | | | | | | |
| ▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 50,00 | 50,00 | - | 50,00 | 50,00 | 45.871.291.443 |
| ▪ Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei | 29,00 | 29,00 | 113.763.417.995 | 29,00 | 29,00 | 127.677.052.021 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | 29,19 | 29,19 | 176.971.339.303 | 29,19 | 29,19 | 165.800.604.058 |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex | 44,20 | 48,53 | 32.134.049.148 | 44,20 | 48,53 | 26.276.101.602 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 6 | - | - | - | 36,00 | 36,00 | 39.315.715.234 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 30,00 | 30,00 | 179.170.227.690 | 30,00 | 30,00 | 115.999.415.077 |
| ▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 30,36 | 40,48 | - | 30,36 | 40,48 | - |
| ▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel | 33,00 | 37,00 | 386.203.554.700 | 33,00 | 37,00 | 399.280.901.167 |
| ▪ Công ty Cổ phần Ông sọt Thủy tinh Vinaconex | 35,39 | 35,39 | 13.403.056.836 | 10,36 | 10,36 | 4.508.261.728 |
| ▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang | 21,00 | 21,00 | 100.842.048.732 | 21,00 | 21,00 | 87.430.493.000 |
| ▪ Công ty Cổ phần Vipaco | 21,25 | 21,25 | - | 21,25 | 21,25 | - |
| | | | 1.002.487.694.404 | | | 1.012.159.835.330 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 52.761.753.930 | 20.725.215.756 | 52.761.753.930 | 26.244.040.514 |
| Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam | 40.000.000.000 | - | 40.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH VINA SANWA | 25.005.670.788 | 3.615.514.568 | 25.005.670.788 | 6.113.583.142 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội | 17.663.275.000 | - | 17.663.275.000 | - |
| Quý Đầu tư Phát triển Việt Nam | 10.080.000.000 | - | 28.800.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng | 14.500.000.000 | 14.500.000.000 | 14.500.000.000 | 14.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc | - | - | 12.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15 | - | - | 6.498.369.125 | 6.498.369.125 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi | 4.978.080.000 | - | 4.978.080.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung | 3.450.000.000 | - | 3.450.000.000 | - |
| Các đơn vị khác | 47.018.387.485 | 11.248.995.193 | 58.719.520.327 | 13.091.520.980 |
| | 239.457.167.203 | 50.089.725.517 | 288.876.669.170 | 66.447.513.761 |

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 773.916.885.979 | 775.363.392.172 |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam | 383.997.292.100 | 32.034.146.617 |
| Ban Quản lý Dự án Thăng Long | 124.289.731.889 | 227.437.934.106 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng IDG Việt Nam | 109.544.369.000 | - |
| Tổ hợp nhà thầu JGSC | 97.896.173.659 | 56.367.152.754 |
| Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội | 88.529.271.639 | 88.529.271.639 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sunshine Việt Nam | 80.415.658.000 | - |
| Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei | 77.734.550.323 | 29.942.239.997 |
| Công ty Cổ phần ADG Holding | 60.658.371.800 | - |
| Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát điện 1 | 55.203.439.880 | 60.222.858.595 |
| Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | 45.872.754.097 | 54.708.215.200 |
| Ban quản lý dự án 2 | 42.885.061.798 | 60.027.231.678 |
| Ban quản lý dự án xây dựng thành phố Đà Nẵng | 40.835.028.400 | 52.147.626.000 |
| Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình | 39.378.960.197 | 36.461.244.610 |
| Công ty Nước sạch Viwaseen | 35.132.045.200 | 21.191.285.500 |
| Văn phòng Đại diện Ngân hàng Công thương tại Đà Nẵng | 32.694.664.802 | 51.571.888.802 |
| Công ty Cổ phần Giấy An Hòa | 34.651.568.390 | 49.594.536.477 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5 | - | 82.481.323.217 |
| Các khách hàng khác | 1.894.272.994.946 | 1.870.426.592.835 |
| | 4.017.908.822.099 | 3.548.506.940.199 |

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|----------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 4.016.694.540.640 | 3.547.200.505.820 |
| Dài hạn | 1.214.281.459 | 1.306.434.379 |
| | 4.017.908.822.099 | 3.548.506.940.199 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | 773.916.885.979 | 775.363.392.172 |
| Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei | 77.734.550.323 | 29.942.239.997 |
| Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | 45.872.754.097 | 54.708.215.200 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 6.832.070.859 | 8.241.798.209 |
| Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex | 614.746.251 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | 79.986.762 | 685.592 |
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex | - | 8.460.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | - | 13.801.227 |
| | 905.050.994.271 | 868.278.592.397 |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 | 6.883.959.648 | 8.183.959.648 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí | 28.034.713.098 | - |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex | 5.057.768.353 | 5.057.768.353 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45 | 4.405.333.041 | 4.405.333.041 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng | 3.568.358.055 | 8.372.107.689 |
| Công ty Vikowa Liên doanh | 2.244.393.380 | 2.244.393.380 |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai | - | 6.477.529.000 |
| Cho các bên khác vay | 44.450.456.971 | 97.269.448.921 |
| | 94.644.982.546 | 132.010.540.032 |
| Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 313.640.905.056 | 135.529.737.682 |
| | 408.285.887.602 | 267.540.277.714 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

| | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-----------------------------|----------------|-------------------|-------------------|
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cầm Phả | 1,5% | 2021 | 1.960.119.765.440 | 1.967.329.537.474 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex | LIBOR USD 6 tháng + 0,7% | 2019 | 118.629.342.595 | 156.292.767.404 |
| | | | 2.078.749.108.035 | 2.123.622.304.878 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | (313.640.905.056) | (135.529.737.682) |
| | | | 1.765.108.202.979 | 1.988.092.567.196 |

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tạm ứng các tổ đội thi công (*) | 342.019.838.324 | 274.366.308.702 |
| Phải thu về lãi vay | 84.701.814.488 | 52.974.598.349 |
| Tạm ứng cho người lao động | 38.941.374.370 | 58.291.063.419 |
| Phải thu về cổ tức | 6.145.500.000 | 27.728.400.570 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 229.484.045.830 | 770.112.864.117 |
| | 701.292.573.012 | 1.183.473.235.157 |

(*) Tạm ứng các tổ đội thi công là các khoản ứng trước cho các chủ nhiệm công trình dựa trên hợp đồng giao khoán giữa chủ nhiệm công trình và Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|-----------------------|-------------------|-----------------|
| Ký quỹ dài hạn | 2.925.160.504 | 967.964.082 |
| Phải thu dài hạn khác | 6.553.320.000 | - |
| | 9.478.480.504 | 967.964.082 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 31/12/2016 | | | 1/1/2016 | | | | |
|---|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công ty cổ phần Vinaconex 45 | Trên 3 năm | 10.735.093.440 | 10.706.315.560 | 28.777.880 | Trên 3 năm | 10.706.315.560 | 10.706.315.560 | - |
| Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Kinh Doanh Khoáng Sản | | | | | | | | |
| Vinaconex | Trên 3 năm | 8.063.337.553 | 8.063.337.553 | - | Trên 3 năm | 8.063.337.553 | 8.063.337.553 | - |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 34 | Trên 3 năm | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | Trên 3 năm | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - |
| Công ty Vikowa Liên Doanh | Trên 3 năm | 6.870.498.520 | 6.870.498.520 | - | Trên 3 năm | 6.870.498.520 | 6.870.498.520 | - |
| Công ty TNHH Thăng Long | Trên 1 năm | 11.130.521.497 | 5.565.260.749 | 5.565.260.748 | Dưới 6 tháng | 11.630.521.497 | - | 11.630.521.497 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11 | Trên 1 năm | 5.609.047.895 | 5.041.798.295 | 567.249.600 | Trên 1 năm | 8.041.798.295 | 6.853.795.004 | 1.188.003.291 |
| Tạm ứng cho các đội xây dựng - Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | Trên 3 năm | 6.554.427.848 | 6.554.427.848 | - | Trên 3 năm | 6.554.427.848 | 6.554.427.848 | - |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV | | | | | | | | |
| Dệt Minh Khai | Trên 3 năm | 3.985.795.712 | 3.985.795.712 | - | Trên 3 năm | 14.435.000.000 | 14.435.000.000 | - |
| Công ty Thủy điện Bản Chất | Dưới 3 năm | 8.733.682.192 | 4.785.549.456 | 3.948.132.736 | Dưới 3 năm | 8.733.682.192 | 4.785.549.456 | 3.948.132.736 |
| Công ty Cổ phần Consevco 6 | Trên 1 năm | 11.051.176.023 | 5.525.588.012 | 5.525.588.011 | Trên 1 năm | 11.621.176.023 | 3.486.352.807 | 8.134.823.216 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn | | | | | | | | |
| Nam Cường Hà Nội | Trên 3 năm | 4.260.171.975 | 4.260.171.975 | - | Trên 3 năm | 4.260.171.975 | 4.260.171.975 | - |
| Các khoản phải thu khác | | 362.462.032.060 | 336.549.578.202 | 25.912.453.858 | | 312.375.641.650 | 281.030.411.431 | 31.345.230.219 |
| | | 446.455.784.715 | 404.908.321.882 | 41.547.462.833 | | 410.292.571.113 | 354.045.860.154 | 56.246.710.959 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn
 403.925.261.606
 Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn
 983.060.276

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng căn trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|--|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 5.062.914.037 | - | 2.164.749.558 | - |
| Nguyên vật liệu | 118.942.208.202 | 3.493.277.233 | 68.042.732.241 | 3.493.277.233 |
| Công cụ và dụng cụ | 49.308.876.393 | - | 26.366.226.660 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 3.889.272.066.366 | 22.215.138.501 | 2.657.873.555.865 | 19.449.061.552 |
| Thành phẩm | 26.786.703.669 | 957.535.357 | 27.230.717.316 | 372.642.689 |
| Hàng hóa | 3.338.234.228 | 625.034.141 | 2.915.541.433 | 625.034.141 |
| Hàng gửi đi bán | 375.179.166 | - | 221.541.048 | - |
| | 4.093.086.182.061 | 27.290.985.232 | 2.784.815.064.121 | 23.940.015.615 |

Trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 494 tỷ VND (1/1/2016: 873 tỷ VND) tại các công ty con của Tổng Công ty được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Dự án Chung cư CT4 | 546.701.237.880 | 243.902.523.808 |
| Dự án Kim Văn - Kim Lũ | 493.713.805.967 | 311.506.113.206 |
| Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ | 457.594.130.256 | 193.686.536.601 |
| Dự án 136 Hồ Tùng Mậu | 195.286.927.242 | - |
| Dự án Đầu tư Khu đô thị mới Nghi Phú | 116.557.583.924 | 134.638.827.770 |
| Công trình tòa nhà B36 Kim Văn – Kim Lũ | 111.375.432.972 | 140.385.800 |
| Dự án Bảo tàng Hà Nội | 88.834.798.236 | 80.345.134.224 |
| Công trình tòa án nhân dân TP HCM | 75.271.656.832 | - |
| Khu Công nghệ cao Hòa Lạc | 57.665.350.901 | 96.202.910.539 |
| Dự án Quang Minh | 53.544.461.485 | 48.084.716.225 |
| Dự án DSK | 46.797.245.006 | 57.227.205.268 |
| Dự án mỏ đá Xuân Hòa | 41.180.579.870 | 39.111.318.876 |
| Dự án Trảng An Complex | 41.095.010.058 | 18.881.360.763 |
| Nhà máy xi măng Xuân Thành | 37.666.811.902 | - |
| Dự án đường sắt Đô thị Hà Nội | 36.149.484.661 | 33.923.948.111 |
| Dự án 97-99 Láng Hạ | 27.789.488.236 | 1.327.790.597 |
| Công trình ký túc xá ĐHQG TP HCM | 27.737.583.128 | 12.209.683.950 |
| Dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi | 27.392.384.344 | 7.569.225.147 |
| Khu đô thị thành phố giao lưu | 16.496.562.525 | 84.654.106.533 |
| Các dự án khác | 1.390.421.530.941 | 1.294.461.768.447 |
| | 3.889.272.066.366 | 2.657.873.555.865 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Dụng cụ văn phòng VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 3.188.971.423.561 | 17.891.685.271 | 1.480.224.381.479 | 629.560.111.458 | 24.604.978.934 | 5.341.252.580.703 |
| Tăng trong năm | 25.452.389.414 | 1.085.672.015 | 43.105.936.041 | 35.814.103.407 | 4.007.291.818 | 109.465.392.695 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 45.666.021.566 | 133.302.727 | 9.793.467.422 | 67.974.113.262 | - | 123.566.904.977 |
| Tăng do mua công ty con | 3.150.004.486 | 130.922.656 | 5.245.304.448 | - | - | 8.526.231.590 |
| Thanh lý | (73.868.307.977) | - | (69.148.620.076) | (19.820.461.074) | (510.906.192) | (163.348.295.319) |
| Góp vốn đầu tư bằng tài sản (Thuyết minh 7(a)) | (5.968.951.350) | - | (8.475.584.588) | - | - | (14.444.535.938) |
| Giảm khác | (3.150.004.486) | (428.437.128) | (1.059.140.478) | (1.684.202.182) | (205.556.151) | (6.527.340.425) |
| Phân loại lại | (26.272.187.586) | 1.395.274.751 | 27.664.802.135 | (283.357.162) | (2.504.532.138) | - |
| Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn | - | - | (4.817.095.238) | - | - | (4.817.095.238) |

Số dư cuối năm 3.153.980.387.628 20.208.420.292 1.482.533.451.145 711.560.307.709 25.391.276.271 5.393.673.843.045

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Dụng cụ văn phòng VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 791.190.360.297 | 14.091.201.041 | 762.108.730.859 | 407.603.671.101 | 19.887.529.698 | 1.994.881.492.996 |
| Khấu hao trong năm | 143.073.329.959 | 2.200.441.626 | 74.608.857.068 | 41.219.178.711 | 1.097.720.452 | 262.199.527.816 |
| Tăng do mua công ty con | 3.150.004.486 | 130.922.656 | 5.245.304.448 | - | - | 8.526.231.590 |
| Thanh lý | (18.293.713.463) | - | (57.438.213.047) | (19.820.461.074) | (389.751.021) | (95.942.138.605) |
| Góp vốn đầu tư bằng tài sản (Thuyết minh 7(a)) | (5.968.951.350) | - | (8.266.778.522) | - | - | (14.235.729.872) |
| Giảm khác | (3.150.004.486) | (332.829.155) | (721.499.939) | (935.693.656) | (205.556.151) | (5.345.583.387) |
| Phân loại lại | 8.065.422.164 | 1.264.454.507 | (6.895.529.417) | (525.519.446) | (1.908.827.808) | - |
| Phân loại lại sang chi phí trả trước đài hạn | - | - | (3.399.456.015) | - | - | (3.399.456.015) |
| Số dư cuối năm | 918.066.447.607 | 17.354.190.675 | 765.241.415.435 | 427.541.175.636 | 18.481.115.170 | 2.146.684.344.523 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.397.781.063.264 | 3.800.484.230 | 718.115.650.620 | 221.956.440.357 | 4.717.449.236 | 3.346.371.087.707 |
| Số dư cuối năm | 2.235.913.940.021 | 2.854.229.617 | 717.292.035.710 | 284.019.132.073 | 6.910.161.101 | 3.246.989.498.522 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 908 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 690 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.840 tỷ VND (1/1/2016: 3.150 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|---|--|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.393.958.725 | 5.137.950.387 | 75.356.246.568 | 82.888.155.680 |
| Phân loại lại | - | 31.018.293 | (31.018.293) | - |
| Số dư cuối năm | 2.393.958.725 | 5.168.968.680 | 75.325.228.275 | 82.888.155.680 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.875.360.103 | 3.708.469.940 | 43.305.430.538 | 48.889.260.581 |
| Khấu hao trong năm | 103.087.344 | 306.320.407 | 1.951.550.316 | 2.360.958.067 |
| Số dư cuối năm | 1.978.447.447 | 4.014.790.347 | 45.256.980.854 | 51.250.218.648 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 518.598.622 | 1.429.480.447 | 32.050.816.030 | 33.998.895.099 |
| Số dư cuối năm | 415.511.278 | 1.154.178.333 | 30.068.247.421 | 31.637.937.032 |

Các công ty con của Tổng Công ty thuê một số tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, các công ty con này có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 27(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Khác (*) VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------------------------|---|-------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 58.781.162.867 | 2.837.717.134 | - | 61.618.880.001 |
| Tăng trong năm | 2.767.753.000 | 90.140.000 | - | 2.857.893.000 |
| Tăng do mua công ty con | 2.600.173.800 | 510.551.216 | 91.019.000.000 | 94.129.725.016 |
| Thanh lý | (20.588.740.767) | - | - | (20.588.740.767) |
| Phân loại lại sang bất động sản đầu tư | (6.643.040.051) | - | - | (6.643.040.051) |
| Số dư cuối năm | 36.917.308.849 | 3.438.408.350 | 91.019.000.000 | 131.374.717.199 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.428.009.463 | 2.352.242.229 | - | 5.780.251.692 |
| Khấu hao trong năm | 1.667.227.681 | 480.043.633 | 1.516.983.333 | 3.664.254.647 |
| Tăng do mua công ty con | 2.600.173.800 | 510.551.216 | - | 3.110.725.016 |
| Thanh lý | (1.267.889.530) | - | - | (1.267.889.530) |
| Phân loại lại sang bất động sản đầu tư | (108.310.436) | - | - | (108.310.436) |
| Số dư cuối năm | 6.319.210.978 | 3.342.837.078 | 1.516.983.333 | 11.179.031.389 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 55.353.153.404 | 485.474.905 | - | 55.838.628.309 |
| Số dư cuối năm | 30.598.097.871 | 95.571.272 | 89.502.016.667 | 120.195.685.810 |

(*) Đây là giá trị tiềm năng phát triển khu đất thuê trả tiền hàng năm 3.050 m² của Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội tại 25 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Thuyết minh 5). Giá trị này được khấu hao trong 10 năm, tương ứng với thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 5 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 2 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định vô hình tại các công ty con có giá trị còn lại là 11 tỷ VND (1/1/2016: 11 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con này.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất VND | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------------------------|---|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.627.543.200 | 1.045.891.825.396 | 485.126.003.069 | 1.540.645.371.665 |
| Tăng trong năm | - | 155.667.597 | - | 155.667.597 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 14.886.233.831 | 663.735.434.064 | 678.621.667.895 |
| Chuyển từ tài sản cố định vô hình | 6.643.040.051 | - | - | 6.643.040.051 |
| Thanh lý | - | - | (32.891.792.747) | (32.891.792.747) |
| Số dư cuối năm | 16.270.583.251 | 1.060.933.726.824 | 1.115.969.644.386 | 2.193.173.954.461 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.439.166.069 | 294.832.549.564 | 76.616.558.990 | 374.888.274.623 |
| Khấu hao trong năm | 529.515.642 | 41.242.801.884 | 21.302.195.729 | 63.074.513.255 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 2.051.963.492 | - | 2.051.963.492 |
| Chuyển từ tài sản cố định vô hình | 108.310.436 | - | - | 108.310.436 |
| Ảnh hưởng của việc ghi nhận doanh thu một lần theo Thông tư 200 | - | 45.557.916.753 | 5.488.124.123 | 51.046.040.876 |
| Thanh lý | - | - | (5.577.415.522) | (5.577.415.522) |
| Số dư cuối năm | 4.076.992.147 | 383.685.231.693 | 97.829.463.320 | 485.591.687.160 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 6.188.377.131 | 751.059.275.832 | 408.509.444.079 | 1.165.757.097.042 |
| Số dư cuối năm | 12.193.591.104 | 677.248.495.131 | 1.018.140.181.066 | 1.707.582.267.301 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 119 tỷ VND (1/1/2016: 177 tỷ VND) tại các công ty con của Tổng Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay các công ty con này (Thuyết minh 27).

Trong năm, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 (VC9) đã lựa chọn ghi nhận một lần doanh thu cho thuê bất động sản theo quy định tại Thông tư 200. Theo đó, giá vốn và khấu hao lũy kế được ghi nhận tương ứng bằng đúng với giá trị còn lại của bất động sản cho thuê liên quan trị giá 51 tỷ VND. Ngoài ra, VC9 đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số máy móc thiết bị từ 10 năm sang 15 – 30 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao trong năm là đã làm chi phí khấu hao giảm 4 tỷ VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

| | Giá gốc và giá trị có thể thu hồi | |
|-----------------------------------|--|------------------------|
| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
| | VND | VND |
| Dự án Khu đô thị Cái Giá - Cát Bà | 556.373.123.302 | 553.489.250.484 |
| Công trình dự án Minh Khai | 169.324.986.713 | - |
| Dự án Chung cư 15 tầng | 43.231.717.990 | - |
| Khác | 20.930.445.285 | 10.121.277.172 |
| | 789.860.273.290 | 563.610.527.656 |

Thời gian hoàn thành dự kiến của các công trình là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn lớn như sau:

| | Thời gian hoàn thành dự kiến |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| Dự án Khu đô thị Cái Giá - Cát Bà | Năm 2022 |
| Công trình dự án Minh Khai | Năm 2018 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn có giá trị còn lại là 556 tỷ VND (1/1/2016: 554 tỷ VND) của các công ty con của Tổng Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.388.957.828.115 | 3.174.919.093.576 |
| Tăng trong năm | 350.716.268.060 | 288.951.556.157 |
| Tăng do mua công ty con | - | 14.207.208.998 |
| Chuyển nhượng dự án | (79.561.592.392) | - |
| Giảm trong năm | - | (2.309.677.644) |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | - | 7.596.295.065 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (123.566.904.977) | (2.003.387.888.413) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (13.361.643.735) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư cho thuê | (676.569.704.403) | (88.383.737.890) |
| Giảm khác | (10.951.772.360) | (6.451.386.737) |
| Phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn | 55.026.211.659 | 17.178.008.738 |
| Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | (66.939.674.279) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 837.110.659.423 | 1.388.957.828.115 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ | 233.185.008.038 | 863.641.994.530 |
| Dự án Khu đô thị du lịch Cát Giá, Cát Bà (*) | 237.886.297.594 | 222.667.350.133 |
| Tòa C36 Dự án Kim Văn Kim Lũ | 88.627.761.875 | 56.232.501.446 |
| Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông | 69.041.954.539 | 14.483.469.604 |
| Dự án công nghệ cao Hòa Lạc | 60.127.691.945 | - |
| Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội - giai đoạn 2 | 26.834.114.731 | 26.834.114.731 |
| Nhà ở CBCNV trạm nghiên Xi măng Cẩm Phả | 17.024.294.754 | 17.024.294.754 |
| Dự án 93 Láng Hạ | 16.966.714.762 | - |
| Dự án tuyến ống gang và đồng hồ điện tử dọc quốc lộ 70 | 14.030.019.160 | - |
| Lắp đặt bơm tăng áp cục bộ tại địa bàn các Khối ghi thu | 10.806.332.018 | - |
| Hệ thống cấp nước 4 xã Xuân Phương, Đại Mỗ, Tây Mỗ, Trung Văn | 10.113.237.457 | - |
| Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý | - | 74.122.885.078 |
| Khu công nghiệp Bắc Phú Cát | - | 74.091.375.846 |
| Tòa D36 Dự án Kim Văn Kim Lũ | - | 26.094.350.669 |
| Các công trình khác | 52.467.232.550 | 13.765.491.324 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 837.110.659.423 | 1.388.957.828.115 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Tài sản hình thành từ công trình này được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của một số công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 27(a)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2 tỷ VND (2015: 15 tỷ VND).

19. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí thuế tài sản trả trước VND | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí khác VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 38.979.432.092 | 64.808.937.358 | 45.846.999.049 | 149.635.368.499 |
| Tăng trong năm | 42.202.976.435 | 144.223.145.566 | 37.804.307.919 | 224.230.429.920 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | 1.417.639.223 | - | 1.417.639.223 |
| Phân bổ trong năm | (45.604.465.776) | (89.335.497.102) | (31.641.265.073) | (166.581.227.951) |
| Số dư cuối năm | 35.577.942.751 | 121.114.225.045 | 52.010.041.895 | 208.702.209.691 |

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: | | |
| Dự phòng các khoản phải thu | 2.122.359.732 | 2.122.359.732 |
| Hàng tồn kho | 1.904.407.607 | 1.331.102.833 |
| Tài sản cố định | 30.239.416.744 | 38.571.729.310 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 6.366.089.214 | 6.366.089.214 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 7.573.021.600 | 8.173.237.600 |
| Chi phí phải trả | 1.776.847.775 | 2.178.139.325 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 27.530.363.389 | 27.007.901.773 |
| Lỗi mang sang | 155.910.861 | 556.770.168 |
| Các khoản khác | 71.151.483 | 71.151.483 |
| Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 77.739.568.405 | 86.378.481.438 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: | | |
| Tài sản cố định | (270.703.987) | (302.287.879) |
| Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (270.703.987) | (302.287.879) |
| | 77.468.864.418 | 86.076.193.559 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Lợi thế thương mại

| | VND |
|-------------------------------|----------------|
| Giá gốc | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 64.600.188.245 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 3.255.072.790 |
| Khấu hao trong năm | 6.460.018.825 |
| Số dư cuối năm | 9.715.091.615 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 61.345.115.455 |
| Số dư cuối năm | 54.885.096.630 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|----------------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Công ty Cổ phần Việt Vương | 240.833.180.517 | - |
| Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex – Taisei | 198.477.896.398 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex | 101.426.674.535 | 128.859.123.723 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 | 87.892.255.426 | 56.053.143.274 |
| Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO | 62.811.378.102 | 66.541.652.747 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma | 45.691.068.038 | 39.711.318.007 |
| Công ty Cổ phần ADG Holding | 53.729.098.820 | 2.518.506.560 |
| Công ty TNHH Trường Hải | 40.825.061.788 | 44.438.561.488 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam | 38.389.058.146 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Vật tư Xây dựng M.E.I | 36.367.316.988 | 64.848.056.987 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11 | 35.989.081.851 | 46.314.358.765 |
| Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm | 32.387.942.249 | 1.071.489.584 |
| Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 | 29.701.565.345 | 30.142.669.080 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vĩnh An | 30.142.595.658 | 30.142.595.658 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà – Việt Đức | 21.848.562.637 | - |
| Công ty TNHH Tân Tiến | 20.918.185.000 | 9.808.885.000 |
| Các nhà thầu khác | 1.797.745.446.469 | 1.918.822.254.357 |
| | 2.875.176.367.967 | 2.439.272.615.230 |

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|----------|----------------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Ngắn hạn | 2.874.894.409.967 | 2.438.990.657.230 |
| Dài hạn | 281.958.000 | 281.958.000 |
| | 2.875.176.367.967 | 2.439.272.615.230 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|----------------------------------|-----------------|
| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
| Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex – Taisei | 198.477.896.398 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11 | 35.989.081.851 | 46.314.358.765 |
| Công ty Cổ phần Vipaco | 461.235.081 | 1.489.704.609 |
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex | 293.624.008 | 1.775.288.094 |
| Công ty Cổ phần Vinaconex 6 | - | 31.704.010.067 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả | - | 12.418.499.980 |
| Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex | - | 286.983.633 |
| | 235.221.837.338 | 93.988.845.148 |

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Số đã nộp trong năm VND | Số đã được hoàn lại/bù trừ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|-------------------------------|-----------------|-------------------------------|---|-------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 18.106.412.455 | 16.522.573.570 | 492.031.149 | 34.136.954.876 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 59.507.459 | 100.326.452 | 56.607.459 | 103.226.452 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | 280.774.197 | 4.390.296.704 | 4.671.070.901 | - |
| Thuế khác | 14.696.185.677 | 1.400.193.990 | 763.680.785 | 15.332.698.882 |
| | 33.142.879.788 | 22.413.390.716 | 5.983.390.294 | 49.572.880.210 |

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2016 VND | Tăng do mua công ty con VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|-------------------------------|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 83.470.424.024 | 22.376.086 | 963.924.775.101 | 962.160.649.669 | 85.256.925.542 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 49.942.936.338 | 1.180.218 | 107.176.351.747 | 110.180.111.352 | 46.940.356.951 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.897.239.314 | 3.820.538 | 21.268.520.710 | 26.516.432.308 | 7.653.148.254 |
| Thuế tài nguyên | 5.364.901.215 | - | 38.576.629.085 | 39.598.442.271 | 4.343.088.029 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | 21.155.582.120 | - | 9.333.766.032 | 30.215.749.735 | 273.598.417 |
| Thuế khác | 249.645.315.649 | - | 66.458.494.664 | 162.851.424.922 | 153.252.385.391 |
| | 422.476.398.660 | 27.376.842 | 1.206.738.537.339 | 1.331.522.810.257 | 297.719.502.584 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh | 906.290.735.512 | 691.129.167.061 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 66.429.295.717 | 2.312.698.376 |
| Trích trước chi phí xây lắp | 37.132.141.040 | - |
| Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung | 33.990.384.261 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 88.219.592.731 | 410.347.542.321 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.132.062.149.261 | 1.103.789.407.758 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Chi phí phải trả dài hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả | 66.996.104.523 | 55.872.832.014 |
| Các chi phí phải trả dài hạn khác | 23.459.126.357 | 22.439.141.091 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 90.455.230.880 | 78.311.973.105 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu nhận trước | 150.858.271.609 | 18.406.415.683 |
| Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | 54.475.006.070 | 166.167.189.128 |
| | 205.333.277.679 | 184.573.604.811 |

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu nhận trước | 1.434.102.778.629 | 1.132.444.703.622 |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | (54.475.006.070) | (166.167.189.128) |
| | 1.379.627.772.559 | 966.277.514.494 |

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền thuê đất và văn phòng trả trước mà Tổng Công ty và các công ty con nhận trước từ các bên đi thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ tức phải trả | 47.622.148.026 | 2.308.418.541 |
| Phải trả các tổ đội thi công chi phí thi công công trình | 350.961.020.672 | 188.959.561.083 |
| Phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH | 141.786.729.072 | 737.934.729.072 |
| Kinh phí bảo trì các tòa nhà (*) | 149.772.203.494 | 114.688.207.994 |
| Tiền sử dụng đất dự án Kim Văn phải trả Nhà nước | 414.406.489.166 | - |
| Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T | 25.427.427.421 | 25.427.427.421 |
| Phải trả huy động vốn thực hiện dự án 97 – 99 Láng Hạ | 26.000.000.000 | - |
| Đặt cọc | 13.795.749.319 | 15.069.295.840 |
| Lãi vay phải trả | 5.434.590.153 | 1.679.133.331 |
| Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2 | - | 14.929.682.289 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 283.830.041.563 | 507.608.297.308 |
| | 1.459.036.398.886 | 1.608.604.752.879 |

(*) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải trả cho Ban Quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.737.682.750 | 1.460.032.000 |
| Nhận đặt cọc mua tài sản | - | 142.083.450 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 21.000.000 | 11.428.566.032 |
| | 1.758.682.750 | 13.030.681.482 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 1/1/2016 | | Biến động trong năm | | 31/12/2016 | |
|---|---|--|---------------------|---------------------|---|--|
| | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | |
| Vay ngắn hạn | 1.844.987.736.171 | | 4.868.161.794.304 | (4.582.417.737.297) | 2.130.731.793.178 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 27(b)) | 401.159.112.056 | | 355.557.449.807 | (440.783.382.119) | 315.933.179.744 | |
| | 2.246.146.848.227 | | 5.223.719.244.111 | (5.023.201.119.416) | 2.446.664.972.922 | |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|--|-----------|--------------|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | 6,5% - 9,5% | 691.301.725.527 | 468.890.313.168 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 6% - 9,5% | 984.286.712.644 | 971.887.078.702 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | 7% - 7,8% | 69.624.882.783 | 60.354.097.407 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | VND | 5,5% - 18% | 143.284.115.476 | 125.844.915.690 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bắc Ninh | VND | 8% | - | 73.500.000.000 |
| Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn | VND | 5,9% - 8,5% | 93.321.032.251 | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần VINACONEX - VIETTEL | VND | Thả nổi | 60.391.176.010 | - |
| Ngân hàng TMCP An Bình | VND | 8,5% | 20.137.708.467 | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội | VND | 7,1% - 9,3% | 12.899.349.657 | - |
| Vay ngắn hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác | VND | 4,2% - 18% | 7.984.664.850 | - |
| Vay cá nhân | VND | 0% - 10% | 47.500.425.513 | 144.511.331.204 |
| | | | 2.130.731.793.178 | 1.844.987.736.171 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 726 tỷ VND (1/1/2016: 188 tỷ VND) của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 6, 7(a), 15 và 16).

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn (i) | 2.278.042.214.334 | 2.435.577.553.218 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn (ii) | 31.612.605.166 | 36.928.588.831 |
| | <hr/> 2.309.654.819.500 | <hr/> 2.472.506.142.049 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (315.933.179.744) | (401.159.112.056) |
| | <hr/> 1.993.721.639.756 | <hr/> 2.071.347.029.993 |

Các công ty con của Tổng Công ty thuê một số tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, các công ty con này có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|---|-----------|------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch | VND | 11% | 2020 | 1.075.751.972.373 | 1.041.081.517.582 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai | VND | 6,9% - 11,4% | 2020 | 346.854.095.000 | 400.581.095.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I | VND | 6,6% - 8,4% | 2020 | 185.752.837.000 | 260.632.837.000 |
| Ngân hàng BNP Paribas (*) | USD | LIBOR 6 tháng + 1,85% | 2010 - 2020 | 118.629.342.595 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy | VND | Lãi suất 12 tháng + 3% | 2018 | 116.961.290.961 | 68.000.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch | VND | 9% | 2015 - 2022 | 99.589.246.024 | 92.003.927.081 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ | VND | 7% | 2033 | 55.149.363.127 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành | VND | 7,9% - 11,2% | 2014 - 2020 | 49.301.701.150 | 52.257.319.750 |
| Ngân hàng Natexis (*) | USD | LIBOR + 2,35% | 2007 - 2017 | 46.455.073.709 | 76.505.019.719 |
| Kho bạc Nhà nước Hà Nội | VND | 0% | | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel | VND | Thả nổi | 2017 | 36.310.428.697 | 100.221.785.390 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | VND | LIBOR + 2,6% | 2016 - 2019 | 35.303.313.442 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long | VND | 8,5% - 12% | 2013 - 2019 | 16.928.509.722 | 3.288.500.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây | VND | 9% - 11,5% | 2015 - 2020 | 16.308.606.000 | 13.655.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | VND | Thả nổi | 2020 | 8.778.311.000 | 16.563.961.876 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội | VND | Thả nổi | 2016 | 1.073.858.750 | 101.923.858.800 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn | VND | 10% - 11,5% | | - | 65.912.319.750 |
| Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc (*) | USD | 3,78% | | - | 59.572.622.659 |
| Vay dài hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác | VND | 4% - 14% | | 26.894.264.784 | 41.377.788.611 |
| | | | | 2.278.042.214.334 | 2.435.577.553.218 |
| | | | | (315.933.179.744) | (401.159.112.056) |
| | | | | 1.962.109.034.590 | 2.034.418.441.162 |

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Natexis và Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc được bảo lãnh bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

Các khoản vay khác từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.831 tỷ VND (1/1/2016: 5.662 tỷ VND) của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12, 13, 17 và 18).

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Thể hiện khoản nợ thuê tài chính Hệ thống cấp nước phía Tây Nam, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (“Viwaco”) với Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội. Viwaco không phải trả khoản vay này theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và thực hiện ghi giảm khoản vay dài hạn tương ứng với chi phí khấu hao liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính này theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

| | 31/12/2016 VND | 1/1/2016 VND |
|-------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Nợ thuê tài chính | 31.612.605.166 | 36.928.588.831 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản dự phòng

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|-------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng bảo hành | 29.597.471.905 | 7.441.321.595 |

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

| | Bảo hành |
|----------------------------|-----------------|
| | VND |
| Số dư đầu năm | 211.971.541.847 |
| Lập dự phòng trong kỳ | 109.000.348 |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (3.226.388.149) |
| Số dư cuối năm | 208.854.154.046 |

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành cho các Dự án N05, Dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, Dự án Chung cư 57 Vũ Trọng Phụng được Tổng Công ty và các công ty con trích lập theo yêu cầu của Luật Nhà ở năm 2006.

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|---------------------|-------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 20.678.126.445 | 23.021.624.121 |
| Trích lập trong năm | 48.669.298.180 | 43.346.934.655 |
| Sử dụng trong năm | (52.665.159.715) | (45.690.432.331) |
| Số dư cuối năm | 16.682.264.910 | 20.678.126.445 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Nguồn kinh phí VND | Tổng cộng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|---|------------------------------------|---|-----------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2015 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 7.592.571.842 | 6.676.140.566 | 550.980.649.649 | 3.292.438.726 | 211.281.924.640 | 1.465.236.750.035 | 253.318.834.612 | 7.270.590.942.070 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | 390.574.348.294 | 133.053.327.476 | - | 523.627.675.770 |
| Chi lương thành viên HĐQT, | - | - | - | - | - | - | (1.071.000.000) | - | - | (1.071.000.000) |
| BKS không chuyên trách | - | - | - | - | 6.489.918.276 | - | (6.489.918.276) | - | - | - |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | - | - | - | - | (30.985.462.373) | (12.361.472.282) | - | (43.346.934.655) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (265.026.403.800) | (48.935.593.750) | - | (313.961.997.550) |
| Có tức (Thuyết minh 32) | - | - | - | - | - | - | 59.109.684.779 | (59.109.684.779) | - | - |
| Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 202 | - | - | - | - | - | - | - | (46.904.723.667) | - | (103.166.781.466) |
| Giảm do thoái vốn tại các công ty con | - | - | (3.112.667.127) | - | (51.421.811.750) | (1.727.578.922) | - | (314.441.112) | 2.004.785.722 | (4.504.157.489) |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | - | (6.676.140.566) | 8.675.020.502 | 1.738.780.860 | (9.932.162.895) | - | - | - |
| Số dư tại ngày 1/1/2016 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 4.479.904.715 | - | 514.723.776.677 | 3.303.640.664 | 347.461.010.369 | 1.430.664.161.921 | 255.323.620.334 | 7.328.167.746.680 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | 483.557.362.972 | 203.559.865.445 | - | 687.117.228.417 |
| Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách | - | - | - | - | - | - | (3.938.584.619) | (2.567.875.381) | - | (6.506.460.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | (33.840.411.384) | (14.828.886.796) | - | (48.669.298.180) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | - | (349.592.795) | - | - | - | - | (349.592.795) |
| Có tức (Thuyết minh 32) | - | - | - | - | - | - | (309.197.471.100) | (126.236.329.563) | - | (435.433.800.663) |
| Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hội tổ ở các công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | 15.675.691.184 | - | - | 15.675.691.184 |
| Giảm khác (*) | - | - | - | - | - | (96.268.932) | - | - | (117.476.117.624) | (117.572.386.556) |
| Tăng khác (**) | - | - | 5.720.038 | - | 35.919.046 | - | 5.597.362.639 | 2.825.910.425 | 23.866.435.301 | 32.331.347.449 |
| Số dư tại ngày 31/12/2016 | 4.417.106.730.000 | 355.104.902.000 | 4.485.624.753 | - | 514.410.102.928 | 3.207.371.732 | 505.314.960.061 | 1.493.416.846.051 | 161.713.938.011 | 7.454.760.475.536 |

Tăng giảm khác của Nguồn kinh phí chi yếu thể hiện:

(*) Giá trị phần chi phí đến bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc, là dự án do Ngân sách nhà nước cấp kinh phí, đã được quyết toán và đã được phê duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(**) Thể hiện nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp để Tổng Công ty tiếp tục thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

| | 31/12/2016 và 1/1/2016 | |
|--|-------------------------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 441.710.673 | 4.417.106.730.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 441.710.673 | 4.417.106.730.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

32. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 309 tỷ VND cho năm 2015 (2015: 265 tỷ VND).

33. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 6.733.292.672 | 6.087.780.534 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 23.720.161.258 | 25.898.762.025 |
| Sau năm năm | 33.704.295.004 | 35.794.072.125 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 64.157.748.934 | 67.780.614.684 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

| | 31/12/2016 | 1/1/2016 |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 28.476.000.000 | 16.797.207.000 |
| | <hr/> | <hr/> |

(c) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2016 | | 1/1/2016 | |
|-----|-------------------|--------------------|-----------------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 13.597 | 310.803.908 | 3.695.902 | 82.973.006.637 |
| JPY | 2.951.970 | 572.652.661 | 93.655 | 17.391.733 |
| EUR | 906 | 22.687.078 | 703 | 17.182.360 |
| | | <hr/> | | <hr/> |
| | | 906.143.647 | | 83.007.580.730 |
| | | <hr/> | | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Doanh thu hoạt động xây lắp | 5.428.647.310.624 | 4.936.718.612.378 |
| ▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản | 882.751.678.417 | 942.885.869.933 |
| ▪ Doanh thu sản xuất công nghiệp | 1.013.804.328.228 | 807.952.995.368 |
| ▪ Doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1.208.578.236.328 | 1.338.876.104.675 |
| | <hr/> 8.533.781.553.597 | <hr/> 8.026.433.582.354 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Giảm giá hàng bán | (16.723.525) | (15.636.364) |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (587.133.570) | (214.111.538) |
| | <hr/> (603.857.095) | <hr/> (229.747.902) |
| | <hr/> 8.533.177.696.502 | <hr/> 8.026.203.834.452 |

36. Giá vốn hàng bán

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán của: | | |
| ▪ Hoạt động xây lắp | 5.114.284.702.882 | 4.689.738.631.738 |
| ▪ Kinh doanh bất động sản | 582.562.368.815 | 763.785.261.985 |
| ▪ Sản xuất công nghiệp | 862.804.277.856 | 456.953.344.281 |
| ▪ Cho thuê, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 553.959.700.978 | 848.852.862.844 |
| ▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 3.350.969.617 | (3.280.422.850) |
| ▪ Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 19.038.762.509 | - |
| | <hr/> 7.136.000.782.657 | <hr/> 6.756.049.677.998 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|------------------------------|------------------------------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay | 145.629.977.245 | 111.105.790.990 |
| Lãi từ thanh lý công ty liên kết | - | 8.523.206.239 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 153.700.000 | 82.466.584.091 |
| Cổ tức được chia | 721.374.000 | 42.930.198.187 |
| Lãi do thoái vốn tại các công ty con | - | 59.624.020.680 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 43.369.707.266 | 50.381.951.602 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 8.734.428.285 | 4.579.075.971 |
| | <hr/> 198.609.186.796 | <hr/> 359.610.827.760 <hr/> |

38. Chi phí tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|------------------------------|------------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 282.360.078.215 | 338.254.415.509 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (16.357.788.244) | 56.241.522.932 |
| Lỗ từ thanh lý công ty liên kết | 5.988.702 | - |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 6.298.220.340 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 18.881.285.306 | 11.765.750.875 |
| Chi phí tài chính khác | 4.646.521.014 | 13.639.496.052 |
| | <hr/> 295.834.305.333 | <hr/> 419.901.185.368 <hr/> |

39. Chi phí bán hàng

| | 2016 VND | 2015 VND |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 19.779.718.106 | 17.223.188.787 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.101.852.343 | 7.426.589.917 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.312.551.384 | 6.436.567.176 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 6.552.479.002 | 5.677.239.164 |
| Chi phí băng tiền khác | 7.286.767.071 | 4.628.994.476 |
| | <hr/> 47.033.367.906 | <hr/> 41.392.579.520 <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 263.074.439.581 | 220.211.271.228 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.491.555.758 | 27.580.869.160 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.250.333.878 | 28.254.358.412 |
| Thuế, phí và lệ phí | 6.742.475.498 | 5.894.253.150 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 6.382.300.632 | 5.329.599.386 |
| Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 50.862.461.728 | (9.210.207.715) |
| Chi phí nguyên vật liệu | 2.902.597.075 | 4.877.242.480 |
| Phân bổ lợi thế kinh doanh | 6.460.018.825 | 1.627.536.395 |
| Chi phí bằng tiền khác | 100.480.582.072 | 167.720.243.973 |
| | <hr/> | |
| | 495.646.765.047 | 452.285.166.469 |
| | <hr/> | |

41. Thu nhập khác

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lãi do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | 61.372.469.453 | 54.912.286.400 |
| Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác | 1.245.008.193 | - |
| Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc mua công ty con (Thuyết minh 5) | 6.960.297.116 | - |
| Lãi do đánh giá lại tài sản dùng góp vốn vào công ty con nắm giữ chờ thanh lý | 8.990.850.934 | - |
| Các khoản khác | 16.123.629.864 | 32.613.586.794 |
| | <hr/> | |
| | 94.692.255.560 | 87.525.873.194 |
| | <hr/> | |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Chi phí khác

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lỗi do thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | 5.940.579.949 | 35.470.964.443 |
| Các khoản phạt thuế (*) | 31.798.394.032 | - |
| Các khoản khác | 20.189.728.221 | 5.886.416.770 |
| | <hr/> 57.928.702.202 | <hr/> 41.357.381.213 |

(*) Trong năm 2016, cơ quan thuế đã làm việc với Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 (VC2) liên quan đến tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của VC2 cho các năm từ năm 2015 trở về trước, và đã yêu cầu VC2 nộp bổ sung một số tiền thuế chậm nộp liên quan đến một số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Do trong các năm trước, Chính phủ đang xin ý kiến Quốc hội miễn khoản phạt thuế chậm nộp có liên quan đến các dự án xây dựng có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Ban Tổng Giám đốc VC2 cho rằng, nghĩa vụ nộp các khoản phạt thuế chậm nộp này chỉ phát sinh trong năm 2016 theo kết quả làm việc với cơ quan thuế địa phương và việc ghi nhận đây là khoản chi phí phát sinh trong năm 2016 là hợp lý.

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 3.789.718.561.386 | 3.135.947.956.836 |
| Chi phí nhân công | 1.538.631.004.237 | 1.255.908.284.784 |
| Chi phí khấu hao | 386.444.355.419 | 422.914.019.586 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.424.892.867.711 | 2.965.524.048.381 |
| Chi phí khác | 1.096.415.258.702 | 500.246.414.503 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 76.622.472.543 | 57.157.785.235 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 30.553.879.204 | 165.824.493 |
| | 107.176.351.747 | 57.323.609.728 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 8.607.329.141 | 22.017.134.051 |
| | 115.783.680.888 | 79.340.743.779 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 802.900.909.305 | 602.968.419.549 |
| Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty | 160.580.181.861 | 132.653.052.301 |
| Ưu đãi thuế | (29.045.792.754) | (48.049.264.881) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con | (16.957.104.833) | (98.292.014) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động giáo dục | (1.567.244.690) | (2.026.390.206) |
| Thu nhập không bị tính thuế | (144.274.800) | (11.849.823.191) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 11.548.144.188 | 7.011.147.236 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | (33.855.771.915) | (42.261.330.631) |
| Ảnh hưởng của thay đổi đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | (5.328.335.373) | 34.980.350.404 |
| Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | - | 8.815.470.268 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước (*) | 30.553.879.204 | 165.824.493 |
| | 115.783.680.888 | 79.340.743.779 |

(*) Trong dự phòng thiếu trong những năm trước có 30.000.000.000 VND là dự phòng thiếu cho lãi chuyển nhượng bất động sản cho những năm trước. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản này là từ liên doanh Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam – Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Xanh sang Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Xanh, theo Quyết định thu hồi và giao đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 7 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% - 20% (2015: 10% - 22%) trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động chính và 10% (2015: 10%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động giáo dục.

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 483.557.362.972 | 390.574.348.294 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 483.557.362.972 | 390.574.348.294 |
| Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm | 441.710.673 | 441.710.673 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.095 | 884 |
| | <hr/> | <hr/> |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2016. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|-------------------------------------|-------------------|---------------|
| | 2016 VND | 2015 VND |
| Thành viên Ban Giám đốc | | |
| Tiền lương và thưởng | 5.195.717.384 | 3.785.462.118 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| Tiền lương và thưởng | 3.226.779.811 | 1.809.068.182 |

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------------|-------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn bù trừ với vay ngắn hạn | 38.742.506.485 | - |
| Phải thu về cho vay bù trừ với các khoản phải trả | 5.103.749.634 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác phân loại sang phải thu về cho vay ngắn hạn | 976.483.690 | 1.062.629.560.570 |
| Đầu tư vào công ty con bù trừ với khoản thuế phải nộp từ chuyển nhượng dự án | 13.900.230.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bù trừ với các khoản phải thu | 3.590.968.818 | - |
| Lãi cho vay được nhập vào gốc trên đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.259.379.159 | - |
| Lãi nhập gốc đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.257.208.959 | - |
| Phân loại từ hàng tồn kho sang xây dựng cơ bản dở dang | 55.026.211.659 | - |
| Phân loại từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 66.939.674.279 | - |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác chưa thu được tiền | 10.105.362.570 | - |
| Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang bằng khoản chi phí phải trả | 7.562.220.374 | - |
| Chuyển khoản vay ngắn hạn sang doanh thu chưa thực hiện – quyền sử dụng diện tích văn phòng tương ứng tại Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại chợ Mơ | 282.041.830.000 | - |
| Góp vốn vào công ty con bằng tài sản | 7.000.000.000 | - |
| Cho công ty con vay bằng tài sản | 208.806.066 | - |
| Cho công ty con vay bằng hàng tồn kho | 6.751.813.580 | - |
| Khấu hao tài sản thuê tài chính ghi giảm nợ thuê tài chính theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 27(b)(ii)) | 2.360.958.067 | - |
| Khoản vay chuyển thành người mua trả tiền trước | - | 108.500.000.000 |

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

48. Các khoản nợ tiềm tàng

- Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, ngày 20 tháng 1 năm 2006, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Năm 2008, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ một số nội dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá. Kết luận của Thanh tra Chính phủ được Thủ tướng giao cho Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo và đề xuất xử lý kiến.

Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Thông báo này yêu cầu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để thu tiền sử dụng đất đối với diện tích các nhà nổi của Tổng Công ty xây trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính. Thông báo này cũng yêu cầu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty có chính sách hỗ trợ phúc lợi phù hợp cho cộng đồng dân cư sống ở khu vực này.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công An và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

27-03-2017

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX
Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

| TT | Tên công ty, đơn vị góp vốn | Địa chỉ | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Giá trị đầu tư của TCT | Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2016 | | Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2016 |
|----------|---|---|---|--------------------------|--------------------------|--|----------------------------|--|
| | | | | | | Tỷ lệ % | Vốn thực góp theo mệnh giá | |
| A | CÔNG TY CON | | | 2,706,240,511,959 | 1,854,148,756,738 | | 1,676,790,379,729 | |
| 1 | Cty CP Xây dựng số 1 | D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, HN | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 74,000,000,000 | 63,629,128,791 | 55.14% | 40,800,000,000 | Tổng tài sản 799.290 trđ, Doanh thu thuần 555.271 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 13.139 trđ, Lợi nhuận khác 2.980 trđ, Lợi nhuận trước thuế 16.120 trđ, lợi nhuận sau thuế 12.843 trđ. |
| 2 | Cty CP Xây dựng số 2 | Tầng 2-4, Tòa nhà D1 - Khu ĐTM Kim Văn - Kim Lũ, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 150,000,000,000 | 95,559,621,809 | 51.23% | 76,851,420,000 | Tổng tài sản 2.520.153 trđ, Doanh thu thuần 1.029.755 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 46.249 trđ, Lợi nhuận khác -15.697 trđ, Lợi nhuận trước thuế 30.581 trđ, lợi nhuận sau thuế 16.683 trđ. |
| 3 | Cty CP Xây dựng số 4 | 47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 3,500,000,000 | 3,500,000,000 | 100.00% | 3,500,000,000 | Đơn vị dừng hoạt động |
| 4 | Cty CP Xây dựng số 9 | Tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 đường Phạm Hùng, p. Mễ Trì, q. Nam Từ Liêm, Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 120,000,000,000 | 84,072,109,967 | 54.33% | 65,198,250,000 | Tổng tài sản 1.375.139 trđ, Doanh thu thuần 848.713 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.260 trđ, Lợi nhuận khác 6.383 trđ, Lợi nhuận trước thuế 14.643 trđ, lợi nhuận sau thuế 13.876 trđ. |
| 5 | Công ty CP Vinaconex Đà Nẵng | 89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 10,395,320,000 | 8,313,000,000 | 73.59% | 7,650,000,000 | Tổng tài sản 48.134 trđ, Doanh thu thuần 969 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -1.814 trđ, Lợi nhuận khác -430 trđ, Lợi nhuận trước thuế -2.244 trđ, lợi nhuận sau thuế -2.244 trđ. |
| 6 | Cty CP Xây dựng số 12 | Số 57 đường Vũ Trọng Phụng, p. Thanh Xuân Trung, q. Thanh Xuân, Hà Nội | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 58,180,000,000 | 34,338,162,683 | 52.60% | 30,600,000,000 | Tổng tài sản 519.543 trđ, Doanh thu thuần 509.715 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 13.430 trđ, Lợi nhuận khác -3.060 trđ, Lợi nhuận trước thuế 10.369 trđ, lợi nhuận sau thuế 7.822 trđ. |
| 7 | Cty CP Xây dựng số 16 | 3 Lê Hồng Phong, Vinh, Nghệ An | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 15,000,000,000 | 8,565,440,415 | 51.93% | 7,789,000,000 | Tổng tài sản 121.115 trđ, Doanh thu thuần 86.575 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.091 trđ, Lợi nhuận khác -909 trđ, Lợi nhuận trước thuế 182 trđ, lợi nhuận sau thuế 182 trđ. |
| 8 | Cty CP Xây dựng số 17 | 184 Lê hồng Phong, p. Phước Tân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 15,075,836,146 | 14,402,806,485 | 82.09% | 12,375,836,146 | Tổng tài sản 47.350 trđ, Doanh thu thuần 43.261 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 877 trđ, Lợi nhuận khác 1.156 trđ, Lợi nhuận trước thuế 2.033 trđ, lợi nhuận sau thuế 1.566 trđ. |
| 9 | Cty CP Vinaconex 25 | 89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS | 60,000,000,000 | 35,109,154,062 | 51.00% | 30,600,000,000 | Tổng tài sản 707.368 trđ, Doanh thu thuần 1.033.309 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 28.030 trđ, Lợi nhuận khác -135 trđ, Lợi nhuận trước thuế 27.894 trđ, lợi nhuận sau thuế 22.205 trđ. |
| 10 | Cty CP Vinaconex 27 | 10 Nguyễn Văn Tre, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 17,792,770,000 | 10,200,000,000 | 57.33% | 10,200,000,000 | Tổng tài sản 53.005 trđ, Doanh thu thuần 10.566 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -8.132 trđ, Lợi nhuận khác 100 trđ, Lợi nhuận trước thuế -8.031 trđ, lợi nhuận sau thuế -8.031 trđ. |
| 11 | Cty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 | Số 64B, đường Phan Đình Phùng, p. Phố Mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | Đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện, sx và kinh doanh điện năng | 415,296,507,633 | 317,000,007,633 | 76.33% | 317,000,007,633 | Tổng tài sản 2.008.765 trđ, Doanh thu thuần 400.615 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 80.587 trđ, Lợi nhuận khác -1.299 trđ, Lợi nhuận trước thuế 79.288 trđ, lợi nhuận sau thuế 79.288 trđ. |

| TT | Tên công ty, đơn vị góp vốn | Địa chỉ | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Giá trị đầu tư của TCT | Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2016 | | Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2016 |
|----|--|---|---|-----------------|------------------------|--|----------------------------|--|
| | | | | | | Tỷ lệ % | Vốn thực góp theo mệnh giá | |
| 12 | Cty CP VIMECO | Lô E9, Đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 100,000,000,000 | 74,742,411,830 | 51.41% | 51,409,000,000 | Tổng tài sản 2.550.773 trđ, Doanh thu thuần 1.426.377 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 27.301 trđ, Lợi nhuận khác 8.451 trđ, Lợi nhuận trước thuế 35.752 trđ, lợi nhuận sau thuế 28.217 trđ. |
| 13 | Cty CP Vinaconex Sài Gòn | 47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 61,014,930,000 | 51,589,090,505 | 76.25% | 46,524,720,000 | Tổng tài sản 158.742 trđ, Doanh thu thuần 84.228 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -2.360 trđ, Lợi nhuận khác 210 trđ, Lợi nhuận trước thuế -2.150 trđ, lợi nhuận sau thuế trđ. |
| 14 | Cty CP Tư vấn Vinaconex (Vinaconsult) | Tầng 4-5 nhà D9, đường Khuất Duy Tiến, p.Thanh Xuân Bắc, q.Thanh Xuân, Hà Nội | Tư vấn thiết kế | 11,000,000,000 | 6,799,399,132 | 51.00% | 5,610,000,000 | Tổng tài sản 48.915 trđ, Doanh thu thuần 9.555 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 674 trđ, Lợi nhuận khác -326 trđ, Lợi nhuận trước thuế 347 trđ, lợi nhuận sau thuế 245 trđ. |
| 15 | Cty CP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng | Km7, Quốc lộ 26 - P. Tân Hòa - TP Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 11,000,000,000 | 6,160,000,000 | 56.00% | 6,160,000,000 | Đơn vị đã dừng hoạt động từ 2015 |
| 16 | Cty CP Đầu tư và Dịch vụ đô thị Việt Nam (Vinasinco) | Số 62 Nguyễn Thị Định - Trung Hòa-Cầu giấy - HN | Thương mại, dịch vụ | 10,000,000,000 | 4,770,541,550 | 75.00% | 7,500,000,000 | Tổng tài sản 34.436 trđ, Doanh thu thuần 107.136 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 5.008 trđ, Lợi nhuận khác 88 trđ, Lợi nhuận trước thuế 5.096 trđ, lợi nhuận sau thuế 4.128 trđ. |
| 17 | Cty CP Viwaco | Tầng 1, Nhà 17T7 , Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội | SX và kinh doanh nước sạch | 80,000,000,000 | 42,880,769,436 | 51.00% | 40,800,000,000 | Tổng tài sản 464.235 trđ, Doanh thu thuần 511.061 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 96.398 trđ, Lợi nhuận khác 722 trđ, Lợi nhuận trước thuế 97.120 trđ, lợi nhuận sau thuế 90.775 trđ. |
| 18 | Cty CP Siêu thị và xuất nhập khẩu thương mại Việt Nam | P308 Tòa nhà thời trang khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - TX-HN | Thương mại, dịch vụ | 15,000,000,000 | 8,440,856,790 | 51.00% | 7,650,000,000 | Tổng tài sản 18.995 trđ. Đơn vị đã ngừng hoạt động từ 2015. |
| 19 | Cty CP Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex (ITC) | Tầng 1, tòa nhà 17T5, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 360,000,000,000 | 192,800,000,000 | 53.56% | 192,800,000,000 | Tổng tài sản 857.441 trđ, Doanh thu thuần 3.612 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -5.693 trđ, Lợi nhuận khác 13.202 trđ, Lợi nhuận trước thuế 7.509 trđ, lợi nhuận sau thuế 7.509 trđ. |
| 20 | Cty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex (VINAHUD) | Tòa nhà Vinahud, đường Trung Yên 9, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy, HN | Quản lý dự án, giám sát thi công đầu tư, XD và kinh doanh BĐS | 70,000,000,000 | 49,000,000,000 | 70.00% | 49,000,000,000 | Tổng tài sản 333.529 trđ, Doanh thu thuần 26.692 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.298 trđ, Lợi nhuận khác 258 trđ, Lợi nhuận trước thuế 8.557 trđ, lợi nhuận sau thuế 7.284 trđ. |
| 21 | Cty CP Phát triển Thương mại Vinaconex (VCTD) | 459C Phố Bạch Mai, P. Trương Định, Hai Bà Trưng, HN | Thương mại, dịch vụ | 200,000,000,000 | 110,000,000,000 | 55.00% | 110,000,000,000 | Tổng tài sản 1.264.296 trđ, Doanh thu thuần 39.295 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.982 trđ, Lợi nhuận khác 401 trđ, Lợi nhuận trước thuế 2.384 trđ, lợi nhuận sau thuế 2.384 trđ. |
| 22 | Cty CP Nước sạch Vinaconex (Vinasupco) | Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, Huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình | SX và kinh doanh nước sạch | 500,000,000,000 | 255,000,000,000 | 51.00% | 255,000,000,000 | Tổng tài sản 1.115.851 trđ, Doanh thu thuần 407.168 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 170.350 trđ, Lợi nhuận khác -493 trđ, Lợi nhuận trước thuế 169.856 trđ, lợi nhuận sau thuế 161.207 trđ. |
| 23 | Cty CP Vinaconex Dung Quất | Thôn Tân An, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Thương mại, dịch vụ | 49,211,000,000 | 47,000,000,000 | 95.51% | 47,000,000,000 | Tổng tài sản 57.330 trđ, Doanh thu thuần 31.803 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 9.637 trđ, Lợi nhuận khác -22 trđ, Lợi nhuận trước thuế 9.614 trđ, lợi nhuận sau thuế 7.636 trđ. |
| 24 | Cty CP Vận tải Vinaconex | Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, HN | Thương mại, dịch vụ | 110,071,832,230 | 22,666,520,900 | 59.12% | 65,071,830,000 | Đơn vị dừng hoạt động từ 2014 |
| 25 | Cty CP Bất động sản Vinaconex | Số 1, lô 3A, đường Trung Yên 11, p. Trung Hòa, q. Cầu Giấy, HN | Đầu tư kinh doanh BĐS | 52,728,500,000 | 101,109,734,750 | 100.00% | 52,726,500,000 | Tổng tài sản 52.946 trđ, Đơn vị đang triển khai đầu tư dự án 93 Láng Hạ |
| 26 | Cty TNHH Bohemia | Số 25 Nguyễn Huy Tưởng, p. Thanh Xuân Trung, q. Thanh Xuân, HN | Đầu tư kinh doanh BĐS | 136,973,815,950 | 206,500,000,000 | 100.00% | 136,973,815,950 | Tổng tài sản 125.938 trđ, Doanh thu thuần 248 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -3.452 trđ, Lợi nhuận khác 1.240 trđ, Lợi nhuận trước thuế -2.212 trđ, lợi nhuận sau thuế trđ. |

| TT | Tên công ty, đơn vị góp vốn | Địa chỉ | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Giá trị đầu tư của TCT | Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2016 | | Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2016 |
|----------|---|---|---|-------------------|--------------------------|--|----------------------------|--|
| | | | | | | Tỷ lệ % | Vốn thực góp theo mệnh giá | |
| B | CÔNG TY LIÊN DOANH - LIÊN KẾT | | | | 1,709,181,851,183 | | 1,742,536,381,200 | |
| 27 | Cty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng Lượng Vinaconex | Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng | 455,999,950,000 | 110,915,000,000 | 29.19% | 133,098,000,000 | Tổng tài sản 1.238.082 trđ, Doanh thu thuần 255.780 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 76.065 trđ, Lợi nhuận khác 1.168 trđ, Lợi nhuận trước thuế 77.233 trđ, Lợi nhuận sau thuế 72.369 trđ. |
| 28 | Cty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex | Tầng 5, Tòa 25T1, đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, HN | Thương mại, dịch vụ | 30,000,000,000 | 13,260,000,000 | 44.20% | 13,260,000,000 | Tổng tài sản 178.583 trđ, Doanh thu thuần 132.950 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.892 trđ, Lợi nhuận khác 6.211 trđ, Lợi nhuận trước thuế 15.103 trđ, Lợi nhuận sau thuế 11.559 trđ. |
| 29 | Cty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel | Tầng 1, tòa nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, HN | Tổ chức tín dụng | 1,000,000,000,000 | 330,000,000,000 | 33.00% | 330,000,000,000 | Tổng tài sản 1.021.527 trđ, Doanh thu thuần 22.142 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -34.098 trđ, Lợi nhuận khác -11.306 trđ, Lợi nhuận trước thuế -56.383 trđ, Lợi nhuận sau thuế -56.388 trđ. Đơn vị sáp nhập với NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) từ ngày 12/01/2017. |
| 30 | Cty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh | Km10+600, đại lộ Thăng Long, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, HN | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 42.500.000 USD | 340,269,000,000 | 50.00% | 340,269,000,000 | Tổng tài sản 5.815.263 trđ, Doanh thu thuần 241.692 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -319.046 trđ, Lợi nhuận khác -14.996 trđ, Lợi nhuận trước thuế -334.042 trđ, Lợi nhuận sau thuế trđ. |
| 31 | Cty TNHH LD Quốc tế Vinaconex - Taisei | 289 Khuất Duy Tiến, p. Trung Hòa, q. Cầu Giấy, Hà Nội | Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS | 22.200.000 USD | 114,179,871,113 | 29.00% | 139,588,681,200 | Tổng tài sản 1.133.079 trđ, Doanh thu thuần 1.589.477 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 142.079 trđ, Lợi nhuận khác -128.925 trđ, Lợi nhuận trước thuế 13.153 trđ, Lợi nhuận sau thuế -16.577 trđ. |
| 32 | Cty CP Xây dựng số 7 | Tầng 3, Tòa Vinaconex 7, Số 61, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS | 109,999,840,000 | 36,999,031,017 | 36.00% | 39,600,000,000 | Tổng tài sản 583.430 trđ, Doanh thu thuần 291.221 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 27.840 trđ, Lợi nhuận khác 3.813 trđ, Lợi nhuận trước thuế 31.654 trđ, Lợi nhuận sau thuế 16.550 trđ. |
| 33 | Cty CP Xây dựng số 11 | Tầng 1, văn phòng 6, Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, HN | Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp | 83,998,890,000 | 40,833,913,053 | 30.36% | 25,500,000,000 | Tổng tài sản 330.131 trđ, Doanh thu thuần 55.052 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -8.685 trđ, Lợi nhuận khác -18.257 trđ, Lợi nhuận trước thuế -26.942 trđ, Lợi nhuận sau thuế -26.942 trđ. |
| 34 | Cty CP Xi măng Cẩm Phả | Km 6, Quốc lộ 18A, phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh | Sản xuất xi măng | 2,000,000,000,000 | 600,000,000,000 | 30.00% | 600,000,000,000 | Tổng tài sản 6.154.034 trđ, Doanh thu thuần 2.701.931 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 208.464 trđ, Lợi nhuận khác 2.798 trđ, Lợi nhuận trước thuế 211.262 trđ, Lợi nhuận sau thuế 211.262 trđ. |
| 35 | Cty CP VIPACO | Tầng 1, chung cư CT 1 Vimeco, đường Nguyễn Chánh, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, HN | Sản xuất bao bì | 30,000,000,000 | 5,312,500,000 | 21.25% | 6,375,000,000 | Tổng tài sản 4.558 trđ, Doanh thu thuần 109 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -60 trđ, Lợi nhuận khác -6.094 trđ, Lợi nhuận trước thuế -6.154 trđ. Đơn vị đã ngừng hoạt động từ cuối 2015. |
| 36 | Cty CP Đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang | Số 14, lô B1 Khu đô thị mới Nam Từ Sơn, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh | Đầu tư hạ tầng giao thông | 496,322,400,000 | 104,227,700,000 | 21.00% | 104,227,700,000 | Tổng tài sản 3.278.376 trđ, Doanh thu thuần 241.273 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -18.622 trđ, Lợi nhuận khác -601 trđ, Lợi nhuận trước thuế -19.223 trđ, Lợi nhuận sau thuế -19.223 trđ. |
| 37 | Cty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex | Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc, Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội | Sản xuất công nghiệp | 30,000,000,000 | 13,184,836,000 | 35.39% | 10,618,000,000 | Tổng tài sản 45.021 trđ, Doanh thu thuần 13.244 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -622 trđ, Lợi nhuận khác -239 trđ, Lợi nhuận trước thuế -861 trđ, Lợi nhuận sau thuế trđ. |
| C | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÁC | | | | 165,259,630,600 | | 165,287,430,788 | |

| TT | Tên công ty, đơn vị góp vốn | Địa chỉ | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Giá trị đầu tư của TCT | Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2016 | | Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2016 |
|----|--|---|-----------------------------|-------------------|--------------------------|--|----------------------------|--|
| | | | | | | Tỷ lệ % | Vốn thực góp theo mệnh giá | |
| 38 | Cty CP Đầu tư và Thương mại Vinaconex | Khu công nghiệp Vĩnh Phúc - Hà Nội | | 2,000,000,000 | 100,000,000 | | 100,000,000 | Không hoạt động |
| 39 | Tổng công ty CP Phát triển Hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (Vidifi) | Tầng 8,9,10 Tòa nhà Lilama10, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Từ Liêm, Hà Nội. | Đầu tư đường cao tốc | 3,704,675,285,080 | 40,000,000,000 | | 40,000,000,000 | Tổng tài sản 38.714.686 trđ, Doanh thu thuần 1.430.293 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -1.756.316 trđ, Lợi nhuận khác -308 trđ, Lợi nhuận trước thuế -1.756.624 trđ, Lợi nhuận sau thuế trđ. |
| 40 | Cty CP EVN Quốc Tế | Lô 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, p.Khuê Trung, q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng | Thủy điện | 366,771,459,148 | 24,000,000,000 | | 24,000,000,000 | Tổng tài sản 408.082 trđ, Doanh thu thuần 2.121 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.239 trđ, Lợi nhuận khác 14 trđ, Lợi nhuận trước thuế 1.253 trđ, Lợi nhuận sau thuế 950 trđ. |
| 41 | Cty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh | Tổ 33, khu 5, p. Hà Khánh, TP. Hạ Long, Quảng Ninh | Nhiệt điện | 4,500,000,000,000 | 52,761,753,930 | | 52,761,760,000 | Tổng tài sản 15.459.303 trđ, Doanh thu thuần 8.738.013 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 384.444 trđ, Lợi nhuận khác -17.824 trđ, Lợi nhuận trước thuế 366.619 trđ, Lợi nhuận sau thuế 366.619 trđ. |
| 42 | Quý Đầu tư Việt nam | Hàng Vôi, Hà Nội | Đầu tư tài chính | 168,844,221,106 | 10,080,000,000 | | 10,080,000,000 | Tổng tài sản 561.860 trđ, Doanh thu thuần 102.369 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 83.829 trđ, Lợi nhuận khác trđ, Lợi nhuận trước thuế 83.829 trđ, Lợi nhuận sau thuế trđ. |
| 43 | Cty CP Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng | Thôn Đại La, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng | Sản xuất bê tông dự ứng lực | 50,000,000,000 | 9,500,000,000 | | 9,500,000,000 | Tổng tài sản 128.841 trđ, Doanh thu thuần 46.271 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -6.021 trđ, Lợi nhuận khác -8.018 trđ, Lợi nhuận trước thuế -14.040 trđ. |
| 44 | Cty CP Xây dựng số 21 | Ba La, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | Xây lắp, Bất động sản | 51,997,890,000 | 362,205,882 | | 390,000,000 | Tổng tài sản 381.337 trđ, Doanh thu thuần 160.144 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 3.165 trđ, Lợi nhuận khác -966 trđ, Lợi nhuận trước thuế 2.199 trđ, Lợi nhuận sau thuế 1.681 trđ. |
| 45 | Cty CP Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung | Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa | Xây dựng thủy điện | 87,800,000,000 | 3,450,000,000 | | 3,450,000,000 | Tổng tài sản trđ, Doanh thu thuần trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trđ, Lợi nhuận khác trđ. |
| 46 | Cty TNHH Vina - Sanwa | Khu Công nghiệp Công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội | Sản xuất công nghiệp | 12.307.552,50 USD | 25,005,670,788 | | 25,005,670,788 | Tổng tài sản 314.999 trđ, Doanh thu thuần 254.783 trđ, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 19.819 trđ, Lợi nhuận khác 135 trđ, Lợi nhuận trước thuế 19.954 trđ, Lợi nhuận sau thuế 19.954 trđ. |
| | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | 3,728,590,238,521 | | 3,584,614,191,717 | |



Xây những giá trị, dựng những ước mơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT—EXPORT JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 6284 9234 Fax: (84-4) 6284 9208

Email: info@vinaconex.com.vn

Website: www.vinaconex.com.vn